

Quyển 67

Thứ 12. TU SỞ THÀNH TUỆ ĐỊA

Như vậy đã thuyết quyết trạch Tư sở thành tuệ địa, nay Ta sẽ thuyết **Tu sở thành tuệ địa**.

Nên biết lược có 16 chủng tu: 1. Tu tác ý tương ứng Thanh văn thừa; 2. Tu tác ý tương ứng Đại thừa; 3. Tu ảnh tượng; 4. Tu biên tế của sự; 5. Tu việc làm thành tựu; 6. Tu đắc; 7. Tu tập; 8. Tu trừ bỏ; 9. Tu đối trị; 10. Tu phần ít; 11. Tu biến hành; 12. Tu động chuyển; 13. Tu có gia hạnh; 14. Tu đã thành tựu; 15. Tu pháp không thành tựu việc tu; 16. Tu pháp thành tựu việc tu.

Sao gọi là *tu tác ý tương ứng Thanh văn thừa*? Như có người là Thanh văn, trụ pháp tánh Thanh văn, hoặc chưa chứng nhập chánh tánh ly sanh, hoặc đã chứng nhập chánh tánh ly sanh. Không quán việc lợi ích người, chỉ quán việc tự lợi ích mình. Do tác ý môn an lập để, bên trong quán chân như. Duyên pháp có lượng, có phân biệt làm cảnh, tận trừ sở hữu tham ái. Tu tập tác ý hành

tướng nhằm chán xa lìa, dục giải thoát. Đây gọi là tu tác ý tương ứng Thanh văn thừa.

Sao gọi là *tu tác ý tương ứng Đại thừa*? Như có người là Bồ-tát, trụ pháp tánh Bồ-tát, hoặc chưa chứng nhập chánh tánh ly sanh, hoặc đã chứng nhập chánh tánh ly sanh. Quán các việc lợi mình, lợi người. Do tác ý môn an lập, phi an lập đế, nội quán chân như. Duyên pháp vô lượng, vô phân biệt làm cảnh. Vì lực đại bi tăng thượng, nên tận trừ sở hữu tham ái của mình, người. Tu tập tác ý hành tướng phương tiện nhiếp thọ các việc lợi ích hữu tình và do hành tướng nhân duyên hướng đến dấu tích vô thượng. Đây gọi là tu tác ý tương ứng Đại thừa.

Sao gọi là *tu ảnh tượng*? Hoặc vì tác ý tư duy ở nơi ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, sở hành tam-ma-địa thuộc phẩm Tỳ-bát-xá-na có phân biệt. Hoặc vì tác ý tư duy ở nơi ảnh tượng đồng phạm sự việc sở tri, sở hành tam-ma-địa thuộc phẩm Xa-ma-tha không phân biệt. Tu các sở hữu như vậy gọi là tu ảnh tượng.

Sao gọi là *tu biên tế của sự*? Hoặc tác ý tư duy pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, nội ngoại, thô tế, hạ

liệt thẳng diệu, gần xa... hoặc tác ý tư duy chân như. Như vậy tu các sở hữu, hoặc tận tánh sở hữu, hoặc như tánh sở hữu, gọi là tu biên tế của sự.

Sao gọi là *tu việc làm thành tựu*? Đã chứng nhập tinh lự căn bản, tu các sở hữu hoặc các đẳng chí, hoặc định thế gian, hoặc định xuất thế gian, gọi là tu việc làm thành tựu.

Sao gọi là *tu đắc*? Như có người nương Sơ tinh lự, hoặc tu tướng vô thường, cho đến hoặc tu tướng chết. Người kia tu sở hữu tướng không hiện tiền khác, hoặc nhiếp thuộc tự địa, hoặc nhiếp thuộc địa dưới và dẫn phát các công đức khác hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian. Đều năng tu tập như vậy khiến lạc thanh tịnh sanh khởi, tăng trưởng sung mãn, ở nơi kia thu được thành tựu tự tại. Đây gọi là tu đắc.

Sao gọi là *tu tập*? Như có người tác ý tư duy các tướng thiện như vô thường... hoặc đều hiện hành tu tập các thiện pháp. Đây gọi là tu tập.

Sao gọi là *tu trừ bỏ*? Như có người do tác ý tư duy các tướng ảnh tượng sở hành tam-ma-địa, như dùng chi tiết phương tiện để trừ khiến chi tiết lưu xuất, xả bỏ tự tánh các tướng. Lại như có người

dùng chi tiết vi tế để trừ khiến chi tiết thô kia. Người tu hành như vậy lấy thân khinh an để trừ bỏ thân thô trọng, còn lại như trước đã nói. Đây gọi là tu trừ bỏ.

Sao gọi là *tu đối trị*? Các sở hữu tu tập tác ý tư duy hoặc đối trị yểm hoạn, hoặc đối trị đoạn, hoặc đối trị trì, hoặc đối trị phần xa, gọi là tu đối trị.

Trong đây, đối trị yểm hoạn là tất cả thiện đạo thế gian, ngoại trừ tác ý được dẫn bởi các vô lượng và tác ý được dẫn bởi hành giả du hí thần thông. Đối trị đoạn: tác ý duyên chân như làm cảnh. Đối trị trì: từ đây về sau hoặc đắc đạo thế, xuất thế, hoặc đạo giải thoát. Đối trị phần xa: đã đoạn phiền não rồi, lại nhiều tu tập ở nơi đạo đối trị, hoặc nhiều tu tập các đạo thuộc địa cao hơn.

Lại có cách giải thích khác. Đó là đạo văn-tu-tu gọi là đối trị yểm hoạn. Đạo xuất thế gian gọi là đối trị đoạn. Quả chuyển y đây gọi là đối trị trì. Tu đạo thế gian gọi là đối trị phần xa.

Sao gọi là *tu phần ít*? Là các sở hữu tu tập do tác ý tư duy một trong số các thiện pháp như tướng vô thường... Như vậy gọi là tu phần ít.

Sao gọi là *tu biến hành*? Là các sở hữu tu tập

do đối với các pháp, tác ý tư duy một vị chân như. Đây gọi là tu biến hành.

Sao gọi là *tu động chuyển*? Khi tu phương tiện ở nơi tu vô tướng, thời thời tu có khoảng hở xen lẫn, gọi là tu động chuyển.

Sao gọi là *tu có gia hạnh*? Khi tu phương tiện ở nơi kia, do tu có gia hạnh gián đoạn xen lẫn, gọi là tu có gia hạnh.

Sao gọi là *tu đã thành tựu*? Là các sở hữu tu tập hoặc Thanh văn thừa, hoặc Độc giác thừa, hoặc Đại thừa, đã đắc tất cả sở hữu chuyển y và được tự tại ở nơi tất cả các pháp, gọi là tu đã thành tựu.

Sao gọi là *tu pháp không thành tựu việc tu*? Ở nơi bất định địa mà tu tập sở hữu thiện pháp như thí giới... gọi là tu pháp không thành tựu tu.

Sao gọi là *tu pháp thành tựu việc tu*? Ở nơi định địa mà tu tập các thiện pháp gọi là pháp tu thành tựu do tu.

Trong địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết quyết trạch Tu sở thành tuệ địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Thanh văn địa**.

Như trong phần *Bản địa* đã thuyết, thì bồ-đặc-già-la trụ không chủng tánh gọi là rốt ráo không pháp Bát-niết-bàn. Trong đây có người sanh tâm nghi hoặc: Làm sao mà có rốt ráo không pháp Bát-niết-bàn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, các loại hữu tình chủng chủng giới tánh, vô lượng giới tánh, có giới tánh hạ liệt, có giới tánh thắng diệu, là có chẳng? Là không chẳng? Nếu nói có mà không có bồ-đặc-già-la rốt ráo không pháp Bát-niết-bàn, thì không đúng đạo lý. Nếu nói không, thì như trong kinh nói: “Các loại hữu tình có chủng chủng giới tánh cho đến có giới tánh thắng diệu” không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, kia lại vấn nạn: Như loại hữu

tình tuy có chủng chủng giới tánh cho đến giới tánh thắng diệu, mà hữu tình không hữu không căn. Như vậy, hữu tình không pháp Bát-niết-bàn có sao chẳng thế, hoặc nên chấp nhận có hữu tình không căn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, các kẻ không căn là hữu tình, hay phi hữu tình? Nếu là hữu tình, thì vật bên ngoài không căn lẽ cũng là hữu tình, điều này không đúng đạo lý. Nếu phi hữu tình, thì nói gì đến chuyện có kẻ không tin hữu tình không căn. Điều này cũng không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, kia lại vấn nạn rằng: Như đã làm Sát-đế-lợi, hoặc có lúc làm Bà-la-môn, Phệ-xá, Thủ-đà-la. Như vậy cho đến đã làm Thủ-đà-la, hoặc có lúc làm Sát-đế-lợi; hoặc làm chúng sanh ở địa ngục, lại có lúc làm trời; cho đến đã làm trời rồi, hoặc có lúc cho đến làm chúng sanh ở địa ngục. Như vậy, có sao không có lúc làm không-pháp-Bát-niết-bàn rồi, hoặc có lúc lại làm có-pháp-Bát-niết-bàn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, những người Sát-đế-lợi cho đến Thủ-đà-la và chúng sanh địa ngục cho đến chư thiên cõi trời là có tất cả các

thế giới ấy, hay chỉ có một thế giới chăng? Nếu có tất cả thế giới, ví dụ không tương tự, nên không phải đạo lý. Nếu chỉ có một thế giới, vậy có người trước làm Sát-đế-lợi, hoặc có lúc cho đến làm Thủ-đà-la; trước làm chúng sanh ở địa ngục, hoặc có lúc cho đến làm trời, thì không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi, kia lại vấn nạn rằng: Như Sát-đế-lợi... đủ tất cả thế giới, vậy thì kẻ không pháp Bát-niết-bàn cơ sao không có pháp Bát-niết-bàn giới?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, các kẻ không pháp Niết-bàn giới và những người có pháp Niết-bàn giới, hai thế giới đây là trái nhau hay là không trái nhau? Nếu trái nhau, thì kẻ không có pháp Bát-niết-bàn cơ sao chẳng có pháp Bát-niết-bàn giới? Cho nên đây không đúng đạo lý. Nếu không trái nhau, tức là bổ-đặc-già-la đây không pháp Bát-niết-bàn cũng là kẻ có pháp Bát-niết-bàn, thì không đúng đạo lý.

Nói như vậy rồi kia lại vấn nạn: Như hiện thấy có vùng đất, một thời không chũng tánh vàng, hoặc một thời có chũng tánh vàng; có thời không chũng tánh ma-ni, trân châu, loa bối... hoặc một

thời lại có chủng tánh kia; có thời không chủng tánh muối, hoặc một thời có chủng tánh kia; có thời không chủng tánh chủng chủng tướng giới, hoặc có một thời có chủng tánh kia. Như vậy trước không chủng tánh pháp Bát-niết-bàn, có sao chẳng có một thời có chủng tánh pháp Bát-niết-bàn?

Nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào? Như vùng đất trước không có chủng tánh kia, về sau lại có chủng tánh kia; hoặc trước có chủng tánh kia, về sau không có chủng tánh kia. Vậy là trước có chủng tánh quyết định Thanh văn, về sau không chủng tánh đây, cho đến trước có chủng tánh quyết định Đại thừa, về sau không có chủng tánh đây; hoặc trước không có chủng tánh quyết định, về sau có chủng tánh quyết định ư? Nếu ông nói thế thì thiện căn thuận phần giải thoát lẽ ứng với không có kết quả? Lại nếu vậy thì lập chủng tánh quyết định không đúng đạo lý. Nếu chẳng vậy, thì như ông nói kẻ không pháp Bát-niết-bàn trước trụ chủng tánh rồi, về sau trụ có chủng tánh, như ở vùng đất ấy; hoặc kẻ có pháp Bát-niết-bàn trước trụ có chủng tánh rồi, về sau trụ không chủng tánh, như ở địa phương ấy, thì không đúng đạo lý.

Lại nên hỏi kia rằng: Ông muốn thế nào, kẻ không pháp Bát-niết-bàn trụ giới hạ liệt, như vậy an trụ trong giới hạ liệt, tại đây sanh chuyển thành pháp Bát-niết-bàn, hay là về sau sanh?

Nếu tại đây sanh, ý ông thế nào? Người kia gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở hiện pháp là năng phát khởi thiện căn thuận phần giải thoát, hay không năng khởi? Nếu nói năng phát khởi, thì kia gặp Phật Pháp Tăng rồi ở hiện pháp năng khởi thiện căn thuận phần giải thoát, mà nói người kia không pháp Bát-niết-bàn thì không đúng đạo lý. Nếu nói không năng khởi, thì người kia gặp Phật Pháp Tăng rồi, ở trong hiện pháp không năng sanh khởi thiện căn thuận phần giải thoát, mà nói chuyển thành pháp Bát-niết-bàn thì không đúng đạo lý.

Nếu nói rằng về đời sau sanh mới thành pháp Bát-niết-bàn, ý ông thế nào? Vì kia trước tích tập căn lành, nên ở sanh đời sau gặp Phật Pháp Tăng năng khởi thiện căn thuận phần giải thoát, hay trước chẳng tích tập thiện căn? Nếu nói trước tích tập thiện căn, tức kia ở đời sanh đây gặp Phật Pháp Tăng năng khởi thiện căn, mà nói đời sanh sau mới thành pháp Bát-niết-bàn thì không đúng

đạo lý. Lại lẽ như nhân kia ứng với không có kết quả. Nếu nói trước không tích tập thiện căn, vậy thì trước sau giống nhau đều chưa tích tập thiện căn, mà nói đời sanh sau mới thành pháp Bát-niết-bàn, chẳng phải đời sanh đây, thì không đúng đạo lý.

Lại nữa, lược có 10 chủng Thanh văn. Những gì là mười? 1. Thanh văn thanh tịnh giới; 2. Thanh văn đã gặp duyên; 3. Thanh văn sanh thế giới tạp nhiễm; 4. Thanh văn sanh thế giới thanh tịnh; 5. Thanh văn sanh thời mạt pháp; 6. Thanh văn sanh thời hiền thiện; 7. Thanh văn chưa được nhĩ; 8. Thanh văn đã được nhĩ; 9. Thanh văn thanh tịnh nhĩ; 10. Thanh văn cực thanh tịnh nhĩ.

Hoặc có người an trụ chủng tánh Thanh văn, thuộc chủng Thanh văn thanh tịnh giới. Hoặc người đã nhập pháp, thuộc chủng Thanh văn đã gặp duyên.

Hoặc có Thanh văn sanh trong thế giới có nhiều thứ khổ năm trước, chỗ gọi là thọ trước cho đến hữu tình trước. Đây gọi là Thanh văn sanh thế giới tạp nhiễm. Trái với tướng đây nên biết tức là Thanh văn sanh thế giới thanh tịnh.

Làm sao có thể biết tướng của các Thanh văn

sanh thời mạt pháp? Đó là ở đương lai có các Thanh văn sanh thời mạt pháp phần nhiều quý trọng lợi dưỡng cung kính, quay lưng trái nghịch diệu pháp. Các tham, khuể, si và pháp bất chánh tăng trưởng mạnh mẽ. Tâm bị trói buộc quấy nhiễu bởi các tùy phiền não như keo lẩn, ganh ghét... từ keo lẩn nơi ở, keo lẩn nhà cửa, keo lẩn lợi dưỡng, keo lẩn sự cúng kính, keo lẩn danh cho đến keo lẩn pháp, không gì không đầy đủ. Siểm cống, kiêu trá hằng hiện tại tiền, nói rộng cho đến vì nuôi mạng sống mà cầu xuất gia, chẳng phải vì cầu Niết-bàn. Nhiều các trạo động, cao cử, khinh tháo, ngang ngược, ngạo mạn, giải đãi, quên mất chánh niệm. Tâm chẳng định tĩnh, nhiều các mê loạn, căn tánh tối tăm, thấp hèn. Nhiều các phiền não hiện hành không gián đoạn. Ưu khổ tuy nhiều mà không sanh nhàm chán họa hoạn. Vui thích nơi có nhiều chúng tụ tập, xa lìa nơi a-lan-nhã, xa lìa chỗ nằm ngồi nơi vắng vẻ đến nhập trong chúng ồn náo, tập gần thôn xóm, nơi có nhiều vật dụng nuôi thân liền sanh vui thích. Như vậy cho đến vui thích nói cười, vui thích chúng huyên náo, vui thích tạp loạn xấu xa, tự đề cao phóng dật, chẳng thể khéo tu thân

giới tâm tuệ. Đối với sở thuyết thâm sâu của chư Phật Thế Tôn và sở hữu kinh điển tương ưng tánh Không tùy thuận duyên khởi của tánh duyên thấy đều xả bỏ. Đối với những việc thông huệ thế gian tạo làm độc tụng, trang sức ngôn từ bóng bẩy, văn chương hoa mỹ, thuận theo sách luận thế tục, thì cung kính thọ trì, sanh sâu vui thích. Đối với tương tự chánh pháp, chẳng phải chánh pháp mà sanh vọng tưởng cho là pháp, đối với chánh pháp sanh khởi tưởng là phi pháp. Lại vui thích hiển thị tuyên thuyết khai thị những điều trên, phỉ báng chánh pháp và Tỳ-nại-da. Lại đối với người thuyết chánh pháp và Tỳ-nại-da, sanh tưởng như kẻ oán. Hủy phạm nhiều giới, tập theo các pháp ác, bên trong thật hư bại mà ngoài hiện tướng hiền thiện, nói rộng cho đến thật chẳng phải phạm hạnh mà tự xưng phạm hạnh. Đối với hai thiên tội trọng hữu dư và vô dư vẫn còn sanh khởi suy nghĩ hiện hành hủy phạm, hà huống đối với thiên tội khinh và tội trung. Đã hủy phạm rồi, phần nhiều không như pháp phát lồ đối trị, hoặc chỉ khi bị người biết mới hành phát lồ, chẳng phải vì thật ý vui. Lại muốn kết thân với các gia chủ và nhà thí vật thực.

Ở nơi những người tại gia tạo tác hành vi năng dẫn vô nghĩa, nhiều sự nhiều nghiệp, vui thích kinh doanh gây tạo. Đối với các tại gia bạch y, khởi nhiều thân ái tôn trọng cung kính nhớ nghĩ nơi lòng, chẳng phải đối với người đồng pháp tu phạm hạnh an trụ nhiều vui thích. Đối trá hiện tướng oai nghi... khởi pháp tà mạng... triển chuyển lẫn quần mưu tính trong tâm, ham thích gây tạo vô số việc đấu tranh kiện tụng ly gián, nhiều vui thích chứa sản nghiệp, vay mượn cách thức trên để tồn tại lấy làm thù thắng. Phạm có độ người xuất gia thọ giới, tất cả đều lấy tâm nhiễm ô vì muốn lợi dưỡng cung kính... nhưng lại dối nói vì nhân duyên lân mẫn mà độ người xuất gia thọ Cụ túc giới. Việc nuôi dưỡng đệ tử cộng trụ, đệ tử cận trụ chỉ vì thường mong được cấp dưỡng, thuận theo tâm của kẻ kia mà chuyển. Tuy kẻ kia chậm chạp mà ý sanh sâu yêu mến nhớ nghĩ, ý vui thích nhiếp thọ. Người khác tuy không chậm chạp, mà lại không sanh sâu yêu mến nhớ nghĩ nhiếp thọ. Nếu thấy Bí-sô có nhiều quyến thuộc, thu được nhiều lợi dưỡng y phục... liền tôn trọng cung kính cúng dường. Nếu thấy Bí-sô ít quyến thuộc, tuy thiếu dục, có

đầy đủ công đức, lại sanh khinh miệt mà không nhớ nghĩ. Vật thực thọ nhận của Tăng và nhận riêng của người đều không biết hổ thẹn. Ưa nhiếp hủy phạm giới, vui kết bè đảng. Tính xấu nhỏ nhen, hoặc lại thái quá. Phàm nếu nghe thọ đều vì nhân duyên được khen ngợi ca tụng, hoặc vì lợi dưỡng cung kính, chẳng vì tự điều phục thân tâm. Tất cả các loại pháp tạp nhiễm như vậy thấy đều thành tựu đầy đủ.

Thời diệt pháp là khi bậc Đại sư Bát-niết-bàn, về sau thánh giáo bị ẩn mất, bấy giờ các đệ tử Thanh văn như thế khi thân hoại mạng chung phần nhiều đọa đường ác, sanh vào địa ngục.

Nếu có người thành tựu pháp không nhiễm ô trái với tướng trên, nên biết gọi là Thanh văn sanh thời hiền thiện. Thanh văn kia ở thời Như Lai xuất thế đầu tiên, thời ung nhọt chưa sanh, thời Đại sư hiện tiền, có một phần về sau Bát-niết-bàn, phần nhiều khi thân hoại mạng chung sanh trở lại đường thiện, vãng sanh vui trong thế giới cõi trời.

Hoặc các đệ tử sanh Thanh văn gọi là chưa được nhân. Hoặc các bậc Dự lưu, Nhất lai, Bất hoàn gọi

là đã được nhãn.

Hoặc bậc A-la-hán tuệ giải thoát gọi là thanh tịnh nhãn. Hoặc bậc đầy đủ tam minh, đủ phần giải thoát gọi là cực thanh tịnh nhãn.

Lại nữa, hoặc có Thanh văn tuy ở hiện pháp như chỗ thích hợp tinh tấn mạnh mẽ, nhưng chẳng thể chứng thắng pháp vượt hơn người. Hoặc có Thanh văn ở hiện pháp có lực năng đặc thắng pháp vượt hơn người, chứng quả Sa-môn. Nếu phóng dật thì chẳng thể chứng.

Lại nữa, nay sẽ giải thích các cú khác nhau trong *Kinh Nguyệt Dụ*: “Đầy đủ giới, đầy đủ đức, nhu hòa, thiện pháp”.

Đó là trong Thanh văn lược có 4 chủng pháp tịnh diệu, khi các hữu tình gặp được vị đó, sẽ khiến thân ngữ ý sanh vô lượng phước. Những gì là bốn?

1. Trụ đầy đủ giới, thọ trì Biệt giải thoát luật nghi, như kinh rộng thuyết;
2. Ít muốn vui đủ... nói rộng cho đến vĩnh viễn tận các lậu, tác chứng được sự khen ngợi tán thán tốt đẹp;
3. Nhu hòa dễ cùng cộng trú, không nhiều nã người có trí đồng phạm hạnh, khiến các Bí-sô vui thích cùng cộng trú, lại thành tựu đầy đủ bốn chứng tịnh;
4. Không đam

mê lợi dưỡng, không đấm trước cung kính, lân mẫn đối với người; khéo phát lộ các ác, che giấu điều thiện của mình, tuy thật có chủng chủng công đức cũng không muốn người biết đến.

Lại nữa, nếu có Thanh văn muốn đến nhà người, trước phải đoạn trừ 3 tùy phiền não rồi sau mới đến. Những gì là ba? 1. Tùy phiền não kết thân hữu với nhà người; 2. Tùy phiền não keo lãn đối với nhà người; 3. Tùy phiền não có tâm nhiệm mà hành pháp thí.

Trong đây, Thanh văn nương 6 chủng tướng nên đoạn tùy phiền não kết thân hữu rồi mới đến nhà người. Đó là lâu lâu mới đến, chẳng nên thường xuyên đến. Đối với việc khả ái, nếu chẳng như lý chấp thủ tướng, vừa sanh tham ái tức liền hổ thẹn. Chẳng dùng miệng nói lời hung bạo buông thả, tà hạnh để truy cầu y phục, vật dụng... Thân khéo tự kín đáo, khéo tự thủ hộ, không dùng thân xúc chạm chỗ chẳng nên xúc, không ngồi ở chỗ chẳng nên ngồi, không ăn chỗ chẳng nên ăn, không uống chỗ chẳng nên uống, không thọ chỗ chẳng nên thọ. Lại dùng tâm tùy thuận hạnh xa lìa, tâm hướng đến hạnh xa lìa, tâm gần gũi hạnh xa lìa và tâm tư

các thiện. Đối với nhà không tịnh tín thì năng khiến tịnh tín, giống như núi cao khó trèo lên đến đỉnh; đối với nhà tịnh tín thì năng khiến tăng trưởng gấp bội, giống như lợi trong ao suối thanh tịnh trong sạch.

Lại nương 6 tướng nên đoạn tùy phiền não keo lẩn đối với nhà người, rồi mới đến nhà người. Đó là khi đến nhà người, đối với công việc của hữu tình không nhiễm không đắm. Như đối với việc của hữu tình, thì đối với việc lợi dưỡng, việc cung kính cũng vậy. Lại không được lợi dưỡng thì không sanh ưu khổ. Như đối với sự việc không lợi dưỡng, thì việc không cung kính cũng vậy. Lại tâm bình đẳng đối với lợi dưỡng của mình, của người, tức là đối với sở hữu lợi dưỡng cung kính mình có được, không tự khen ngợi; đối với sở hữu lợi dưỡng cung kính mà người có được, trọn không chê bai.

Lại nương 6 tướng nên đoạn tùy phiền não tâm có nhiễm mà hành pháp thí, rồi mới đến nhà người. Đó là không mong cầu người sanh tịnh tín đối với mình. Lại ở nơi pháp xuất ly như thật rõ biết. Lại đối với người phải phát khởi ba chủng ý lạc thuần thiện. Những gì là ba? 1. Vì dẫn phát

lạc, vì khiến trừ khổ; 2. Vì cung kính nghe thọ, tùy pháp hành pháp được lợi ích thù thắng lớn; 3. Người bị khổ não bởi khổ của sanh... khiến họ thoát khổ. Nếu người đã giải thoát khổ, tức ở nơi tất cả pháp, pháp tánh diệu thiện làm duyên, ở nơi chánh pháp nhiếp trong tạng Kinh, Luật, Luận, vì họ tuyên thuyết, khiến thọ trì đọc tụng và khiến chánh pháp cứu trụ.

Nên biết vì đoạn tùy phiền não ban đầu, không tùy tiện tạp trú lấy làm rốt ráo. Vì đoạn tùy phiền não thứ hai, chân chánh thọ dụng tài vật lấy làm rốt ráo. Vì đoạn tùy phiền não thứ ba, chân chánh thọ dụng pháp lấy làm rốt ráo.

Lại nữa, nay sẽ giải thích *Kinh Phật-Địa-Ca*: “Nếu có Thanh văn muốn có phương tiện thiện xảo ở nơi nhiễm tịnh, lược có ba điều cần phải rõ biết. Một là ở trong chỗ nương tạp nhiễm thanh tịnh, do thân sở y tạp nhiễm thanh tịnh. Hai là ở trong tạp nhiễm, do tạp nhiễm. Ba là ở trong thanh tịnh, do thanh tịnh”.

Sao gọi là do thân sở y tạp nhiễm thanh tịnh? Đó là khởi tâm tư “thân đây có sắc thô trọng”. Như kinh rộng thuyết: “Chỉ có kẻ ngu không có trí huệ,

thú hưởng vô minh thì có thân sở y tạp nhiễm. Chỉ có người thông minh có trí huệ rộng lớn, thú hưởng minh mới có thân sở y thanh tịnh”.

Sao gọi là tạp nhiễm? Đó là khởi tâm tư: “Các ngu phu vì dục mà tạo tác nghiệp tịnh, bất tịnh. Trước tâm tư rồi, sau dùng thân ngữ gây tạo nghiệp tịnh, bất tịnh. Do nhân duyên đây sanh tử trong năm đường, khiến sanh tự thể cảm ái, phi ái, có não, không não”.

Sao gọi là thanh tịnh? Là hai chủng học tối cực thù thắng thuộc phẩm thanh tịnh. Học thứ nhất: trí chân như làm chỗ nương mà năng có tạo tác. Học thứ hai: đều là hệ buộc của phiền não.

Lại lược có 5 nhân hiển thị thanh tịnh đây. Những gì là năm? 1. Bậc chánh thuyết; 2. Bậc chánh hạnh; 3. Chánh hành; 4. Đoạn trừ tùy phiền não sở trị của tầng thượng tâm học; 5. Đoạn trừ tùy phiền não sở trị của tầng thượng tuệ học.

Trong đây, Như Lai là bậc chánh thuyết, Thanh văn căn thành thực là bậc chánh hạnh, cũng gọi là bậc thông tuệ, nhiếp thuộc trí để gọi là chánh hành, căn cứ vào nghĩa năng đoạn phiền não là đối trị không gì vượt trên.

Lược có 5 pháp gọi là tùy phiền não sở trị của tầng thượng tâm: 1. Ở chốn xa lìa, chỗ có các cái; 2. Ở nơi sự dạy bảo dạy trao, không kham nhẫn chỗ có phần nào; 3. Ở nơi lợi dưỡng cung kính, chỗ có keo lẩn tật đố, sanh tham trước sâu; 4. Ở nơi cảnh giới đã thọ dụng trước kia, phát khởi tà niệm; 5. Ở nơi thuận theo xả bỏ các học xứ, có phân biệt tham ái.

Lược có 3 pháp gọi là tùy phiền não sở trị của tầng thượng tuệ: 1. Ở nơi môn lý thế tục, chỗ có vô minh, không rõ nghĩa pháp; 2. Các dị sanh đã rõ nghĩa pháp, mà ở trong các đế, chỗ có do dự, nghi hoặc chưa đoạn; 3. Các hữu học đã kiến đế tích, ở trong tu đạo nhiếp lấy tuệ, chỗ có ngã mạn sở đối trị. Do ở nơi các tùy phiền não như vậy vĩnh viễn đoạn diệt, nên biết chứng đắc tối thiện thanh tịnh tầng thượng tâm học, tầng thượng tuệ học, quả A-la-hán. A-la-hán đây gọi là tối cực thanh tịnh.

Lại nữa, các chúng Thanh văn ở nơi thân sở y tập nhiễm thanh tịnh đây, lược do ba tướng nên khắp biết rõ: 1. Do tự tánh; 2. Do nhân duyên; 3. Do quá hoạn.

Do tự tánh: sở hữu tự tánh thân người đây

được hiển bày bởi 3 chủng tướng. Do có sắc, tức là hiển tất cả cộng tướng khác của thân. Do thô trọng, tức là hiển tự tướng của thân mỗi mỗi riêng biệt. Do không thanh tịnh, tức là hiển tướng không đồng phạm với thân trời.

Do nhân duyên lược có 3 chủng: tất cả nhân duyên cộng tướng của thân tức là tự tướng bốn đại chủng riêng biệt. Nhân duyên thân người lại có hai chủng: 1. Nhân duyên chưa sanh khiến sanh, chỗ gọi là bất tịnh của cha mẹ hòa hợp; 2. Nhân duyên đã sanh khiến tồn tại, chỗ gọi là do sự nuôi dưỡng của cháo cơm...

Do quá hoạn lại có 2 chủng là tánh vô thường và tánh khổ. Hoặc khi lạnh, vì trị khổ lạnh, phải tìm cầu vật giữ ấm lấy làm đối trị. Hoặc với khi nóng, vì trị khổ nóng bức, phải cầu tắm gội lấy làm đối trị. Hoặc khi hành nghiệp đi đường khiến mệt nhọc, vì đối trị khổ mệt nhọc, phải cầu xoa bóp lấy làm đối trị. Nên biết hết thấy loại đây gọi là tánh khổ. Sự xúc chạm đối ngại của nắm tay, khối cục, gây trượng... là pháp phá hoại. Sự xúc chạm đối ngại của dao là pháp đoạn hoại. Lúc chết rồi, thân kia hoặc chôn dưới đất, hoặc thiêu bằng lửa, hoặc

bị ăn nuốt bởi chủng chủng bàng sanh và các trùng khác, hoặc thân kia bị gió nắng nên xương khô lộ ra... tất cả đều là pháp tánh tan rã hoại diệt. Nên biết loại đây là tánh vô thường. Trước gặp gỡ mà nay chia lìa gọi là ly tán. Tan rồi biến hoại, rốt sau đều tiêu sạch, gọi là diệt mất.

Lại nữa, nhân sở duyên *tư duy*, như thuyết gọi là soi chiếu khắp tất cả, không có tên gọi nào vượt hơn; do đây gọi là pháp số một, vì đây được tùy tự tại mà hành. Điều này có nghĩa gì? Tức là nếu lược thuyết vì quán sát nhân thanh tịnh, vì quán sát tự tướng, vì quán sát nhân tạp nhiễm. Lại vì hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã và pháp vô ngã. Trong đây hiển thị bổ-đặc-già-la vô ngã, tức là khéo rõ biết bốn vô sắc uẩn, năng đoạn tất cả tự tướng cảnh giới, cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Hiển thị pháp vô ngã, tức là khéo rõ biết tự tánh biến kế sở chấp, khéo rõ biết danh ngôn thế tục, năng trừ tất cả tướng sở y của kia. Cho nên gọi là năng soi chiếu tất cả. Nếu vượt qua bốn vô sắc uẩn như vậy, thì các tướng sự ngã quyết định chẳng thể có được. Nếu vượt qua danh ngôn thế tục biến kế sở chấp, thì tướng sự tự tánh cũng chẳng thể có được. Nếu

ở nơi hai điều đây không khéo rõ biết, thì tất cả tự tướng cảnh giới và các tạp nhiễm liền sanh khởi tùy chuyển. Vì tất cả cảnh tướng cùng các tạp nhiễm đều do lực tăng thượng kia mà được sanh vậy, không phải không nhân. Lại, Phật Thế Tôn nương đây mật ý thuyết lời như vậy: “Vì chấp tự tánh pháp, nên chấp tánh ngã mà sanh khởi, giác được đây nên giác được kia, do giác nên hoàn diệt”.

Lại nữa, Thế Tôn vì các Thanh văn đã thuyết bốn Thánh đế để tịnh sở duyên cảnh giới phiền não, đó là khổ đế... như trước đã thuyết.

Hỏi: Nếu tướng chân thật không điên đảo là tướng đế, thì các kiến ngoại đạo, các tà thắng giải, các tà luận là không chân không thật, đều là điên đảo, có sao lại nhiếp thuộc đế? Nếu không nhiếp, kia lẽ chẳng nên cảm hậu hữu đương lai, cho nên chẳng phải nhân khổ?

Đáp: Tuy chẳng phải chân thật, cũng là điên đảo, nhưng nói là nhiếp thuộc hai đế khổ và tập. Vì có sao? Tuy kia đều nhiếp thuộc tà tánh, nhưng tánh tướng tà đây đều không điên đảo, là chân là thật, vì là tánh khổ, vì là nhân khổ.

Lại do 2 tướng nên hiển nghĩa vô thường: 1.

Nương tướng đạo lý Đại thừa; 2. Nương tướng đạo lý Thanh văn thừa, đó là nghĩa chẳng phải có và nghĩa tướng hoại diệt.

Do 2 chủng tướng hiển thị nghĩa khổ: 1. Nghĩa chấp tập khí thô trọng chẳng phải có; 2. Nghĩa ba thọ theo đó sanh khởi tám chủng tướng khổ chuyển.

Do 2 chủng tướng hiển thị nghĩa không: 1. Nghĩa tướng xa lìa tự tánh bổ-đặc-già-la; 2. Nghĩa tướng xa lìa tự tánh các pháp.

Do 2 chủng tướng hiển nghĩa vô ngã: 1. Đạo lý Đại thừa; 2. Đạo lý Thanh văn thừa, đó là nghĩa tướng tự tánh bổ-đặc-già-la vô ngã và nghĩa tướng tự tánh các pháp vô ngã.

Lại có 2 giáo: 1. Giáo vô thường; 2. Giáo vô thủy.

Lại có 2 chủng thông đạt: 1. Thông đạt hữu vi giới; 2. Thông đạt vô vi giới.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết vô thường tức là khổ: 1. Do nhiếp thọ, đó là do các hành vô thường đều là chỗ nhiếp thọ của thô trọng; 2. Do pháp tánh, đó là pháp tánh của các khổ như sanh...; 3. Do đuổi theo, đó là ba khổ kia thường đuổi theo; 4. Do nhân, đó là nhân tăng trưởng hành; 5. Do

chấp trước, đó là sở duyên sự diên đảo.

Lại do 5 nhân duyên nên biết khổ tức vô ngã:
 1. Vì lìa các hành khổ, ngã không thể có được; 2. Vì các hành khổ kia nương các duyên; 3. Vì vô tác dụng; 4. Vì có sát-na sanh thường tùy chuyển; 5. Vì triển chuyển nương nhau.

Hỏi: Nếu nhiếp Khổ đế đều là không khả ái, không khả lạc, là khổ, là tổn não, là trái hại chăng? Giả sử không khả ái, không khả lạc, là khổ, là tổn não, là trái hại đều nhiếp thuộc Khổ đế ư?

Đáp: Nếu không khả ái, không khả lạc là khổ, là tổn não, là trái hại, nên biết đều nhiếp thuộc Khổ đế. Hoặc có nhiếp thuộc Khổ đế, mà chẳng phải không khả ái, cho đến nói rộng, đó là trừ các hành nhiếp thuộc khổ khổ, các hành còn lại nhiếp thuộc hoại khổ và hành khổ.

Hỏi: Chư Phật Thế Tôn dùng 8 chủng tướng để phân biệt Khổ đế, chỗ gọi là sanh khổ, lão khổ, nói rộng cho đến lược chung năm thủ uẩn khổ. Trong đây bao nhiêu tướng hiển tánh khổ khổ? Bao nhiêu tướng hiển tánh hoại khổ? Bao nhiêu tướng hiển tánh hành khổ?

Đáp: Năm chủng trước hiển tánh khổ khổ.

Hai chủng giữa hiển tánh hoại khổ, vì ái biệt ly khổ là sự yêu thích đã được mà bị biến hoại, vì cầu bất đắc khổ là sự yêu thích chưa được mà bị biến hoại. Một chủng sau cùng lược chung là năm thủ uẩn khổ, hiển tánh hành khổ.

Hỏi: Nếu vô thường là khổ chẳng? Giả sử khổ là vô thường chẳng?

Đáp: Các khổ đều vô thường. Có vô thường chẳng phải khổ, đó là Đạo đế. Vì có sao? Vì đạo chẳng phải nhiếp thuộc thọ khổ... nên không phải khổ khổ. Đạo chẳng phải biến hoại, thì sao có lúc biến đổi khiến phát sanh hoại khổ. Đạo năng khiến giải thoát tất cả tạp nhiễm phẩm thô trọng, năng trái với tất cả sanh tương tục, cho nên cũng không phải nhiếp thuộc hành khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ đều là không, vô ngã ư? Giả sử không, vô ngã đều là vô thường, khổ ư?

Đáp: Các vô thường, khổ đều là không, vô ngã. Có không, vô ngã chẳng phải vô thường, khổ. Đó là ở Khổ đế và Tập đế có đầy đủ bốn chủng. Đạo đế có ba. Diệt đế có hai chẳng phải vô thường, chẳng phải khổ.

Hỏi: Nếu vô thường, khổ do đều là vô thường

nên là khổ ư?

Đáp: Hoặc vì vô thường, hoặc vì tự tánh, đó là sở hữu hành khổ, hoại khổ nên khổ, kia vô thường nên khổ. Hoặc khổ khổ nên khổ, hoặc hành khổ nên khổ, vì tự tánh kia, vì khổ tánh tổn não, vì khổ tánh ray rút.

Hỏi: Nếu là Khổ đế cũng là Tập đế ư? Giả sử là Tập đế cũng là Khổ đế ư?

Đáp: Các Tập đế đều là Khổ đế. Hoặc có Khổ đế mà chẳng phải Tập đế. Đó là tất cả A-la-hán trong thanh tịnh tương tục sở hữu tất cả pháp thế gian hoặc thiện, hoặc vô ký. Trong tất cả thân dị sanh, sở hữu quả dị thực nhiếp các pháp vô ký. Các hành vô ký, tất cả sử dụng hiện tại phát sanh đồng hành hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui nên biết chỉ là nhiếp thuộc Khổ đế.

Hỏi: Nếu các pháp thế gian nhằm chán họa hoạn hậu hữu, năng trái lìa hậu hữu, dẫn đạo xuất thế; nhân duyên gì kia nhiếp thuộc Tập đế?

Đáp: Tuy tự tánh kia nhằm chán họa hoạn, trái lìa hậu hữu, nhưng thân ngữ ý diệu hành lại năng thuận theo hậu hữu, cho nên cũng là nhiếp thuộc Tập đế.

Hỏi: Nếu tất cả nghiệp phiền não hậu hữu do tướng nên đều nhiếp thuộc Tập đế, duyên nào Thế Tôn chỉ thi thiết ái?

Đáp: Ái đây vì năng phát khởi sự níu giữ, vì năng phát khởi nghiệp, vì khắp các sự. Khi ái đây sanh khởi, năng phát khởi 15 chủng không nghĩa lợi. Khắp các sự: như ái đây gọi là ái thuận hậu hữu, hoặc ái đồng hành hỷ tham, hoặc ái hỷ lạc kia kia, thì gọi là khắp các sự nên biết cũng vậy.

Ái thuận hậu hữu lại có 2 chủng: 1. Duyên cảnh hậu hữu; 2. Là nhân hậu hữu.

Ái đồng hành hỷ tham: ở nơi cảnh giới vừa ý đã được hoặc đang lúc thọ dụng, phát khởi ái không muốn lìa, muốn tồn tại lâu.

Ái hỷ lạc kia kia: ở nơi cảnh giới mong cầu mà chưa được, phát khởi ái hoặc là hòa hợp, hoặc là không lìa, hoặc là tăng thêm.

Hỏi: Nếu là ái, cũng là thuận hậu hữu, đồng hành hỷ tham, hỷ lạc kia kia ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có là ái, chẳng phải thuận hậu hữu, chẳng phải đồng hành hỷ tham, chẳng phải hỷ lạc kia kia, đó là mong cầu muốn chứng thượng giải thoát. Hoặc có thuận hậu

hữu, đồng hành hỷ tham, hỷ lạc kia kia mà chẳng phải là ái, đó là ái thuận hậu hữu, đồng hành hỷ tham, hỷ lạc kia kia cùng phiền não tương ưng với sở hữu thọ, tưởng, tư, vô minh... Tức ba ái đây là câu thứ ba. Trừ tướng trên là câu thứ tư.

Hỏi: Nếu ái thuận hậu hữu là ái đồng hành hỷ tham ư? Giả sử ái đồng hành hỷ tham cũng là ái thuận hậu hữu ư?

Đáp: Các ái đồng hành hỷ tham cũng là ái thuận hậu hữu. Hoặc có ái thuận hậu hữu chẳng phải ái đồng hành hỷ tham, đó là ái đồng hành ưu nhiễm ô, hoặc ái biệt ly, hoặc ái không hòa hợp.

Hỏi: Nếu ái thuận hậu hữu cũng là ái hỷ lạc kia kia ư? Giả sử ái hỷ lạc kia kia cũng là ái thuận hậu hữu ư?

Đáp: Hoặc ái hỷ lạc kia kia cũng là ái thuận hậu hữu. Hoặc có ái thuận hậu hữu chẳng phải ái hỷ lạc kia kia, đó là ái duyên cảnh hậu hữu cùng ái đồng hành hỷ tham.

Hỏi: Nếu ái đồng hành hỷ tham là ái hỷ lạc kia kia ư? Giả sử ái hỷ lạc kia kia cũng là ái đồng hành hỷ tham ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Đó là sở hữu ái ở nơi

cảnh giới khả ái đã được ở quá khứ, hoặc lúc đang thọ dụng là câu thứ nhất. Hoặc sở hữu ái ở nơi cảnh giới khả ái sẽ được ở vị lai, chưa quyết định là câu thứ hai. Hoặc sở hữu ái ở nơi cảnh giới đang được ở hiện tại, đã quyết định là câu thứ ba. Trừ chỗ có tương trên là câu thứ tư.

Hỏi: Nếu thành tựu thọ hệ buộc Dục giới cũng thành tựu thọ hệ buộc Sắc giới ư? Giả sử thành tựu thọ hệ buộc Sắc giới cũng là thành tựu thọ hệ buộc Dục giới ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc thành tựu thọ hệ buộc Dục giới, chẳng phải thọ hệ buộc Sắc giới, đó là sanh Dục giới, chưa đối trị kia để đắc Sắc giới. Hoặc thành tựu thọ hệ buộc Sắc giới, chẳng phải hệ buộc Dục giới, đó là sanh ở Sắc giới. Hoặc thành tựu hệ buộc Dục giới, cũng là thọ hệ buộc Sắc giới, đó là sanh ở Dục giới, đã đối trị kia để đắc Sắc giới. Hoặc đều không thành tựu, đó là sanh Vô sắc giới.

Lại sanh trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, việc làm đã xong, an trụ trong đạo xuất thế và Diệt tận định.

Như hệ buộc Dục giới tác bốn câu so với hệ

buộc Sắc giới, như vậy hệ buộc Dục giới tác bốn câu so với hệ buộc Vô sắc giới, hệ buộc Dục giới cũng tác bốn câu so với không hệ buộc, hệ buộc Sắc giới tác bốn câu so với hệ buộc Vô sắc giới, hệ buộc Sắc giới tác bốn câu so với không hệ buộc, hệ buộc Vô sắc giới tác bốn câu so với không hệ buộc, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Các diệu dục cũng là dục tương ưng quá hoạn quá thất ư? Giả sử dục tương ưng quá hoạn quá thất cũng là diệu dục ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có diệu dục chẳng phải dục tương ưng quá hoạn quá thất, đó là hoặc sắc, thanh, hương, vị, xúc không nhiễm ô hiện hành; hoặc ở nơi kia chẳng dụng công lực mà trụ an lạc vô tội, năng nhiếp thọ phạm hạnh. Hoặc có dục tương ưng quá hoạn quá thất, chẳng phải diệu dục, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc một hướng không khả ái, không khả lạc, không khả hân, không năng vui ý và phiền não dục. Hoặc có diệu dục cũng là dục tương ưng quá hoạn quá thất, đó là sắc, thanh, hương, vị, xúc nhiễm ô hiện hành, một hướng khả ái cho đến vui ý. Hoặc có chẳng phải diệu dục, cũng chẳng phải dục tương ưng với quá hoạn quá

thất, đó là phiền não cùng với sự hệ buộc Sắc, Vô sắc giới. Thế Tôn nương diệu dụng đây và dụng tương ưng quá thất quá hoạn mà thuyết lời như vậy: “Tham phân biệt hư vọng là dụng của sĩ phu”.

Lại nữa, ái đây lược có 2 chủng: 1. Hữu ái; 2. Thọ dụng ái. Đây lại có hai chủng: vì ở nơi hoặc đã được, hoặc chưa được mà có sự thọ dụng sai biệt. Lại vì ái đây có giới sai biệt, nên có ba chủng là Dụng ái, Sắc ái, và Vô sắc ái. Nếu người sanh ở Dụng giới hy cầu hậu hữu Dụng giới, các sở hữu ái ở đây tức là hỷ ở nơi sự thọ dụng đã có được, hân đối với sự thọ dụng chưa được, gọi là Dụng ái. Nếu người sanh Dụng giới, hoặc đã ly dụng Dụng giới sanh Sắc giới, muốn hy cầu hậu hữu Sắc giới, thì các sở hữu ái ở đây tức là hỷ đối với đẳng chí Sắc giới đã được, hân đối với đẳng chí các địa trên chưa được, gọi là Sắc ái. Như Sắc ái, thì Vô sắc ái tùy chỗ thích hợp cũng vậy. Ái hậu hữu đây vì lấy thường kiến, đoạn kiến làm chỗ nương, nên kiến lập hữu ái và vô hữu ái. Cho nên ái đây gọi là khắp các sự.

Sao gọi là khi ái đây sanh, khắp năng phát khởi 15 điều vô nghĩa? 1. Khiến tùy miên bền chắc; 2. Do triền nên nhiệm não tất cả pháp tâm

tâm sở; 3. Khiến tâm tương tục, ở nơi cảnh sở duyên điên đảo mà chuyển; 4. Khiến phát khởi thủ nhiếp lấy phiền não khác; 5. Năng an lập tương tục của tự loại; 6. Khiến các pháp ác bất thiện chưa sanh năng tùy thuận sanh khởi; 7. Khiến các pháp ác bất thiện đã sanh năng tùy thuận tăng trưởng rộng lớn; 8. Năng chướng ngại khiến thiện pháp chưa sanh chẳng được sanh; 9. Năng chướng ngại khiến quên mất thiện pháp đã sanh, chẳng trụ được tăng trưởng rộng lớn; 10. Vì khiến hành ác hạnh, nên kết tập hết thảy các khổ đi vào đường ác; 11. Vì hy cầu hậu hữu, nên kết tập hết thảy khổ sanh lão bệnh tử; 12. Năng khiến hữu tình sợ hãi Niết-bàn; 13. Năng khiến hữu tình đắm say sanh tử, tà chấp cho là sanh tử có công đức thù thắng lợi ích; 14. Như đối với sanh tử, thì đối với cảnh giới cũng vậy; 15. Năng khiến hữu tình tư duy những điều hại mình, những điều hại người, như kinh đã rộng thuyết, cho đến thọ ái khiến phát sanh các tâm ưu khổ.

Quyển 68

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 2

Hỏi: Các hành tịch diệt là Diệt đế ư? Giả sử Diệt đế cũng là các hành tịch diệt ư?

Đáp: Nếu là Diệt đế cũng là các hành tịch diệt. Nếu các hành tịch diệt mà chẳng phải Diệt đế, đó là vì vô thường diệt, vì phi trạch diệt nên các hành tịch diệt.

Hỏi: Những pháp nào diệt mà gọi là Diệt đế?

Đáp: Lược có hai chủng: 1. Vì phiền não diệt; 2. Vì y diệt. Vì phiền não diệt, nên đắc Hữu dư y Diệt đế. Vì y diệt, nên đắc Vô dư y Diệt đế.

Hỏi: Nếu Diệt đế đây trước không sau có, sao gọi là thường? Nếu thường thời có, sao tất cả hữu tình ở tất cả thời không Bát-niết-bàn?

Đáp: Bởi tướng không lưu chuyển, tướng không hiện hành là tướng Diệt đế. Sao nói đế đây trước không sau có? Lại tướng vô sanh, tướng vô diệt là tướng thường, Diệt đế cũng vậy, cho nên gọi là

thường. Nếu người chứng đắc tất cả thô trọng vĩnh viễn diệt, kia Bát-niết-bàn. Nếu người chưa chứng đắc, kia không Bát-niết-bàn. Vì có Diệt đế, các loại hữu tình có chứng đắc, cho nên Niết-bàn là chỗ hiển chứng, chẳng phải chỗ hiển sanh.

Lại nữa, nếu xa lìa 4 chủng lỗi lầm, gọi là Diệt đế. Đây gọi là chánh thuyết. Những gì gọi là bốn chủng lỗi lầm? 1. Lỗi lầm tăng ích; 2. Lỗi lầm tà phân biệt tự tướng; 3. Lỗi lầm tạp loạn lẫn nhau; 4. Lỗi lầm tổn giảm.

Hoặc có người cho là các hành tận diệt có khác, đây là lỗi lầm tăng ích. Có người cho là không khác, đây là lỗi lầm tà phân biệt tự tướng. Có người cho là cũng có khác, cũng không khác, đây là lỗi lầm tạp loạn lẫn nhau. Có người cho là chẳng phải có khác, chẳng phải không khác, đây là lỗi lầm tổn giảm.

Hỏi: Nếu chỉ tất cả xuất thế gian, năm phi thủ uẩn đều nhiếp thuộc Đạo đế, nhân duyên nào chỉ thuyết chánh kiến làm tiền dẫn tám Thánh đạo chi là Đạo đế?

Đáp: Nương ba học nên tác thuyết như vậy. Do bậc hữu học ở từng thời kỳ nương tăng thượng giới

học phát khởi tu học, ở từng thời kỳ nương tăng thượng tâm học phát khởi tu học, ở từng thời kỳ nương tăng thượng tuệ học phát khởi tu học. Lại tám Thánh đạo chi đây nhiếp thuộc ba uẩn, cho nên chỉ thuyết đây là Đạo đế.

Hỏi: Nhân duyên nào thuyết chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng là giới uẩn?

Đáp: Vì 2 nhân duyên: 1. Nương chân chánh thọ dụng pháp; 2. Nương chân chánh thọ dụng tài.

Chánh ngữ, chánh nghiệp thì giới làm căn bản, giới làm chỗ nương mới năng thọ dụng tất cả chánh pháp, cho nên gọi là nương thọ dụng pháp. Do chánh mạng nên không nương giả dối khởi pháp tà mạng cầu y phục... Đây làm căn bản, đây làm chỗ nương, năng thọ dụng tài chân chánh, cho nên gọi là nương thọ dụng tài. Lại ở chỗ đây, Thế Tôn thuyết là tánh ý hiện hành thanh tịnh tăng thượng. Trong đây bởi nương tham... khởi nghi phạm giới, nương giả dối... khởi nghi tà truy cầu y phục... Nếu lìa việc đây, gọi là tánh ý hiện hành thanh tịnh tăng thượng.

Hỏi: Nhân duyên nào thuyết chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn là tuệ uẩn?

Đáp: Do tuệ uẩn đây tóm lược có ba chủng tác nghiệp, nhân ba pháp đây mới được rốt ráo. Tức thông đạt chân nghĩa các pháp là nghiệp ban đầu. Đã thông đạt rồi, tức ở nơi chân nghĩa vì người tuyên thuyết, thi thiết kiến lập, phân biệt khai thị khiến kia dễ hiểu, là nghiệp thứ hai. Vì đoạn trừ kiết sót thừa, tùy pháp hành pháp là nghiệp thứ ba. Ba nghiệp đây do thứ lớp chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn mà được rốt ráo.

Hỏi: Nhân duyên nào thuyết chánh niệm, chánh định là định uẩn?

Đáp: Hai nhân duyên: do tự tánh, do sở y.

Do tự tánh: là tam-ma-địa. Do sở y: do bốn nhân duyên nên niệm năng làm 4 chỗ nương cho định đây: 1. Vì sở duyên trói buộc, tức là trói buộc nhiếp tâm nơi bốn niệm trụ; 2. Vì tùy thuận định, tức là do niệm đây ở trong việc thủ hộ căn môn, an trụ chánh biết... tác ý tùy niệm thuận theo hoan hỷ năng tùy thuận định; 3. Vì năng đoạn cái, tức là ở nơi năm cái, tùy một trong năm cái hiện khởi, dùng tác ý đối trị như quán bất tịnh... năng đoạn trừ các cái; 4. Vì tu tập rất nhiều tướng tác ý, tức là tác ý xa lìa, ở nơi các tướng chỉ, cử, xả, gia hạnh

ân trọng, không gián đoạn, năng nhiều tu tập. Cho nên niệm đây là chỗ nương của định.

Lại nữa, chánh kiến sai biệt lược có 11 chủng, đó là: kiến như bệnh, kiến như ung, kiến như tên, kiến như chướng, kiến vô thường, kiến khổ, kiến không, kiến vô ngã, kiến kiết, kiến lìa hệ buộc, kiến năng lìa kiết.

Ở nơi 4 chủng hành, như thứ lớp ấy có 4 chủng kiến: 1. Ở trong hành đồng hành với phiền não triền; 2. Ở trong hành đồng hành với phiền não tùy miên; 3. Ở trong hành đồng hành với ái vị; 4. Ở trong hành đồng hành với quá hoạn. Theo thứ tự đây quán là như bệnh, như ung, như tên, như chướng. Nếu ở nơi các hành quán là sanh diệt, gọi là kiến vô thường. Quán kia là sự đuổi theo của ba khổ, gọi là kiến khổ. Quán kia xa lìa ngã, ngã sở sót thừa, gọi là kiến không. Quán thể tánh các hành kia chẳng phải tướng ngã, ngã sở, gọi là kiến vô ngã. Tám chủng như vậy là chánh kiến duyên Khổ đế.

Nếu ở nơi Tập đế, quán là *nhân, tập, sanh, duyên*, gọi là kiến kiết. Bởi Tập đế kia ở trong Khổ đế sanh khởi tập nhiễm kiết.

Nếu ở nơi Diệt đế, quán là *diệt, tịnh, diệu, lià*, gọi là kiến lià hệ buộc. Bởi Diệt đế kia chỗ hiển lià hệ buộc của tất cả phiền não.

Nếu ở nơi Đạo đế, quán là *đạo, như, hành, xuất*, gọi là kiến năng lià kiết. Bởi Đạo đế kia là chỗ hiển rõ ràng năng lià kiết phược.

Hỏi: Trước nên khởi kiến vô thường, khổ, không, vô ngã; sau mới khởi kiến như bệnh, như ung, như tên, như chướng. Duyên nào trong đây trước thuyết kiến như bệnh...?

Đáp: Trong đây nương bổ-đặc-già-la đã đắc đạo mà thuyết kia trước. Vì có sao? Hàng hữu học đã đắc Thánh đạo, vì tăng thượng ý lạc nên ở nơi các thủ uẩn quán là như bệnh cho đến như chướng. Quán như vậy rồi, vì đoạn trừ kiết sót thừa lại khởi thanh tịnh bậc thượng nên kiến vô thường cho đến vô ngã. Trong đây, lược có hai chủng kiến vô thường: 1. Kiến như bệnh... kiến sở y không thanh tịnh. Vì muốn chứng đắc những điều chưa đắc, lấy đây làm tiền dẫn, lấy đây làm dẫn đạo; 2. Kiến như bệnh... kiến năng y thanh tịnh. Đã đắc kiến như bệnh... lại khiến tăng trưởng và khiến đắc tâm thiện giải thoát. Như vậy trong 11 chánh

kiến, kiến hành không, hành vô ngã, gọi là hành Không; kiến hành còn lại gọi là hành Vô nguyên; kiến một hành gọi là hành Vô tướng, đó là ở Diệt để kiến hành lìa hệ buộc.

Lại nữa, trong tu đạo, tất cả đạo xuất thế gian duyên bốn đế làm cảnh, đều năng đối trị tất cả phiền não của ba cõi. Vì có sao? Bởi hàng hữu học đã kiến tích, trước do pháp trí, loại trí, ở nơi tất cả hành hoặc hiển hiện hoặc không hiển hiện, an trụ phát khởi hiện quán rồi, sau ở nơi tu đạo thâm nhiếp tất cả hành thành chung một đoàn, một phần, một tụ, rồi dụng hành vô thường thứ lớp quán sát. Nhưng không phân biệt đây là dụng hành, đây là sắc hành hay vô sắc hành, đây là hiện thấy hay không hiện thấy... Cho nên trong tu đạo, các đạo xuất thế nhiếp lấy Thánh đạo năng đối trị chung tất cả phiền não của địa trên và địa dưới.

Lại nữa, trong tu đạo, các bậc Thánh kia do tu tập đạo xuất thế, lúc được thắng tiến, phần nhiều dụng hành vô tướng, lớp lớp tác ý tư duy vô tướng. Vì có sao? Bởi tác ý đây năng dẫn phát hiện pháp lạc trú, dẫn phát đoạn trừ tất cả phiền não là thù thắng hơn cả.

Lại nữa, năm thần thông, vô tránh, nguyện, trí, vô ngại giải... và vô úy lực của chư Như Lai, sở hữu tất cả pháp Phật bất cộng đều là đạo sở đắc về sau. Chỗ kiến lập đạo ấy, tánh thanh tịnh. Do nhân duyên đây, nên kia đều nhiếp thuộc Đạo đế.

Hỏi: Đều nên biết khắp tất cả bốn đế, duyên nào chỉ thuyết nên biết khắp Khổ đế?

Đáp: Do ở Khổ đế dụng hai chủng tướng nên biết khắp, chỗ gọi tự tướng và cộng tướng. Ở các đế còn lại chỉ cần biết tự tướng, đó là dụng hành nhân... biết tự tướng Tập đế, dụng hành diệt... biết tự tướng Diệt đế, dụng hành đạo... biết tự tướng Đạo đế. Cho nên chỉ nói Khổ đế là nên biết khắp.

Hỏi: Khổ đế cũng nên vĩnh viễn đoạn, duyên nào chỉ thuyết Tập đế nên vĩnh viễn đoạn?

Đáp: Do Tập đế vĩnh viễn đoạn tức hiển Khổ đế vĩnh viễn đoạn. Cho nên chỉ thuyết Tập đế nên vĩnh viễn đoạn.

Lại nữa, ở trong các đế lược có 2 chủng hiện quán: 1. Trí hiện quán; 2. Đoạn hiện quán. Trí hiện quán: tùy theo thứ lớp ở trong các đế mà tướng trí riêng biệt sanh. Đoạn hiện quán: tùy theo thứ lớp trí sanh không diên đảo làm chỗ nương,

nên chứng đắc sở hữu phiền não đoạn diệt.

Lại nữa, lược có 5 chủng nhân duyên phát khởi chánh tinh tấn: 1. Tuyên thuyết chánh pháp; 2. Tu hành cộng trụ; 3. Quán xét thấy lỗi lầm giải đãi và công đức tinh tấn; 4. Do lực tư trạch thành thực tương tục; 5. Biết sở chứng đắc trước sau sai khác.

Lại nữa, lược do 2 chủng tác chứng nơi đoạn: 1. Tác chứng ở nơi đoạn tổn phục chủng tử; 2. Tác chứng ở nơi đoạn vĩnh viễn chủng tử. Nên biết lia hệ buộc cũng có hai chủng: 1. Lia hệ buộc nơi các phẩm phiền não riêng; 2. Lia hệ buộc nơi sự phiền não phụ thuộc nhau.

Hỏi: Như Thế Tôn nói: “Bí-sô! Các ông chớ hành siểm cống”. Trong đây Như Lai quán thấy siểm khúc có bao nhiêu chủng quá hoạn mà răn dạy các Bí-sô chớ hành siểm?

Đáp: Quán siểm khúc có 12 quá hoạn: 1. Do nhân duyên siểm khúc nên không thể chứng đắc trí tuệ chân thật; 2. Thối thất danh dự; 3. Thối thất tín tâm của người; 4. Thối thất tăng trưởng công đức; 5. Thối thất tâm mong cầu đến bậc trí giả để lắng nghe chánh pháp, để được dạy trao dạy

răn; 6. Tăng trưởng các ác; 7. Khiến tâm tương tục xa lìa các thiện; 8. Do siểm nên tâm bị bất an tổn hại, thường ôm tâm khổ não, trụ không an ổn; 9. Lo sợ pháp khổ về sau; 10. Chẳng phải pháp khí bậc thánh; 11. Lúc lâm chung hối hận ray rứt; 12. Thân hoại về sau đọa các đường ác, sanh trong địa ngục.

Lại nữa, trong Dục giới siểm có 8 chủng hành và 7 chủng sự.

Sao gọi là tám hành? 1. Hành siểm mê hoặc; 2. Hành siểm che giấu; 3. Hành siểm hiển hiện; 4. Hành siểm câu kết; 5. Hành siểm cung thuận; 6. Hành siểm mưu tính; 7. Hành siểm gạt bỏ; 8. Hành siểm hiện bi.

Sao gọi là bảy sự? 1. Sự mở lời; 2. Sự cất vấn; 3. Sự tranh cãi; 4. Sự hiện thân hữu; 5. Sự hiện tin giao; 6. Sự giả dối cậy nhờ; 7. Sự gian khổ.

Ở sự đầu tiên, người siểm khúc tùy mở lời với mọi người xung quanh, dùng tướng mê hoặc ở nơi phi nghĩa mà chỉ bày là nghĩa, hoặc ở nơi nghĩa lại chỉ bày là phi nghĩa. Như ở nơi nghĩa, phi nghĩa, thì ở nơi có, chẳng có nên biết cũng vậy. Lại ở trong việc hiện hành siểm khúc mà phát khởi các

hành ác. Nếu bị người khác cật vấn, kẻ siểm kia liền che giấu tội thật, hiển đức không thật. Lại người tranh luận muốn xét tìm công đức, lỗi lầm, bấy giờ kẻ siểm liền câu kết với bạn bè ác. Lại kẻ siểm khúc biết bên đấu tranh cãi vả có thể lực hung bạo mạnh hơn, sanh tâm khiếp sợ, liền dùng hai nghiệp thân ngữ hạ mình cung thuận, hiện tướng thân hữu. Lại kẻ siểm khúc thấy người sức yếu, chất trực, có thể thâm nhiếp lợi dụng sai khiến kia, tuy trong tâm không tin tưởng người ấy mà ngoài hiện tướng rất tin tưởng. Kẻ kia đi đứng hiện tướng giả dối tích tập trong sạch, thân thiện không thật. Lại kẻ siểm khúc ở nơi hiện tướng thân thiện lấy lòng bạn hữu, hòng để làm lợi cho sự nghiệp của mình về sau. Kia trước dối hiện làm bạn, sau việc đã thành, hiện chủng chủng phương tiện gạt bỏ. Lại người siểm khúc gặp phải một sự khổ não, ở nơi khổ oán đối đây thật không trầm trọng ưu khổ như vậy, nhưng lại bày tỏ như gặp phải việc ưu khổ nặng, như nhiều than vãn, ưu buồn, khổ não cho đến sâu muộn.

Lại nữa, Thanh văn thô ngữ còn không nên được dạy trao dạy răn các đế, hướng sẽ năng đắc

chân để hiện quán hoặc được thanh tịnh. Lại có 9 chủng tướng thô của Thanh văn thô ngữ. Nếu Thanh văn rơi trong tướng thô ngữ như vậy gọi là không thể cùng luận bàn. Những gì là chín?

Đó là có bổ-đặc-già-la năng cử tội, đang lúc cất vấn, kẻ kia dùng lời không tốt đẹp, hoặc không tương ứng, hoặc không đầy đủ, hoặc vin dựa phương tiện việc khác giả dối mà đáp là tướng thứ nhất.

Lại dùng lời lừa dối, phương tiện giả mượn luận bàn qua việc khác, gạt bỏ việc cất vấn là tướng thứ hai.

Lại biểu hiện sân khuể triền, quấy nhiễu hồ đồ, tự tâm tán loạn vấn đục là tướng thứ ba.

Lại biểu hiện sân khuể triền, phát khởi giận dữ oán đối, dùng lời thô tục mắng chửi là tướng thứ tư.

Lại khởi tâm cao ngạo “Hắn đã nói ta, sao ta chẳng nói lại hắn” là tướng thứ năm.

Lại kiên cố che đậy tội mình làm là tướng thứ sáu.

Lại tâm tương tục oán kết không xả là tướng thứ bảy.

Lại tâm phát khởi báo oán là tướng thứ tám.

Lại lúc người năng cử tội hiển lời người khác, hoặc các công đức là thật hay không thật, kẻ kia chẳng cần tin hiểu, lập tức bác bỏ, hủy nhục, chửi mắng là tướng thứ chín.

Trong đây lược có 2 chủng bồ-đặc-già-la cử tội: 1. Cùng được tôn trọng; 2. Chẳng cùng được tôn trọng. Nên biết trong đây bồ-đặc-già-la ban đầu năng cử tội chủng tướng thứ nhất, thứ hai. Bồ-đặc-già-la thứ hai năng cử tội bảy chủng tướng còn lại.

Lại nữa, trong phần *Bản địa* nương luật nghi giới có các tướng tương ưng Tỳ-nại-da, nay sẽ quyết trạch. Ớt-Đà-Nam nói:

Nhiếp, chế lập, Thi-la
Không dật, chướng, học, quán
Y, nhiếp thọ, thọ dụng
Thăm sâu, nói dụ, sự.

Lược có 7 xứ nhiếp Tỳ-nại-da và Biệt giải thoát. Những gì là bảy? 1. Dạy răn; 2. Khai thính; 3. Chế chỉ; 4. Chỗ phạm; 5. Có phạm; 6. Không phạm; 7. Ra khỏi tội.

1. Dạy răn: Trong Tỳ-nại-da, Đức Phật Thế Tôn dạy các Bí-sô xả bỏ các pháp bất thiện, tăng trưởng các pháp thiện. Đây gọi là nói lược tất cả tướng dạy răn, nếu phân biệt rộng thì có vô lượng vô biên.

2. Khai thính: Trong Tỳ-nại-da, Đức Phật Thế Tôn khai mở chấp nhận cho thọ dụng tất cả nhân duyên vật dụng không nhiễm ô.

3. Chế chỉ: Trong Tỳ-nại-da, Đức Phật Thế Tôn chế lập ngăn ngừa khiến dừng tất cả tự tánh pháp có tội, pháp trái với vô tội.

4. Chỗ phạm: Lược có 18 chủng: 1. Bất thiện; 2. Trái thiện; 3. Thân nghiệp; 4. Ngữ nghiệp; 5. Ý nghiệp; 6. Hoại giới; 7. Hoại kiến; 8. Hoại quỹ tắc; 9. Hoại chánh mạng; 10. Tùy hộ tâm người; 11. Hộ người tổn não; 12. Hộ phi xứ nghi lự; 13. Dâm; 14. Bát; 15. Y; 16. Thực; 17. Ngoạ cụ; 18. Thuốc trị bệnh và vật dụng khác.

Bất thiện: sở hữu tánh tội.

Trái thiện: sở hữu giá tội. Nên biết tướng

nghiệp thân ngữ ý đây, tùy chỗ thích hợp ở trong tất cả năm tụ phạm. Như vậy, các chỗ phạm còn lại cũng ở trong năm tụ phạm, tùy chỗ thích hợp mà biết tướng đây.

5. Có phạm: Nếu nói lược có 5 tụ phạm. Có sao trong 5 tụ phạm đây khởi các trái phạm? Có 5 nguyên nhân: 1. Vì nhân duyên; 2. Vì phát khởi; 3. Vì sự; 4. Vì phương tiện; 5. Vì rốt ráo. Nghĩa đây sẽ phân biệt trong *Nhiếp sự* phần *Ma-đát-lý-ca* của *Tỳ-nại-da*, nay Ta sẽ thuyết.

Lại có 9 chủng phạm: 1. Phạm của Cận sự nam; 2. Phạm của Cận sự nữ; 3. Phạm của Cận sách nam; 4. Phạm của Cận sách nữ; 5. Phạm của Chánh học; 6. Phạm của Bí-sô-ni; 7. Phạm của Bí-sô; 8. Phạm của dị sanh; 9. Phạm của bậc hữu học.

Bậc vô học không chỗ phạm. Vì có sao? Do bậc kia việc làm đã xong. Pháp nhĩ thu được cho phép dừng dứt tất cả học xứ ít phần và tùy ít phần, lại quyết định không phạm tội nhiễm ô.

6. Không phạm: Lược có 4 chủng: 1. Sơ

ngiệp; 2. Điên cuồng; 3. Tâm loạn; 4. Thọ khổ bức bách.

7. Ra khỏi tội: Lược do 5 tướng: 1. Do mình; 2. Do người; 3. Do mình và người; 4. Do chuyển thân; 5. Do xả thân.

Do mình: do tự mình tỉnh lặng dừng nghĩ.

Do người: bậc kiến đế có chỗ trái phạm không phải tội nhiễm ô.

Do mình và người: các dị sanh nhiễm, chẳng nhiễm tội.

Do chuyển thân: chuyển xả thân Bí-sô thành thân Bí-sô-ni, hoặc chuyển xả thân Bí-sô-ni thành thân Bí-sô. Bấy giờ Bí-sô, hoặc Bí-sô-ni kia hoặc là chuyển hình khác, hoặc là chuyển không hình, thì gọi là phạm tội.

Do xả thân: đã mạng chung.

Lại nữa, lược có 10 chủng chế lập học xứ thanh tịnh: 1. Đạo lý thanh tịnh; 2. Quả thanh tịnh; 3. Nhiếp thọ thanh tịnh; 4. Ngoại thanh tịnh; 5. Nội thanh tịnh; 6. Đủ phần thanh tịnh; 7. Ái kính thanh tịnh; 8. Tu tổn phục đối trị thanh tịnh; 9. Tu đoạn tùy miên đối trị thanh tịnh; 10. Tương tục

chẳng đoạn thanh tịnh.

Lại có cách nói khác: 1. Có nhân duyên chế lập học xứ thanh tịnh; 2. Xa lìa biên thọ dụng dục lạc thanh tịnh; 3. Xa lìa biên tự khổ thanh tịnh; 4. Hạnh thù thắng thanh tịnh; 5. Mạng thù thắng thanh tịnh; 6. Đồng pháp cộng trú thanh tịnh; 7. Không đấu tranh chống đối thanh tịnh; 8. Chế phục phiền não thanh tịnh; 9. Lìa hệ buộc của phiền não thanh tịnh; 10. Nhậm trì chánh pháp thanh tịnh.

Lại nữa, lược có 10 chủng lỗi lầm giới: 1. Lỗi lầm do hủy hoại sở học; 2. Lỗi lầm do không vui thích; 3. Lỗi lầm do trái vượt; 4. Lỗi lầm do mong cầu; 5. Lỗi lầm do phóng dật; 6. Lỗi lầm do tăng thượng mạn; 7. Lỗi lầm do tùy miện không thanh tịnh; 8. Lỗi lầm do ý lạc không thanh tịnh; 9. Lỗi lầm do không ra khỏi xa lìa; 10. Lỗi lầm do tà cấm.

Lại có 10 chủng công đức giới: 1. Giới hòa hợp; 2. Giới không gián đoạn; 3. Giới không oán đối; 4. Giới không tổn hại; 5. Giới kiên cố; 6. Giới ra khỏi xa lìa; 7. Giới sở trị thù thắng; 8. Giới không thối chuyển; 9. Giới bất cộng; 10. Giới vô thượng.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương ở mười thời, nên không phóng dật. Những gì là mười? 1. Nương thời phạm; 2. Nương thời định; 3. Nương thời chánh; 4. Nương thời khát cầu; 5. Nương thời làm việc; 6. Nương thời thọ dụng lợi dưỡng cung kính; 7. Nương thời cầu đa văn; 8. Nương thời tư duy chánh pháp; 9. Nương thời xa lìa; 10. Nương thời thông đạt *tư* rất ráo.

1. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời phạm thứ nhất nên không phóng dật? Có Bí-sô thành tựu năm chi nhiếp lấy không phóng dật, đó là đồng hành tiền tế... như trước đã thuyết. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở trong thời đầu tu không phóng dật.

2. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời định thứ hai nên không phóng dật? Có Bí-sô hoặc sống nơi không nhàn, hoặc ở dưới gốc cây, sanh tham dục cái cho đến nghi cái, trọn không an nhàn, tức liền xả bỏ, khiến trừ, nhổ sạch. Do đây lúc nắm cái kia hiện hành khiến tâm nhiễm ô cho đến năng khiến chẳng đắc Niết-bàn, vì muốn đoạn trừ, nên ở thời gian đây hoặc tu tướng chỉ, hoặc tu tướng cử, hoặc tu tướng xả. Vị kia ở nơi tướng chỉ,

tướng cử, tướng xả như vậy đã được khéo léo. Nếu khi tâm yếu kém, nhu nhược, nhàm chán, liền chánh tu tướng cử. Nếu lúc tâm trạo cử, lo sợ, xao động, liền xả cử, chánh tu tướng chỉ, bên trong dùng nghỉ. Nếu lúc tâm bình lặng, liền tu tướng thượng xả. Lại ở nơi tam-ma-địa đã đắc, không sanh ái vị, không khởi đoái luyến, không có tham nhiễm, không trụ đắm trước. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ hai tu không phóng dật.

3. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời chánh thứ ba nên không phóng dật? Có Bí-sô lúc sắp lâm chung, tâm mạnh mẽ phát khởi gia hạnh chân chánh như vậy: “Nay ta phải lấy chánh niệm duyên Phật, duyên Pháp, duyên Tăng mà chết, phải đem tâm duyên lành thiện mà chết”. Người kia đã phát khởi như vậy, liền khéo thủ hộ tâm chánh niệm hiện tiền, đem chánh niệm duyên Phật Pháp Tăng và duyên tâm thiện mà chết. Do kia sở hữu chánh niệm duyên Phật Pháp Tăng và sở hữu tâm duyên lành thiện mà chết như vậy, gọi là hiện thiện tử, hiện thiện chết yếu, cũng gọi là hiện thiện đi đến ở đời sau. Như vậy gọi là Bí-sô

siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ ba tu không phóng dật.

4. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời khát cầu thứ tư nên không phóng dật? Có Bí-sô trú ở thôn xóm, hành như trong *Kinh Thanh Tịnh Khất Thực* đã thuyết. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở trong thời thứ tư tu không phóng dật.

5. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời việc làm thứ năm nên không phóng dật? Có Bí-sô ở nơi nghiệp tạo làm bát, ở nơi nghiệp tạo làm y, ở nơi nghiệp chăm sóc khán bệnh các bậc trí giả đồng phạm hạnh... cùng các nghiệp tạo làm khác đều không phóng túng buông lung. Vì không phóng túng buông lung, không nóng vội, không mất, không hoại, cũng không thiếu sót nên hành động không trái vượt, không thô lỗ, hành động không ác, hành động không vội bạo, hành động không chậm chạp, hành động không động loạn, hành động không nhiễm... sở hữu quỹ tắc thuận theo thế gian, thuận quỹ tắc Tỳ-nại-da. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ năm tu không phóng dật.

6. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời thọ dụng lợi dưỡng cung kính thứ sáu nên không phóng dật? Có Bí-sô ở nơi lợi dưỡng cung kính đã thu được, không nhiễm, không mê, không đắm, không nhớ, không buồn, không chấp, cũng không khinh chê mà thọ dụng. Thấy sâu quá hoạn, khéo biết xa lìa mà thọ dụng. Tùy theo lợi dưỡng cung kính đã thu được, năng tự chế phục, cũng chẳng nhân đó mà tâm trụ kiêu mạn. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ sáu tu không phóng dật.

7. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời cầu đa văn thứ bảy nên không phóng dật? Có Bí-sô xả bỏ sở hữu phúng tụng văn chương ca từ bóng bảy tương ưng thuận theo đa văn thế gian. Ở nơi sở hữu tánh Không thậm thâm, tương tự thậm thâm mà Phật sở thuyết, ở nơi tất cả kinh điển tương ưng duyên khởi của tánh duyên, hoặc thuận hoặc nghịch đều cung kính thọ trì, khiến được rốt ráo. Không quán các pháp chỉ vì thu được lợi ích thù thắng trong việc nuôi mạng cho là rốt ráo. Không quán các pháp chỉ vì thu được lợi ích thù thắng trong việc thoát khỏi nạn vấn của người mà

cho là rốt ráo. Không vì lợi dưỡng, không vì cung kính, cho đến chỉ vì tự điều phục, tự đắc tịch tĩnh, tự đắc Niết-bàn, tự đắc hương đến nghĩa lợi tối thượng của Sa-môn hoặc Bà-la-môn, nên ở nơi pháp đây khéo nghe, khéo thọ, đọc tụng thông lợi, thành thục rốt ráo. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ bảy tu không phóng dật.

8. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời tư duy chánh pháp thứ tám nên không phóng dật? Có Bí-sô một mình ở chốn không nhân, đối với sở hữu các pháp đã nghe, đã thọ, đã đắc mà tư duy nghĩa, quán sát xứng lượng, nghĩ điều đáng nghĩ, xa lìa điều không đáng nghĩ. Đối với pháp chỉ sanh tin hiểu chút phần, thì dùng huệ quán sát chút phần ấy. Phàm có tư duy chỉ nương nghĩa không nương văn, như thật rõ biết thuyết bằng cách im lặng và thuyết lớn tiếng. Tư duy kiên cố, tư duy các đế thẳm sâu, tư duy tương tục. Ở nơi những điều đã tu học, chân chánh thực hành cho đến rốt ráo, trọn không lui bỏ giữa chừng. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ tám tu không phóng dật.

9. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương

thời xa lìa thứ chín nên không phóng dật? Có Bí-sô không cùng chúng tại gia và chúng xuất gia cộng chúng tạp trụ, cũng không đồng hỷ, cũng không đồng ưu, nói rộng cho đến trọn không rớt ráo tùy chuyển theo nghiệp thế sự. Ở chốn không nhà, bìa rừng, bờ vắng, xa lìa tất cả hữu tình tán loạn giải đãi và tu Chỉ Quán các tùy phiền não chướng. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ chín tu không phóng dật.

10. Sao gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương thời thông đạt *tu* rớt ráo thứ mười nên không phóng dật? Có Bí-sô ở nơi có như thật biết có, ở nơi chẳng phải có như thật biết chẳng phải có, ở nơi hữu thượng như thật biết hữu thượng, ở nơi vô thượng như thật biết vô thượng. Do vị kia như thật biết như vậy, nên điều chưa đắc không sanh tưởng đắc, điều chưa chứng không sanh tưởng chứng, lìa tăng thượng mạn. Do chẳng bị nhiếp giữ bởi tăng thượng mạn, cho nên tự mình đã thông suốt. Như vậy gọi là Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da ở thời thứ mười tu không phóng dật.

Lại nữa, có 4 chủng chướng năng chướng ngại người xuất gia: 1. Chướng ngại ý lạc; 2. Chướng

ngại sở y; 3. Chướng ngại nghiệp; 4. Chướng ngại không tự tại.

Chướng ngại ý lạc: hoặc bị vua bức bách... nên sợ hãi mà cầu xuất gia, hết thấy những dạng như vậy.

Chướng ngại sở y: hoặc bị mù điếc, hoặc bị khuyết căn, hoặc bị bán-trạch-ca, hoặc bị bệnh tật, hoặc bị chủng chủng ác tật... bức bách thân, hết thấy những dạng như vậy.

Chướng ngại nghiệp: là các chủng ác nghiệp như hại mẹ... hết thấy những dạng như vậy.

Chướng ngại không tự tại: hoặc cha mẹ chưa chấp nhận, hoặc làm tội tở cho người, hoặc bị hệ thuộc vua, quan, chủ, hoặc đang có tranh tụng... hết thấy những dạng như vậy.

Lại nữa, lược có 5 xứ mà người xuất gia đối với Tỳ-nại-da quyết định phải học. Những gì là năm? Học để biết có phạm, không phạm, hoặc nặng, hoặc nhẹ và sở thuyết tóm lược kinh Biệt giải thoát.

Có phạm, không phạm như trước đã thuyết. Do 6 chủng khác nhau khiến chỗ phạm thành nặng:

1. Chế lập sai biệt; 2. Sự sai biệt; 3. Xuyên thủng

sai biệt; 4. Phiền não sai biệt; 5. Trí sai biệt; 6. Thời sai biệt. Trái với tướng trên, chỗ phạm gọi là tội nhẹ.

Chế lập sai biệt: vì tùy ở nơi học xứ mà chế lập.

Sự sai biệt: như đồng là Ba-dật-đề-ca, nhưng sát sanh... thuộc sở hữu tánh tội, ở nơi giá tội khác thì có sự sai biệt.

Xuyên thủng sai biệt: như có người hủy phạm vô số.

Phiền não sai biệt: như có người hủy phạm do tham, sân, si triền mãn lợi.

Trí sai biệt: như có người phẩm thiện yếu kém, trí huệ cạn mỏng, tuy kiến lập hết thấy sự, xuyên, khởi phiền não, nhưng chỗ phạm thành chướng ngại cực nặng. Như nước chảy ít, chỉ cần ít cỏ cũng có thể chặn đứng; nước lớn, nhiều cây cỏ cũng chẳng thể chặn mà bị trôi dạt. Trong đây đạo lý nên biết cũng vậy.

Thời sai biệt: như có người đã vi phạm nhưng đối với chỗ đã phạm chẳng thể nhanh chóng như pháp hối trừ; đã tập quen lâu dài về sau mới đối trị.

Lại nữa, các bậc trì luật nên dụng năm tướng quán sát chỗ phạm, sau khiến đoạn trừ tội. Những gì là năm? 1. Vì một hướng tạp nhiễm; 2. Vì một hướng không hành; 3. Vì nương xứ mà chế lập; 4. Vì người kia hoặc sanh khởi hoặc không sanh khởi hủy phạm; 5. Vì không một hướng hiện hành.

Trong đây, chỗ phạm một hướng tạp nhiễm là các tánh tội, phải một hướng dạy khiến chẳng phạm. Nếu người đã hủy phạm, như chỗ thích hợp mà vì hiển bày chỉ dạy khiến nhanh chóng hối trừ. Lại chư Phật Thế Tôn nương bổ-đặc-già-la đây, phương đây, thời đây mà chế lập học xứ giá tội như vậy. Nếu có bổ-đặc-già-la khác, phương khác, thời khác phạm lỗi lầm đây, do quán lỗi lầm đây mà chế lập, tùy theo chỗ phạm mà vì kia hiển dạy pháp đối trị. Nếu có người không phạm lỗi lầm như vậy, không nên đối đây mà đoạn trừ chỗ có phạm, cũng chẳng nên hiển pháp đối trị. Như vậy là lược tuyên thuyết chung quán sát chỗ phạm.

Lại nữa, Bí-sô siêng học Tỳ-nại-da nương bảy chỗ, ở trong sáu xứ mà tu gia hạnh.

Sao gọi là nương 7 chỗ? 1. Nương Đại sư; 2. Nương Thân giáo; 3. Nương Quý phạm; 4. Nương y

phục; 5. Nương khát thực; 6. Nương ngộ cụ; 7. Nương các vật khác và thuốc trị bệnh.

Sao gọi là ở nơi 6 xứ mà tu gia hạnh? 1. Ở nơi pháp; 2. Ở nơi học; 3. Ở nơi dạy trao dạy răn; 4. Ở nơi đẳng trì; 5. Ở nơi cúng dường; 6. Ở nơi không phóng dật.

Pháp: kinh Biệt giải thoát và phân biệt rộng.

Học: tăng thượng giới học, tăng thượng tâm học và tăng thượng tuệ học.

Dạy trao dạy răn: dạy trao dạy răn nương tăng thượng giới học, dạy trao dạy răn nương tăng thượng tâm học, dạy trao dạy răn nương tăng thượng tuệ học.

Đẳng trì: thứ lớp chín định.

Cúng dường: gồm cúng dường tài và cúng dường pháp. Cúng dường tài: chỉ một chủng pháp khả ái lạc. Cúng dường pháp: chỗ còn lại.

Không phóng dật: ở nơi năm chủng thiện xảo, từ uẩn thiện xảo cho đến xứ phi xứ thiện xảo, siêng tu gia hạnh tương tục không gián đoạn.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da có 5 chủng nhiếp thọ: 1. Thuộc đã thọ; 2. Thừa thọ thọ; 3. Giao phó thọ; 4. Xả thí thọ; 5. Vì người thọ.

Do 2 nhân duyên khiến *thuộc dã thọ* không được thanh tịnh: 1. Vì sanh nhiễm trước; 2. Vì dự định tích trữ. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *thừa thọ* không thanh tịnh: 1. Thọ phi xứ; 2. Thọ không đúng lượng, không đúng pháp. Trái tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *giao phó thọ* không thanh tịnh: 1. Không quán sát người mà giao phó; 2. Tâm buộc đắm ở nơi vật bất tịnh. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *xả thí thọ* không thanh tịnh: 1. Ở nơi ruộng ác mà xả thí; 2. Có mong cầu mà xả thí. Trừ ba chủng ruộng là ruộng công đức, ruộng bi và ruộng ân, còn lại là ruộng ác. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Do 2 nhân duyên khiến *vì người thọ* không thanh tịnh: 1. Chẳng phải tình bạn đã từng đi lại thâm giao từ trước, cũng chẳng cáo bạch, cũng tánh không quen biết; 2. Có nhiễm tâm. Trái với tướng đây liền được thanh tịnh.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da có 5 nhân duyên

khiến thọ dụng sự không thanh tịnh: 1. Có tánh tội; 2. Không doan chánh ngay thẳng; 3. Không sử dụng; 4. Không phải nhiếp thuộc sở hữu; 5. Không tác tịnh.

Có tánh tội: nương cân đong giả dối, trói buộc, đánh đập; hoặc chém, hoặc giết rồi chiếm lấy tài vật mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

Không doan chánh ngay thẳng: lãnh thọ ruộng, nhà, cùng voi ngựa trâu dê heo gà chó, nam nữ lớn nhỏ, nô tỳ để làm người hầu hạ; tích chứa vàng bạc, trân bảo, ngũ cốc mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

Không sử dụng: các loại nhiễm ô như đại tiểu tiện, nước mũi, nước miếng, máu mủ, mỡ... và hết thảy loại khác liên quan cũng vậy, nếu thọ dụng gọi là không thanh tịnh. Như Thế Tôn nói: “Vật dụng đựng đại tiểu tiện đều không thanh tịnh, không nên thọ dụng”.

Chẳng phải nhiếp thuộc sở hữu: hoặc vật của chúng Tăng, hoặc chẳng được sai, chẳng để trong bát, cũng chẳng thuộc bát; hoặc vật riêng của người chẳng xả, chẳng cho, cũng chẳng hư bỏ; hoặc chẳng phải vật gửi gắm giao phó, cũng chẳng phải lượng

mà thọ dụng, gọi là không thanh tịnh.

Không tác tịnh: gồm 5 chủng tịnh. Những gì là năm? 1. Thọ đắc tịnh; 2. Tổn hoại tịnh; 3. Giao phó tịnh; 4. Thời pháp tịnh; 5. Xả phần riêng tịnh. Trái với tướng đây, sở hữu thọ dụng gọi là thanh tịnh.



Quyển 69

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 3

Lại nữa, do 5 chủng chế lập nên biết Tỳ-nại-da rất thâm sâu. Sao gọi là 5 chủng chế lập? 1. Vì chế lập học; 2. Vì chế lập phạm; 3. Vì chế lập ra khỏi, xa lìa; 4. Vì chế lập dừng nghỉ; 5. Vì chế lập Yết-ma.

1. **Chế lập học**: lược do 5 xứ chế lập học là rất thâm sâu: 1. Vì tự tại; 2. Vì không tự tại; 3. Vì lỗi lầm hoại Thi-la hiển hiện; 4. Vì lỗi lầm vui thích ở nơi nghiệp thấp hèn hiển hiện; 5. Vì hành, không hành hai lỗi lầm trên.

Vì tự tại: Nếu lúc được dẫn dạy, không thuận theo phiền não mà hành, do đây không bị thế lực của phiền não khiến không được tự tại. Bấy giờ nương theo sự dạy dẫn như vậy mà được tự tại thực hành học xứ, cho nên chế lập học xứ tùy ý tự tại.

Vì không tự tại: Nếu lúc được dẫn dạy, thuận

theo phiền não tự tại mà hành, do đây bị thế lực của phiền não khiến không được tự tại. Bấy giờ tức nương sự dẫn dắt như vậy mà không tự tại thực hành học xứ, cho nên chế lập học xứ không tự tại.

Vì lỗi lầm hoại giới hiển hiện: Quán thấy quyết định không được phạm các tánh tội, cho nên chế lập học xứ tùy phòng hộ giới.

Vì lỗi lầm vui thích nơi nghiệp thấp hèn hiển hiện: Quán thấy năng chướng siêng tu phẩm thiện, cho nên chế lập học xứ già tội.

Vì hành, không hành hai lỗi lầm kia: Phật quán người kia tự tại làm theo sự dẫn dắt, không gây tạo lỗi lầm, nên không chế lập. Quán người kia không tự tại, hiện hành lỗi lầm nên chế lập học xứ.

2. Chế lập phạm: lược do 5 xứ chế lập phạm là rất thẳm sâu. Sao gọi là phạm? Vì năng chướng ngại khiến thiện pháp chẳng được sanh. Chướng ngại đây lược có 5 chủng: 1. Chậm chạp chướng; 2. Có tội chướng; 3. Khinh mạn chướng; 4. Ác tác chướng; 5. Sở tri chướng.

Chậm chạp chướng: Do giải đãi, nên đối với

các thiện pháp chẳng siêng phương tiện tu tập.

Có tội chướng: Như có người hoặc do tham triền, hoặc do sân triền, hoặc do si triền, hoặc do thuận theo sự nhiễm ô các tùy phiền não của một tâm pháp khác. Kia đã sanh khởi phiền não, tùy phiền não triền như vậy rồi, lại chấp đắm kiên cố chẳng xả.

Khinh mạn chướng: Như có người không tôn trọng sở học, không cung kính sâu các học xứ, chẳng hãi sợ tội lỗi mà lại hủy phạm, đã phạm rồi chẳng nhanh chóng phát lồ. Tánh không tôn kính Đại sư cùng các đồng học.

Ác tác chướng: Như có người đắm mình trong ác tác nhiễm ô tương tục, không thể khéo léo rút ráo khiến trừ các ác tác đây, sanh ưu sầu, sanh bực tức, sanh các việc làm ác.

Sở tri chướng: Như có người thay lòng hối hận, không hoan hỷ nương theo nhân tịnh giới. Vì không hoan hỷ nên không sanh vui thích, như vậy cho đến tâm không được định. Vì tâm không định, nên không như thật biết, không như thật quán. Do nhân duyên đây gọi là sở tri chướng.

Do đắm mình trong chặm chạp chướng, nên

tánh chấp trước phiền não và tùy phiền não. Vì tánh chấp trước, nên lại đắm mình trong có tội chướng. Vì có tội chướng, nên ở trong các học không cung kính sâu mà vui thích hủy phạm, liền đắm mình trong khinh mạn chướng. Vì khinh mạn chướng, nên sanh hối tiếc nhiễm ô không thể khiến trừ, liền đắm mình trong ác tác chướng. Vì ác tác chướng, khiến hối tiếc triển chuyển tăng thêm, do nhân duyên đây nói rộng cho đến tâm chẳng được định. Vì tâm chẳng định, liền đắm mình trong sở tri chướng. Như vậy gọi là thứ lớp chướng sanh.

Trái với tướng đây nên biết là 5 chủng không chướng, đó là không chậm chạp chướng, không có tội chướng, không khinh mạn chướng, không ác tác chướng và không sở tri chướng.

Lại nữa, người hủy hoại ý lạc thì đối với chỗ phạm còn chẳng thể ra khỏi, hà huống năng không phạm. Sao gọi là hủy hoại ý lạc? Lược có 5 chủng: 1. Không muốn phát khởi tinh tấn; 2. Muốn đắm nhiễm phiền não; 3. Muốn khởi phạm các việc phạm; 4. Không muốn khiến trừ ác tác; 5. Không muốn dẫn phát đẳng trì.

Lại nữa, người đầy đủ ý lạc thì không phạm,

hà hướng có việc phạm rồi ra khỏi chỗ phạm. Sao gọi là đầy đủ ý lạc? Cũng lược có 5 chủng: 1. Muốn phát khởi tinh tấn; 2. Không muốn nhiễm đắm phiền não; 3. Khởi muốn không phạm các học xứ; 4. Muốn khiến trừ ác tác; 5. Muốn dẫn phát đẳng trì. Như Thế Tôn nói: “Nếu chỗ phạm tội là do ý lạc, Ta thuyết năng ra khỏi, vì không cần trị phạt vậy”.

Lại nữa, tư duy tìm hiểu chỗ phạm nên biết do 10 chỗ: 1. Do pháp biệt giải thoát; 2. Do rộng phân biệt Tỳ-nại-da, do phạm tự tướng trong năm tụ phạm; 3. Do sáu chủng sai biệt nên chỗ phạm thành tướng nặng, gồm: chế lập sai biệt, sự sai biệt, phiền não sai biệt, xuyên thủng sai biệt, bổ-đặc-già-la sai biệt và thời sai biệt; 4. Do người không tầm quý trừ Ba-la-đề-dĩ-ca, các tướng còn lại; 5. Do chỗ hiện hành của người mới bắt đầu sự nghiệp tu và người tu đã lâu; 6. Do bức não mà xuất ly; 7. Do chướng nạn mà xuất ly; 8. Do có người phạm, các Bí-sô bạch Đại sư; 9. Do kia bạch rồi, Đại sư vì muốn dừng chỗ phạm nên nhóm họp Tăng chúng; 10. Do Tăng chúng nhóm họp rồi, chế lập chỗ phạm. Đã chế lập chỗ phạm rồi, lại ở thời sau tùy

sự việc mà khai dẫn, dạy răn, khiến người kia được rớt ráo không bị ưu não làm tổn hại.

3. Chế lập ra khỏi, xa lìa: do 5 xứ nên chế lập ra khỏi, xa lìa là rất thẳm sâu: 1. Vô nhiễm ra khỏi; 2. Bức não ra khỏi; 3. Chướng nạn ra khỏi; 4. Không kể ra khỏi; 5. Thuyết hồi ra khỏi.

Vô nhiễm ra khỏi: Như có người tùy có sở hành phạm ít, hoặc tùy ít pháp. Nếu có sở hành khiến thiện pháp tăng, bất thiện pháp giảm. Do nhân duyên đây không bị nhiễm ô. Do không nhiễm ô đây tức là ra khỏi, cho nên gọi là vô nhiễm ra khỏi.

Bức não ra khỏi: Như có người chịu sự khổ bức bách của trọng bệnh. Loại trừ tánh tội, nếu người kia tùy có sở hành phạm pháp khác. Do bức não đây tức ra khỏi, cho nên gọi là bức não ra khỏi.

Chướng nạn ra khỏi: Như quán hiện tại mạng khó bảo toàn, hoặc khó hành phạm hạnh, nên tùy có sở hành phạm ít hoặc tùy ít pháp. Do chướng nạn đây tức là ra khỏi, cho nên gọi là chướng nạn ra khỏi.

Không kể ra khỏi: Như có người du phương đi

qua những nơi đồng hoang, những nơi thiếu thốn. Có một chủng pháp chương nạn hiện ở trước. Sở hữu thọ dụng sự ở xứ ấy không như pháp, tuy cầu xin được thọ dụng như pháp mà không được phép, bèn sanh hoảng sợ thọ dụng sự đây, tùy có sở hành phạm ít hoặc tùy ít pháp. Do không kế đây tức là ra khỏi, cho nên thuyết là không kế ra khỏi.

Thuyết hối ra khỏi: Như có người tùy có chỗ phạm trong phần phạm hữu dư thuộc năm tụ phạm, bèn đối trước bậc có trí đồng phạm hạnh, dùng pháp Tỳ-nại-da kín đáo phát lồ trình bày, như pháp hối trừ.

Nói phạm ít hoặc tùy ít pháp, tức là loại trừ tánh tội, phạm các tội khác.

4. Chế lập dừng nghỉ: lược do 5 xứ nên biết chế lập dừng nghỉ là rất thâm sâu: 1. Vì thanh tịnh; 2. Vì ngăn ngừa phá hoại; 3. Vì tiếp dẫn khiến bố-đặc-già-la có nghĩa lợi rộng lớn nhập chánh pháp; 4. Vì khiến Thánh giáo chuyển tăng thịnh; 5. Vì ngăn ngừa việc khó tồn tại mạng sống.

Vì thanh tịnh: Có bậc A-la-hán thanh tịnh,

việc làm đã xong. Do vị kia đã đắc cực thanh tịnh, Tăng đối với vị kia cho phép dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì ngăn ngừa phá hoại: Trong chúng Tăng, một phần Bí-sô ở nơi phạm mà sanh tướng không phạm, ở nơi không phạm mà sanh tướng phạm. Một phần Bí-sô ở nơi phạm sanh tướng phạm, ở nơi không phạm sanh tướng không phạm. Do nhân duyên đây phát khởi chủng chủng đấu tranh kiện tụng, trong Tăng không được an ổn. Vì muốn dứt việc tranh tụng đây, nên Tăng chúng hòa hợp bạch tứ Yết-ma, đều cùng dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì muốn tiếp dẫn khiến bồ-đặc-già-la có nghĩa lợi rộng lớn nhập chánh pháp: Như có bồ-đặc-già-la dòng tộc cao quý, có nhiều việc làm lợi ích trong thánh giáo. Tăng biết người kia không có phương tiện riêng khác khiến nhập pháp, vì muốn tiếp dẫn khiến kia được nhập, nên hòa hợp Tăng chúng bạch tứ Yết-ma, cho phép người kia đều dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì khiến thánh giáo chuyển tăng thịnh: Ở thời mạt kiếp, tránh kiếp, uế kiếp đang lúc hiện

tiên, vô lượng hữu tình không vui tu học ít và tùy ít, cho đến nhiều sở hữu học xứ. Kẻ chưa nhập pháp không muốn thú nhập, kẻ đã nhập pháp lại muốn xả bỏ. Do đây thánh giáo dần dần suy thoái không được tăng thịnh. Do nhân duyên đây hòa hợp Tăng chúng bạch tứ Yết-ma, vì khiến thánh giáo được tăng thịnh nên đều dừng nghỉ sở hữu học xứ ít và tùy ít.

Vì muốn ngăn ngừa việc khó tồn tại mạng sống: Ở thời mạt kiếp, tránh kiếp, uế kiếp đang lúc hiện tiền, do các học xứ ít và tùy ít khiến các Bí-sô khó thể tồn tại mạng sống. Vì muốn dứt việc đây, Tăng chúng hòa hợp bạch tứ Yết-ma, dừng nghỉ học xứ.

5. Chế lập Yết-ma: lược do 5 chủng bổ-đặc-già-la ở nơi 10 Yết-ma, nên biết chế lập Yết-ma là rất thâm sâu.

Những gì là 10 Yết-ma? 1. Yết-ma thọ Cụ túc; 2. Yết-ma kiết giới; 3. Yết-ma trưởng dưỡng; 4. Yết-ma chấp thuận; 5. Yết-ma thú hưởng; 6. Yết-ma nêu cử sự phóng dật; 7. Yết-ma trị phạt; 8. Yết-ma nhiếp thọ; 9. Yết-ma bạch nhị; 10. Yết-ma bạch tứ.

Những gì là 5 chủng bổ-đặc-già-la? 1. Bổ-đặc-già-la dụ huệ lành; 2. Bổ-đặc-già-la dụ anh vũ; 3. Bổ-đặc-già-la dụ đèn sáng; 4. Bổ-đặc-già-la dụ ánh chớp; 5. Bổ-đặc-già-la dụ tranh vẽ.

Bổ-đặc-già-la dụ huệ lành: như có người ở trong mười Yết-ma nói trên chỉ y nghĩa chẳng y văn, chỉ theo nghĩa chuyển chẳng theo âm thanh. Tuy ở trong đây chưa tác ngôn từ Yết-ma như vậy, nhưng năng y nghĩa phát khởi lời nói, hành nương theo nghĩa đây.

Bổ-đặc-già-la dụ anh vũ: Như có người chỉ y văn, không y nghĩa, chỉ theo văn chuyển, không theo nghĩa chuyển, chẳng thể y nghĩa mà phát ngôn từ khác.

Bổ-đặc-già-la dụ đèn sáng: Như có người nương ít phần Yết-ma mà nhiều tăng trưởng lợi ích, tùy ý hiện hành chủng chủng ngôn từ dụ như đèn sáng.

Bổ-đặc-già-la dụ ánh chớp: Như có người ở trong các Yết-ma và các học, hoặc thời gian này hiểu biết thông đạt, hoặc thời gian khác lại không như vậy, nên được dụ như ánh chớp (Yết-ma chớp chờn).

Bổ-đặc-già-la dụ tranh vẽ: Như có người y như ngôn từ Yết-ma đã chế lập, tức như vậy mà chuyển chẳng thêm chẳng bớt như tranh vẽ.

Lại có 5 chủng hư ngụy Tỳ-nại-da: 1. Hư ngụy chế lập học xứ; 2. Hư ngụy chế lập chỗ phạm; 3. Hư ngụy chế lập ra khỏi xa lìa; 4. Hư ngụy chế lập dừng nghỉ; 5. Hư ngụy chế lập Yết-ma.

Hư ngụy chế lập học xứ: như có người chế lập học xứ chẳng hợp khế kinh, chẳng hiển hiện đúng luật, trái lìa pháp tánh. Trái lìa pháp tánh đây, tức năng tăng trưởng các pháp bất thiện và năng tổn giảm các pháp thiện.

Hư ngụy chế lập chỗ phạm: như có người ở nơi phạm lập là không phạm, ở nơi không phạm lập là có phạm.

Hư ngụy chế lập ra khỏi xa lìa: như có người ở nơi không ra khỏi xa lìa mà lập là ra khỏi xa lìa, ở nơi ra khỏi xa lìa lập là không ra khỏi xa lìa.

Hư ngụy chế lập dừng nghỉ: như có người ở nơi chẳng nên dừng nghỉ mà chế lập dừng nghỉ, ở nơi nên dừng nghỉ lập là chẳng dừng nghỉ.

Hư ngụy chế lập Yết-ma: như có người ở nơi phi pháp Yết-ma mà lập là pháp Yết-ma, ở nơi

pháp Yết-ma lập là phi pháp Yết-ma.

Lại nữa, trừ 10 chủng sự sau, nếu có Bí-sô đối trước người khác mà hiển bày các Bí-sô khác hoại giới, hoại kiến, hoại các quĩ tắc và hoại chánh mạng, nên biết lời đây thật không thanh tịnh. Sao gọi là 10 sự?

1. Đối với Phật bảo muốn làm tổn hại, hoặc muốn cướp đoạt.

2. Đối với Pháp bảo cũng như đối với Phật bảo.

3. Đối với Tăng bảo cũng như đối với Phật bảo.

4. Hoặc vì thấy, hoặc nghe, hoặc nghi kia hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại chánh mạng thuộc các phẩm loại dần dần tăng trưởng rộng lớn.

5. Hoặc thấy, hoặc nghe, hoặc nghi kia hiển bày chỉ dạy pháp bất chánh hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng...

6. Muốn khiến người kia ra khỏi pháp bất thiện hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng... và muốn an đặt người kia nơi các pháp thiện.

7. Vì hộ tâm người, không để người khác hiểu lầm như vậy: “Các Bí-sô đây thấy đều hoại giới,

hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng, nhưng che giấu cho nhau”.

8. Hoặc có thí chủ, hoặc Cận sự nam, hoặc người kiến tạo chùa bạch với Tăng chúng như vậy: “Tôi không chấp nhận cho những người hoại giới cho đến hoại mạng trú ở đây. Nếu các Bì-sô thấy kẻ hoại giới cho đến hoại mạng, nên báo cho tôi biết”. Nếu những người trong Tăng chúng đồng nghe lời đây.

9. Hoặc có người thấy, hoặc nghe, hoặc nghi người khác do nhân duyên đây bên trong ôm lòng nghi ngờ oán giận, muốn phát khởi làm điều vô nghĩa.

10. Tăng chúng quán thấy kẻ kia hành pháp ác hoại giới, hoại kiến, hoại quĩ tắc, hoại mạng, nhiễm ô nhà người, không có lực năng trị phạt đuổi bỏ. Duy có một nhân, duy có một duyên, đó là đi đến nhà người nói sự việc không thanh tịnh của kẻ kia. Nếu nhân tật đố, hoặc nhân giận ghét, hoặc nhân tài lợi mà muốn hủy chê, muốn nã hại, muốn khiến suy tổn, do duyên đây đi đến nhà người mà hiển bày lỗi của người kia, nên biết đây gọi là không thanh tịnh nói.

Lại nữa, trong Tỳ-nại-da lược có 5 chủng các sự thí dụ năng hiển pháp nghĩa: 1. Sự bốn sanh; 2. Sự bốn sự; 3. Sự ảnh tượng; 4. Sự giả hợp; 5. Sự thí dụ.

Sự bốn sanh: thuyết việc làm Bồ-tát hạnh đời trước.

Sự bốn sự: thuyết các sự việc tương ưng đời trước.

Sự ảnh tượng: dùng hình ảnh vị sữa, vị lạc, vị sanh tô, vị thực tô, vị đề hồ... để làm dụ minh họa hiển bổ-đặc-già-la tối thắng. Lại dùng hình ảnh bảy loại sông trên thế gian để làm dụ minh họa cho bảy chủng bổ-đặc-già-la trong chánh pháp. Chủng loại ảnh tượng còn lại như vậy đều nên rõ biết.

Sự giả hợp: hoặc dụ đại vương, hoặc dụ lương y... hết thấy loại như vậy. Cũng có vô lượng dụ khác tùy theo phẩm nhiệm ô hay thanh tịnh. Lại có thí dụ thế gian hiện thấy, hoặc nương phẩm tạp nhiễm, hoặc nương phẩm thanh tịnh. Do ảnh tượng lấy làm dụ kia có ít phần tương ưng với điều muốn hiển bày nên giả hợp mà nói.

Sự thí dụ: thuyết nhiều thí dụ rộng dài. Như thí dụ dài, thì thí dụ vô lượng loại khác cũng vậy.

Lại nữa, do 5 chủng tướng kiến lập các pháp sở tri sai biệt. Những gì là năm? 1. Do sự; 2. Do phẩm nghiệp sai biệt; 3. Do trí nương xứ sai biệt; 4. Do trí sai biệt; 5. Nhiếp trí sai biệt khác.

1. Do sự: nói tóm lược thì tất cả hữu vi, vô vi gọi là sự sở tri.

2. Do phẩm nghiệp sai biệt: tức là sự đây lại có 5 phẩm sở tri sai biệt và 5 chủng tác nghiệp.

Những gì là 5 phẩm sở tri? 1. Vì có giả lập, nên gọi là sở tri; 2. Vì có thắng nghĩa, nên gọi là sở tri; 3. Vì có sở tác rốt ráo, nên gọi là sở tri; 4. Vì có tâm hành tịnh bất tịnh của người, nên gọi là sở tri; 5. Vì có tất cả chủng riêng biệt, nên gọi là sở tri.

Những gì là 5 chủng tác nghiệp? Thế tục trí năng biết sở tri giả lập. Vì biết giả lập đây, nên như thật rõ biết đạo lý pháp thiện, bất thiện, có tội, không tội của thế tục, nói rộng cho đến pháp duyên sanh... một phần cần phải xa lìa, một phần cần phải tu tập; lại năng rõ biết lời nói thế tục du hành trong nhân gian, tùy theo nhân, tùy theo

duyên mà khởi các hành.

Pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí năng biết sở tri thắng nghĩa. Vì biết đây nên năng chứng đắc đoạn trừ pháp kiến tu sở đoạn.

Tận trí, vô sanh trí năng biết sở tri sở tác rốt ráo. Vì biết đây nên tâm được quyết định không còn nghi hoặc, bên trong tự đoạn trừ, lia tăng thượng mạn.

Tha tâm trí năng biết sở tri tâm hành tịnh, bất tịnh của người. Vì biết đây nên như thật biết chỗ có ý lạc, giới và tùy miên của người.

Mười trí lực năng biết sở tri tất cả chủng riêng biệt. Vì biết đây, nên năng đối với người phát khởi tất cả chủng dạy trao dạy răn chân chánh, năng đoạn tất cả nghi hoặc của hữu tình, năng khéo an đặt tất cả hữu tình có năng lực lớn đi đến quả là các đường thiện và trong giải thoát, năng làm tất cả việc lợi ích và an vui hữu tình.

Như vậy gọi là 5 phẩm sở tri và 5 chủng tác nghiệp.

3. Do trí nương xứ sai khác: Có 2 chủng: 1. Hành tự lợi; 2. Hành lợi tha.

Hoặc tùy thuận đoạn thế tục trí, hoặc chân chánh năng đoạn thắng nghĩa trí, hoặc ở nơi đoạn sở tác rốt ráo trí, các trí như vậy nên biết nương xứ hành tự lợi.

Hoặc sở hữu tha tâm trí biết được ý lạc, giới và tùy miên của người, hoặc sở hữu mười trí lực ở trong sở tri tất cả chủng riêng biệt, hai trí như vậy nương xứ hành lợi tha. Như vậy gọi là trí nương xứ sai khác.

4. Do trí sai biệt: thế tục trí hoặc thiện, hoặc bất thiện, hoặc vô ký, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, chỉ là hàng vô lậu thế gian, đó là ở trong thân của tất cả bậc vô học đã đoạn mà đắc trí đây. Đây và cái khác có tên gọi chung là thế tục trí thì cũng chỉ là thế gian.

Nên biết pháp trí, loại trí... còn lại là xuất thế gian, cũng chỉ có vô lậu.

Tận trí, vô sanh trí thì chỉ ở trong lậu tận mà được phát sanh. Nếu có người không phân biệt được tận trí và vô sanh trí, phát lời như vậy: “Ta đã đắc các lậu vĩnh viễn tận. Ta ở vị lai khổ không sanh trở lại, nhất định là vô lậu, nhất định là xuất

thế gian”. Người khởi phân biệt như vậy chỉ là vô lậu thế, xuất thế gian nhiếp thuộc thế tục trí, là chưa từng đắc trong sanh tương tục của A-la-hán.

Tha tâm trí chỉ là thế gian. Nếu tương tục trong các dị sanh và trong hàng hữu học là hữu lậu. Nếu tương tục trong hàng vô học là vô lậu.

Hỏi: Nhân duyên nào các thế tục trí trong thân thanh tịnh gọi là vô lậu?

Đáp: Do trong thân kia các lậu tùy miên đã vĩnh viễn đoạn. Lại các trí đây là cảnh hiện sở hành của tha tâm trí. Do tha tâm trí đây chẳng phải tánh nhiễm ô, chẳng phải cảnh hiện sở hành của nhiễm ô khác. Lại tự tánh kia không cùng tương ưng với tất cả phiền não. Cho nên trí đây do tùy miên, do sở duyên, do tương ưng, nên đều thành vô lậu. Trong ấy chưa từng đắc mười trí lực trong tương tục của Như Lai, chỉ là nhiếp thuộc vô lậu thế gian trí. Vì cố sao? Do tất cả chủng trí đây đều là hy luận dẫn phát khiến hiện hành vậy.

5. Do nhiếp trí sai biệt khác: thần thông trí, giải thoát môn trí, vô ngại giải trí, vô tránh trí, nguyện trí, lực trí, vô úy trí, niệm trụ trí, tất cả

chúng pháp Phật bất cộng trí... như chỗ thích hợp nên biết đều nhiếp thuộc các trí đã thuyết ở trước.

Đó là năm thân thông nhiếp thuộc thế tục trí. Hoặc tương tục trong các dị sanh và tương tục trong hàng hữu học đều là hữu lậu. Hoặc tương tục trong hàng vô học đều là vô lậu. Thân thông thứ sáu nhiếp thuộc hai trí là tận trí và vô sanh trí. Tận trí và vô sanh trí nên biết như trước.

Không giải thoát môn trí nhiếp thuộc 8 trí là pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, diệt trí, đạo trí và tận trí, vô sanh trí xuất thế gian.

Vô nguyện giải thoát môn trí nhiếp thuộc 6 trí là pháp trí, loại trí, khổ trí, tập trí, tận trí và vô sanh trí.

Vô tướng giải thoát môn trí nhiếp thuộc 5 trí là pháp trí, loại trí, diệt trí, tận trí và vô sanh trí.

Vô ngại giải trí, vô tránh trí, nguyện trí, mười lực thấy tất cả pháp Phật bất cộng trí đều nhiếp thuộc thế tục trí, đều là vô lậu. Tất cả trí đây tương tục trong A-la-hán và Như Lai, tùy chỗ thích hợp đều nên biết tương tận. Kiến lập các tướng giải thoát môn như trong phần *Bản địa* đã thuyết. Pháp Phật bất cộng và vô ngại giải... như trong phần *Bồ-*

tát địa đã thuyết.

Lại nữa, sao gọi là *thần cảnh*? Sao gọi là *thần cảnh trí*? Sao gọi là *tác chứng thần cảnh trí*? Đó là từ một chủng biến hiện làm nhiều chủng, nói rộng cho đến tự tại chuyển thành thân Phạm thế. Đây gọi là thần cảnh. Do thần cảnh trí năng lãnh thọ thị hiện thần cảnh đây, nên gọi là thần cảnh. Nếu tu thành tự trí có đầy đủ đại uy đức là quả tu, gọi là thần cảnh trí. Bởi trí đây năng lãnh thọ, năng thị hiện cảnh kia, nên gọi là thần cảnh trí. Tức chủng tử trí đây được nhiếp thọ bởi duyên sanh nên thế lực tăng trưởng, tương tục tùy chuyển, gọi là tác chứng thần cảnh trí. Tất cả như vậy nhiếp chung làm một, gọi là tác chứng thần cảnh trí thông.

Sao gọi là *thiên nhĩ*? Sao gọi là *thiên nhĩ trí*? Sao gọi là *tác chứng thiên nhĩ trí*? Nếu quả tu là do nhĩ nhiếp lấy sắc thanh tịnh, gọi là thiên nhĩ. Trí cùng nương nhĩ thức tương ưng gọi là thiên nhĩ trí. Tác chứng trí đây nên biết như trước. Tất cả như vậy nhiếp chung làm một, hết thấy như trước đã thuyết.

Như đạo lý thần cảnh... thì câu hỏi đặt ra cho

các thân thông còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Nay Ta sẽ giải thích. Đó là các tâm người do có tham... sai khác mà chuyển, gọi là tâm sai biệt. Nếu tu thành tựu đầy đủ đại uy đức là quả tu. Quả tu duyên kia làm cảnh trí gọi là tâm sai biệt trí. Tác chứng trí đây nên biết như trước. Tất cả như vậy nhiếp chung làm một, hết thấy như trước đã thuyết.

Nếu nhớ lại rõ ràng tự thể sanh sai biệt ở quá khứ, gọi là túc trụ tùy niệm. Nếu tu thành tựu trí có đầy đủ đại uy đức là quả tu. Quả tu nương tựa niệm cùng tương ưng nhớ nghĩ thì kia mới được chuyển, cho nên gọi là *túc trụ tùy niệm trí*, còn lại như trước đã thuyết.

Nếu các hữu tình có chủng chủng hình sắc tốt xấu... sai biệt, từ loài hữu tình mỗi mỗi sai biệt ở nơi kia chết đi, thì loài hữu tình mỗi mỗi sai biệt ở nơi đây sanh, gọi là sanh tử. Nếu quả tu là nhân nhiếp lấy sắc thanh tịnh, lấy đây làm chỗ nương, trí tương ưng với thức duyên cảnh tử sanh, gọi là *sanh tử trí*, còn lại như trước đã thuyết.

Nếu tất cả kiết vĩnh viễn đoạn không sót thừa, gọi là lậu tận. Tức ở trong đây, tận trí và vô sanh

trí thế gian gọi là *lậu tận trí*. Tất cả chỗ còn lại nên biết như trước.

Lại nữa, người tu quán hành đầy đủ thân thông, hoặc gặp lúc liền năng thị hiện, hoặc lại an trú, hoặc hành lợi tha, hoặc ở trong ấy năng khéo hỏi đáp, cho nên gọi là người đầy đủ thân thông.

Lại nữa, ba thông trước là thông, chẳng phải minh. Ba thông sau cũng là thông, cũng là minh, vì dụng đây năng đối trị ngu ba đời.

Lại thần thông ban đầu năng hồi chuyển loài khác, khiến người đối với mình phát sanh tôn kính. Thần thông thứ hai biết sở hành ngũ nghiệp nhiễm tịnh của người, năng khéo quở trách khiến kia hoan hỷ. Thần thông thứ ba năng khéo biết tâm hành sai biệt của người hoặc tịnh hoặc bất tịnh, rồi năng khéo dạy trao dạy răn. Ba thần thông sau năng khiến xa lìa biên thường biên đoạn, năng khiến không điên đảo xa lìa tăng thượng mạn, nương nơi lậu tận tuyên thuyết trung đạo, tức ở trong đây năng khéo dạy trao.

Lại nữa, vì quán sát 3 chủng nghĩa thế lực, nên Bí-sô A-la-hán lợi căn câu phần giải thoát trụ *Vô tránh định*.

1. Có người khi xưa từng được nghe Vô tránh đấng trì có vô lượng thắng lợi sai khác, tâm sanh vui thích phát khởi thắng nguyện. Do nhân duyên đây duyên kia làm cảnh, ý lạc mãnh lợi lớp lớp huân tu. Vị kia đã chứng đắc A-la-hán rồi, do kia làm nhân, do kia làm duyên, tức ở trong ấy tâm vui thú nhập. Cho nên nay hành giả kia trụ Vô tránh định.

2. Có người khi xưa là dị sanh, từng khiến các hữu tình khởi vô lượng đấu tranh, đối với người khác phát khởi chủng chủng việc nã hại sân hận... Nay đã chứng đắc quả A-la-hán, đối với việc làm ngu phu xưa sanh sâu hối hận, nên nay hành giả kia trụ Vô tránh định.

3. Có người tự đã chứng quả A-la-hán, muốn khiến vô lượng chúng sanh tạo tác nghiệp hiện pháp thuận thọ quả khả ái, lại muốn khiến kia ở ngay trong hiện pháp thọ quả khả ái, cho nên phương tiện trụ Vô tránh định. Do nhân duyên đây huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự, lấy đây làm chỗ nương phát sanh tướng Vô tránh tam-ma-địa, phòng hộ tâm người. Tự mình phát khởi tất cả oai nghi, trọn không khiến người phát khởi phiền não đấu

tranh, cho nên gọi là vô tránh. Như vậy vị kia vì muốn hộ tâm người, tùy nương ở nơi thôn xóm tụ lạc, thứ lớp quán sát toàn khắp tâm các chúng sanh ở tụ lạc đây, quán sát khắp tất cả đường đi, tất cả gia đình quyến thuộc, mỗi mỗi tâm chúng sanh đời vị lai sai biệt. Sau khi quán rồi, hoặc biết rõ thôn xóm như vậy, tụ lạc như vậy, đường đi như vậy, gia đình quyến thuộc như vậy, chúng sanh như vậy nếu để họ thấy tướng mình nhất định sanh khởi các phiền não đấu tranh. Cho nên vị kia liền ẩn tránh khiến chúng sanh đều không thấy được. Hoặc lại biết rõ chúng sanh kia do không thấy mình tất sanh phiền não đấu tranh, liền dụng phương tiện khiến họ được thấy. Hoặc biết rõ do tùy thuận đây khiến họ không khởi đấu tranh, liền tự quán sát việc tùy thuận đây là tịnh hay bất tịnh. Nếu thanh tịnh thì tùy thuận hiện tướng cho thấy. Nếu không thanh tịnh, liền tiếp tục quán việc tùy thuận kia tất khiến người tương tục khởi phiền não đấu tranh, thì chẳng hiện tướng cho thấy. Lại quán sát sâu nếu nhân lời nói như vậy, uy nghi như vậy, nhiếp thọ như vậy, thọ dụng y phục thấy vật như vậy, thuyết pháp như vậy, khuyến

dẫn như vậy khiến người tương tục khởi phiền não đấu tranh, tức liền xa lìa lời nói cho đến khuyến dẫn. Do kia phần nhiều an trụ đi đứng như vậy, hành hạnh như vậy, nên gọi là hành giả trụ Vô tránh định.

Sao gọi là *nguyện trí*? Bí-sô A-la-hán lợi căn câu phần giải thoát huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự làm chỗ nương, hoặc ở nơi Thanh văn thừa thuận theo cảnh giới sở hành của trí Thanh văn, hoặc ở nơi Độc giác thừa thuận theo cảnh giới sở hành của trí Độc giác, khởi nguyện như vậy: “Nguyện ta sẽ biết cảnh giới sở tri như vậy như vậy”, theo đây thú nhập huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự. Đã nhập định, tùy sở nguyện trước mà rõ biết tất cả. Nếu chư Như lai thì khắp ở tất cả cảnh giới sở tri, trí không chướng ngại. Lại chư Phật Như Lai ở Vô tránh định đây mà không nhập trong số ấy. Vì có sao? Vì có chúng sanh tuy làm các việc lợi ích thù thắng, nhưng do phiền não đồng thời hiện khởi, thành tựu đi đôi với việc làm kia; Như Lai đối với việc lợi ích thù thắng đây chẳng năng xả bỏ.

Lại nữa, như lấy huân tu biên tế Đệ tứ tinh lự làm chỗ nương, dẫn phát vô tránh cùng với nguyện

trí, nên biết sở hữu diệu trí tất cả pháp Phật bất cộng của chư Như Lai, các thần thông còn lại cũng lấy tất cả tinh lực làm chỗ nương đều năng dẫn phát.

Lại nữa, chỉ nương các tinh lực và phần cận vị chí định của Sơ tinh lực năng nhập hiện quán thánh đế, chẳng phải Vô sắc định. Vì có sao? Trong Vô sắc định, đạo Xa-ma-tha vượt hơn, đạo Tỳ-bát-xá-na yếu hơn. Nếu đạo Tỳ-bát-xá-na yếu hơn thì chẳng năng nhập hiện quán thánh đế; cũng chẳng phải sanh địa trên, hoặc Sắc giới, hoặc Vô sắc giới mà năng nhập hiện quán thánh đế thứ nhất. Vì có sao? Vì ở những cõi kia khó sanh nhàm chán trái lìa. Nếu có ít phần nhàm chán hãy còn không thể nhập hiện quán thánh đế, huống là ở những cõi kia chút phần tâm nhàm chán cũng không phát khởi.

Lại nữa, nay thuyết về thế tục trí và xuất thế vô lậu trí ở sơ tế, trung tế và hậu tế sanh khởi sai biệt. Đó là thế tục trí phát khởi trước hết của vị dị sanh. Như trước thuyết thì năm kiến nhiễm ô cùng với tà trí tương ưng tham... chính là các thế tục trí nhiễm ô... cần phải biết, cần phải đoạn. Vì muốn

sinh khởi đối trị kia, nên lại khởi tín thế gian nhiếp thọ kiến không điên đảo. Đây nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy chánh kiến đây làm chỗ nương, kể đến phát khởi văn-tư thành tựu diệu tuệ, ở nơi các niệm trụ siêng tu quán hành. Đây cũng nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy đây làm chỗ nương, kể đến ở trong đạo phương tiện thuận phần quyết trạch, do tu thành tựu diệu tuệ, ở nơi các niệm trụ siêng tu quán hành. Đây cũng nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy đây làm chỗ nương, kể đến phát khởi kiến đạo phương tiện thuận phần quyết trạch đồng hành tu thành tựu diệu tuệ, ở các niệm trụ siêng tu quán hành. Đây cũng nhiếp thuộc thiện hữu lậu thế tục trí.

Lấy đây làm chỗ nương, kể đến phát khởi chánh kiến nhiếp thuộc pháp thế đệ nhất, kiến đạo, đạo không gián đoạn. Đây cũng nhiếp thiện hữu lậu thế tục trí. Như vậy gọi là thứ lớp sinh khởi các thế tục trí trước hết của dị sinh địa.

Lại dụng thế tục trí nhiếp thuộc pháp thế đệ

nhất kia làm chỗ nương, năng nhập kiến đạo. Lúc kiến đạo thẳng tiến, tức do huân tu kia, nên sở hữu chủng tử thiện thế tục trí do trước đã tu tập đều được thanh tịnh, cũng gọi là tu. Đây gọi là biên để hiện quán các thế tục trí. Đã vượt qua kiến đạo, lại phát khởi trí đây nên chứng đắc giải thoát các pháp kiến sở đoạn mà xưa chưa từng giải thoát. Do sanh khởi đây, các bậc thánh ở trong sự đoạn trừ các phiền não kiến sở đoạn năng chánh rõ biết: “Ta đã vĩnh viễn tận dứt địa ngục, cho đến không đọa trở lại các nẻo ác”. Lại năng rõ biết: “Ta nay đã chứng đắc quả Dự lưu”. Lại năng rõ biết: “Ta nay đã đoạn phiền não như vậy...”. Lại tùy theo ý muốn mà năng vì người ký biệt, tức vì người mà kiến lập, cũng quán sát thâm sâu mà vì họ ký biệt. Lại dùng tuệ không điên đảo, chân chánh kiến lập hiện quán các Thánh đế.

Lại ở vị đây đối với các cõi giới cao hơn mà chưa ly dục, tùy theo chỗ thích hợp dụng đạo thế gian thứ lớp tu tập năng ly dục, cho đến năng ở nơi Vô sở hữu xứ tác chứng ly dục. Các bậc thánh đây lúc dụng xuất thế gian trí, hậu sở đắc thế tục trí lia các dục, nên biết cả hai trí kia chẳng phải Thánh

đạo, bởi sở tác ly dục chỉ năng tổn phục chủng tử phiền não. Cho nên thế tục trí đây không được gọi là vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử kia. Chỉ có hậu sở đắc xuất thế gian trí mới năng vĩnh viễn đoạn trừ chủng tử kia, cho nên nói trí đây cũng là thế gian cũng là xuất thế gian, không nên một hướng gọi là thế gian.

Lại tu trí đây lược có 4 đạo: 1. Đạo phương tiện; 2. Đạo không gián đoạn; 3. Đạo giải thoát; 4. Đạo thắng tiến. Ở tất cả địa, chín phẩm phiền não tu đạo sở đoạn bậc hạ, trung, thượng, tùy mỗi mỗi phẩm loại sai biệt mà năng tùy thuận đoạn trừ là đạo thứ nhất. Năng đoạn trừ không gián đoạn là đạo thứ hai. Đã đoạn trừ không gián đoạn rồi là đạo thứ ba. Cuối cùng ở trong đoạn trừ là đạo thứ tư. Đạo thắng tiến đây lại có 2 chủng: hoặc không gián đoạn đạo phương tiện của phẩm tu đoạn trừ còn lại; đây so với phẩm trước gọi là đạo thắng tiến, so với sở đoạn sau gọi là đạo phương tiện. Hoặc không gián đoạn chẳng tu phương tiện, chỉ ở nơi phẩm trước sanh tưởng biết đủ chẳng cầu thắng tiến. Hoặc trụ phóng dật, hoặc ở nơi đã đoạn, dùng trí quán sát mà quán sát hơn nữa, hoặc chỉ dùng

tác ý tìm kiếm quán sát mà tìm kiếm quán sát hơn nữa. Nên biết đạo đây chỉ gọi là đạo thắng tiến.

Trừ vị chí định, trong tất cả phần cận địa còn lại chỉ có thể tục trí, không có xuất thế trí. Vì cố sao? Do vị chí địa là tâm định đầu tiên, vượt qua Sơ tĩnh lực định lên trên, sở hữu tâm định đều do trước đã có định, cho nên Thánh đệ tử từ đây trở lên chỉ nương căn bản định mà tu xuất thế trí, không nương phần cận.

Trong hữu thứ nhất, sở hữu các trí đều nhiếp thuộc tục trí. Vì cố sao? Vì tác ý xứ kia và tác ý thánh trí xuất thế gian không đồng phạm. Tác ý xứ kia chỉ là tác hành phi tướng phi phi tướng. Tác ý xuất thế là do sự nhiếp thọ của các định Hữu tướng. Từ học địa ban đầu cho đến ở các thế tục trí đây, nên biết đều gọi là trung tế thế tục trí.

Ở thân A-la-hán, sở hữu tất cả vô lậu thanh tịnh giải thoát, tất cả kiết phược phiền não, tận trí, vô sanh trí và tất cả công đức thần thông khác... đều nhiếp lấy các thế tục trí, đều nhiếp thuộc hậu tế thế tục trí.

Lại nữa, sơ, trung, hậu tế thế tục trí của chư Bồ-tát tức là tất cả thế tục trí từ Thắng giải hành

địa cho đến Đến cứu cánh địa. Sơ tế là Thắng giải hành địa. Trung tế từ Ý lạc thanh tịnh tăng thượng địa cho đến Quyết định hành địa. Hậu tế là Đến cứu cánh địa.

Lại, chư Bồ-tát ở trong các địa khởi 2 chủng hành: hành có tướng hý luận sai biệt và hành lìa tướng hý luận hiện hành. Vì đây giống như khéo tu xuất thế gian, nên về sau đắc hậu sở đắc thế tục trí nhiếp lấy vô chương ngại trí. Lại các thế tục trí, nguyện trí của chư Bồ-tát và Như Lai giống nhau không sai khác, tất cả đều thắng vượt hơn với sở đắc tất cả nguyện trí của các Thanh văn, Độc giác. Các thần thông và không trí... nên biết cũng vậy. Do sở hữu công đức của chư Bồ-tát đều nương mười chủng tánh lực mà chuyển. Thanh văn, Độc giác thì chẳng như vậy.

Như vậy đã thuyết sơ, trung, hậu tế của các thế tục trí. Kế đến Ta sẽ thuyết sơ, trung, hậu tế của các xuất thế trí, đó là: kiến đạo, tu đạo và đạo vô học. Nếu kiến đạo phẩm pháp trí, thì đối trị hoặc kiến sở đoạn Dục giới. Nếu kiến đạo phẩm loại trí, thì đối trị hoặc kiến sở đoạn Sắc, Vô sắc giới.

Hỏi: Khi tất cả loại trí hiện tại tiền, đều năng liễu biệt Sắc giới, Vô sắc giới phải không?

Đáp: Nếu người đó đã từng ở nơi Sắc, Vô sắc giới khéo nghe, khéo nghĩ, khéo nắm lấy tướng các pháp, tức năng liễu biệt. Nếu chẳng vậy thì không thể liễu biệt. Các trí còn lại hoặc ở phẩm Tỳ-bát-xá-na, hoặc ở phẩm Xa-ma-tha, nhiếp thuộc hai phẩm pháp trí và loại trí. Lại ở kiến đạo khi trí thứ nhất sanh, nhân của các trí khác do duyên năng sanh nhiếp thọ, nên tất cả kiến đạo đều được tăng trưởng, tức sát-na đây đều gọi là đắc. Lúc đã đắc rồi, về sau dần dần thứ lớp hiện tiền. Nên biết kiến đạo là đạo thắng tiến.

Lại ở trong tu đạo, nếu có người tu tập đạo xuất thế gian mà ly dục, nên biết như đạo phương tiện... ở trước đều là xuất thế.

Lại ở trong các thánh đế như khổ... hành có tướng hý luận hiện hành là thế tục trí, lia tướng hý luận hiện hành là xuất thế trí. Vì ở nơi các đế, dụng tướng hữu tướng khéo nắm lấy tướng; vì như sở kiến, sở tri trước, tu tập chủng chủng trí vi diệu; vì dụng các thiện thế gian nhằm chán hành khiến tâm nhằm chán; vì lãnh thọ chủng chủng diệu

pháp lạc, nên biết các bậc thánh cũng tu đạo ly dục thế gian mà lìa các dục. Trong vô học địa, tức như xuất thế gian trí đã thuyết, vì giải thoát khỏi hoặc tu đạo sở đoạn, nên đắc cực thiện thanh tịnh.

Lại xuất thế trí là chỗ nương tựa, chỗ giữ gìn của tất cả công đức thế gian, năng khiến sở hữu công đức của tất cả địa trên và địa dưới đều tự tại chuyển. Như vậy gọi là thứ lớp sơ, trung, hậu tế sanh khởi của xuất thế gian trí.

Lại nữa, các thần cảnh trí hoặc do gia hạnh mà được, hoặc do sanh mà được.

Gia hạnh mà được: là sở hữu quả tu sanh trong khoảng dị sanh hữu học đến các Bồ-tát vô học...

Sanh mà được: sanh ở Sắc giới, vì trước đã từng tu tập làm nhân duyên, nên về sau ở cõi đây vừa sanh tức liền có được. Lại có chư thiên Dục giới và một phần người có được do quả phước, như vua Mạn-đà-đa... Lại thú bàng sanh như phi cầm... vì sự nhiếp thọ chúng đồng phận như vậy mà có được. Lại có một phần quỷ thú có được thần thông cũng lại như vậy. Lại có uy đức chú thuật, được thảo cũng như thần thông, như làm các huyền, hoặc cầu đảo cho cây chết đứng dậy... Do đạo lý sai

biệt đây, sở hữu sai biệt của bốn thân thông còn lại tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Lại nữa, sao gọi là *pháp sở thức*? Tất cả pháp đều là sở thức. Các thức năng nhận thức do 5 chủng tướng thức sai biệt, tùy chỗ thích hợp mà kiến lập sở thức. Những gì là năm? 1. Do y, duyên sai biệt; 2. Do vui, buồn sai biệt; 3. Do thắng, liệt sai biệt; 4. Do tâm sở sai biệt; 5. Do sở trị chướng, sanh sai biệt.

Do y, duyên sai biệt: do sở y, do sở duyên sai biệt mà kiến lập sáu thức là nhãn... sai biệt. Nhãn thức liễu biệt cảnh giới các sắc. Các thức còn lại mỗi mỗi liễu biệt cảnh giới của chính nó. Ý thức liễu biệt tất cả nhân sắc cho đến ý pháp lấy làm cảnh giới.

Do vui, buồn sai biệt: thức tương ưng thọ khổ gọi là buồn, đây năng liễu biệt thuận theo ưu khổ do tiếp xúc pháp không vừa ý. Thức tương ưng thọ lạc gọi là vui, đây năng liễu biệt thuận theo hỷ lạc do tiếp xúc pháp vừa ý. Thức tương ưng thọ không khổ không lạc gọi là chẳng phải vui chẳng phải buồn, đây năng liễu biệt thuận theo thọ xả, chẳng phải tiếp xúc hai pháp kia.

Do thắng, liệt sai biệt: thức tương ưng cùng pháp bất thiện và pháp có che đậy không ghi nhớ gọi là liệt, đây năng liễu biệt các pháp sở hành của các thức nhiễm ô. Thức tương ưng pháp thiện gọi là thắng, đây năng liễu biệt các pháp sở hành của tất cả các thức thiện. Thức tương ưng pháp vô ký gọi là chẳng phải thắng chẳng phải liệt, đây năng liễu biệt pháp sở hành của chính nó.

Do tâm sở sai biệt: có tâm sở khắp các tâm khởi, lại có tâm sở khắp tâm thiện khởi. Tướng tâm sở còn lại nên biết như trong phần *Pháp hữu lậu* đã thuyết. Khắp các tâm khởi lại có 5 chủng: tác ý, xúc, thọ, tưởng, tư như trong phần *Ý địa* đã thuyết. Khắp tâm thiện khởi lại có 10 chủng: tầm, quý, không tham, không sân, không si, tín, tinh tấn, không phóng dật, bất hại, xả. Mười pháp như vậy, hoặc ở định địa, hoặc ở bất định địa đều có tâm thiện. Tâm thiện trong định địa lại thêm khinh an, không phóng dật... chỉ là giả pháp. Thức tương ưng đây đều năng rõ biết tất cả cảnh pháp.

Do sở trị chướng, sanh sai biệt: sở trị chướng có 15 tâm. Những gì là mười lăm? Đó là hệ buộc Dục giới tổng có 5 tâm là kiến khổ, kiến tập, kiến

diệt, kiến đạo và tu sở đoạn. Như hệ buộc Dục giới có 5 tâm thì hệ buộc Sắc, hệ buộc Vô sắc giới nên biết cũng vậy. Tâm năng đối trị là thứ mười sáu, đó là tâm của các bậc vô lậu học, vô học. Như vậy thức sở trị và năng trị, tùy chỗ thích hợp mỗi mỗi năng liễu biệt pháp sở hành của chính nó.

Lại nữa, sanh sai biệt lược có 5 chủng: 1. Sanh Dục giới hành; 2. Sanh Sắc giới hành; 3. Sanh Vô sắc giới hành; 4. Sanh lên địa trên; 5. Sanh trở lại địa dưới.

Sanh Dục giới hành: từ tâm hoặc thiện, hoặc nhiễm ô, hoặc không che đậy không ghi nhớ hệ buộc Dục giới không gián đoạn, khắp hệ buộc Dục giới tất cả tâm sanh. Đây gọi là thức sanh Dục giới sai biệt. Như hệ buộc Dục giới, thì hệ buộc Sắc, hệ buộc Vô sắc giới, ba tâm tự địa không gián đoạn đều sanh ba tâm tự địa.

Hoặc trước chưa khởi tĩnh lự vô sắc, lúc muốn sanh cần yếu là từ tâm thiện Dục giới không gián đoạn, tâm thiện Sơ tĩnh lự địa được sanh. Tâm thiện Sơ tĩnh lự địa không gián đoạn, thì tâm thiện Đệ nhị tĩnh lự được sanh. Như vậy cho đến tâm thiện Vô sở hữu xứ không gián đoạn, thì tâm

thiện Đệ nhất hữu địa được sanh. Tất từ Sắc giới tâm thiện không gián đoạn, tâm sơ học sanh. Tâm học không gián đoạn, ất tâm vô học sanh.

Hoặc trước đã khởi tinh lự Vô Sắc, tức người ở nơi địa kia không bị thối thất, người kia từ tâm thiện Dục giới không gián đoạn, tùy theo sở thích đối với các tâm địa trên và tâm học, vô học muốn hiện tiền khởi. Do trước đã khéo thủ tướng hành của kia, nên đối với các tâm kia năng khởi như ý. Như vậy, các tâm của thượng địa còn lại tùy chỗ thích hợp mà có các tâm khởi không gián đoạn, nên biết cũng vậy.

Lại từ tâm vô ký Dục giới không gián đoạn, thì tâm thiện ở Sắc giới sanh, như quả của Sắc giới. Tâm biến hóa Dục giới tức là từ tâm thiện Sắc giới không gián đoạn, thì ở Dục giới đây tâm vô ký sanh. Lại nói tâm Dục giới đây, nên biết vì thuộc loại ảnh tượng của kia, vì chẳng phải tự tánh.

Lại khi ở Dục giới chết sanh ở địa trên, tâm thiện, tâm vô ký Dục giới không gián đoạn, ở địa trên tâm nhiễm ô sanh. Đó là sanh Sơ tinh lự cho đến Hữu danh, vì ở tất cả xứ kết sanh tương tục

đều do tâm nhiễm ô mới được thành tựu, như vậy nên biết vãng sanh địa trên là do các thức quyết định, ở nơi sở hành của chính nó mà có sanh khởi sai biệt.

Lại các dị sanh thối, trước sở đắc tinh lự Vô sắc định thế gian, do tâm nhiễm ô hiện tiền nên thối. Đây là tâm nhiễm ô địa dưới, từ địa trên tâm thiện, tâm nhiễm ô không gián đoạn sanh. Lại lúc từ địa trên mất sanh địa dưới, từ địa trên tất cả tâm thiện, tâm nhiễm ô, tâm vô ký không gián đoạn, chỉ có địa dưới tâm nhiễm ô sanh. Như vậy nên biết sanh trở lại địa dưới là do các thức quyết định, ở nơi tự sở hành của chính nó mà có sự sanh khởi sai biệt.

Như vậy, vì sở trị chướng, sanh sai biệt, nên các thức quyết định ở nơi sở hành của chính nó mà phân biệt rõ ràng các pháp sở thức sai biệt.



Quyển 70

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 4

Lại nữa, các trí quang minh có 5 thắng lợi: 1. Năng diệt tất cả ám nơi sở tri; 2. Năng nương thân vui thích nhiếp thọ công đức thế gian, xuất thế gian; 3. Năng chánh quán thấy nghĩa chưa thấy; 4. Năng ở hiện pháp cho vui bậc nhất; 5. Thân hoại về sau được sanh ở cõi bậc nhất.

Lại nữa, do 15 chủng đức sai biệt khiến các trí quang minh thắng vượt so với ánh sáng bên ngoài. Những gì là mười lăm? Ánh sáng bên ngoài lấy sắc làm tánh. Các trí quang minh lấy tuệ làm tánh. Ánh sáng bên ngoài năng tiêu trừ chướng tối tăm. Các trí quang minh năng tiêu trừ ám chướng bên trong. Như vậy cho đến không thường được yêu thích, thường được yêu thích; chẳng thể phân bố khắp các hữu tình, năng phân bố khắp các hữu tình; xuất hiện rồi lại mất, xuất hiện rồi không mất; có sắc, không sắc; thô, tế; có bóng tối ngược

lại, không tối ngược lại; động, không động; chẳng thể làm nghĩa lợi cho tất cả hữu tình, năng làm nghĩa lợi cho tất cả hữu tình; dẫn các chúng sanh hướng đến chỗ đã từng đi đến, dẫn các chúng sanh đến chỗ chưa từng đi đến; không thể khai phát tất cả chỗ khuất kín, năng khai phát tất cả chỗ khuất kín; chẳng thể che giấu điều đã soi sáng hiển bày, năng ẩn đi điều đã khai sáng hiển bày; không thể phát khởi vô lượng ánh sáng chiếu soi, năng phát khởi vô lượng ánh sáng chiếu soi; gây nghịch hại đối với mắt nhìn, không gây nghịch hại đối với cái thấy, nên biết cũng vậy.

Lại nữa, có 3 chủng điều thiện: 1. Vì khiến trừ; 2. Vì chế phục; 3. Vì hại tùy miên.

Lại có 3 chủng tịch tĩnh: 1. Vì các tâm tư ác không thể quấy nhiễu; 2. Vì không bị các tướng làm động loạn; 3. Vì bên trong nhậm vận thường hỷ lạc.

Lại có 3 chủng ngừng nghỉ: 1. Thân ngừng nghỉ; 2. Ngữ ngừng nghỉ; 3. Ý ngừng nghỉ.

Lại có 3 chủng phạm chí: 1. Thú hướng phạm chí; 2. Trụ quả phạm chí; 3. Đến rốt ráo phạm chí. Như vậy cũng có ba chủng Sa-môn.

Lại có 3 chủng Bà-la-môn: 1. Giả danh Bà-la-môn; 2. Chủng tánh Bà-la-môn; 3. Chánh hạnh Bà-la-môn.

Lại nữa, do 4 chủng nhân duyên khiến hoại Thi-la. Do hoại Thi-la, nên các thiện pháp nương Thi-la lẽ được sanh đều chẳng sanh: 1. Vì ở nơi tội không sót (tội vô dư) khởi hủy phạm; 2. Vì ở nơi tội còn sót (tội hữu dư) không hồi trừ; 3. Vì ở nơi các chỗ phạm, chẳng ghi nhớ suy nghĩ; 4. Vì ở nơi chỗ không phạm chấp có phạm, ở nơi chỗ có phạm chấp không phạm.

Trái với 4 tướng trên là 4 nhân duyên gọi là đầy đủ giới.

Lại do 2 nhân duyên khiến sự thọ giới đầy đủ thanh tịnh: 1. Vì trợ bạn thanh tịnh: là kiến thanh tịnh, quĩ tắc thanh tịnh và mạng thanh tịnh; 2. Vì tự tánh thanh tịnh: là cung kính tùy học và đủ phần tùy học.

Lại có 3 nhân duyên khác khiến sự thọ giới đầy đủ thanh tịnh, đó là:

1. Vì ý lạc thanh tịnh: tu hành phạm hạnh vì cầu giải thoát, không vì sanh thiên.

2. Vì mạng thanh tịnh: như pháp khát cầu để

tự nuôi sống. Sao gọi là như pháp khát cầu? Như chỗ nên cầu, tùy chỗ sở cầu mà khát cầu. Như chỗ nên cầu: chẳng kiêu trá mà cầu; cũng chẳng dùng lời bóng bẩy mà cầu; cũng chẳng hiển tướng mà cầu; cũng chẳng bức hiếp mà cầu; cũng chẳng dùng lợi mà cầu lợi. Tùy chỗ sở cầu: trừ 5 chỗ không được đi đến mà có sở cầu.

3. Vì hạnh thanh tịnh: thâm tín “nếu phạm sẽ có quả xấu”, hoặc đi hoặc đứng buộc niệm tư duy “trọn chẳng nên phạm”. Giả sử có phạm liền đối trước người như pháp hối trừ, nguyện từ nay về sau kiên cố phòng hộ giữ gìn.

Lại nữa, nếu có Bí-sô muốn siêng tu tập gia hạnh mật hộ căn môn, dùng 4 tướng rõ biết lỗi lầm của vọng niệm và dùng 4 tướng rõ biết tác ý không như lý.

Bốn tướng rõ biết lỗi lầm của vọng niệm: 1. Khiếm khuyết niệm: không nghe, không thọ, không khéo rõ biết các pháp mật hộ căn môn; 2. Yếu kém niệm: ở nơi pháp kia tuy nghe, tuy thọ, tuy khéo rõ biết mà không thường thực hành, không thuận theo thực hành hoặc tu, hoặc tập, hoặc nhiều tu tập; 3. Mất niệm: tuy tu tập, nhiều tu tập, nhưng có

lúc không rõ biết chân chánh mà có sở hành; 4. Loạn niệm: ở nơi sự việc không tạp nhiễm mà sanh tướng tạp nhiễm, ở nơi sự việc tạp nhiễm mà sanh tướng không tạp nhiễm.

Bốn tướng rõ biết tác ý không như lý: 1. Nhân sanh phiền não: như có người nắm giữ tướng, nắm giữ tùy hảo, do nhân duyên đây tâm buông thả phóng túng theo các pháp ác bất thiện; 2. Tương ưng tạp nhiễm sanh: cùng các pháp ác bất thiện kia đồng hiện tại tiền; 3. Không biết hổ thẹn: như có người ở nơi việc đáng hổ thẹn mà không hổ thẹn, tức là ở nơi pháp ác bất thiện hiện hành mà không biết hổ thẹn; 4. Khởi phạm thác loạn: tức do nhân không hổ thẹn, hoặc hủy phạm gây tội, hoặc suy nghĩ xả bỏ các học xứ.

Lại nữa, người siêng tu hành *ăn biết lượng* đoạn trừ 8 điều được gọi là đầy đủ ăn biết lượng. Những gì là tám? 1. Đắm trước ăn uống; 2. Đắm trước tự thân; 3. Hoại diệt mạng căn; 4. Xấu đói; 5. Thân nặng; 6. Có bệnh; 7. Không thanh tịnh mạng; 8. Sắp đặt nhiều sự nghiệp.

Lại nữa, người siêng tu tập *tĩnh thức Du-già* thường đoạn trừ 8 điều, được gọi là đầy đủ chánh

hạnh thường siêng tu tập tỉnh thức Du-già. Những gì là tám? 1. Oai nghi của thân mệt mỏi nhu nhược; 2. Say đắm ngủ nghỉ làm vui; 3. Tướng thuận theo tập nhiễm; 4. Không siêng tu tập đối trị tập nhiễm; 5. Thức dậy phi thời; 6. Buông lung mà thức dậy; 7. Ngủ nghỉ phi thời; 8. Buông lung mà ngủ nghỉ.

Lại nữa, nương 6 xuất ly nên biết kiến lập các địa xuất ly. Những gì là sáu? 1. Xuất ly không tùy thuận; 2. Xuất ly khuyết; 3. Xuất ly nhà; 4. Xuất ly không viên mãn; 5. Xuất ly địa dưới; 6. Xuất ly thân.

Không tùy thuận 5 chủng nương tựa: 1. Không tùy thuận hướng đến; 2. Không tùy thuận sanh; 3. Không tùy thuận tinh tấn; 4. Không tùy thuận chướng; 5. Không tùy thuận ái lạc.

Khuyết là 4 chủng duyên khuyết: 1. Khuyết thân hữu; 2. Khuyết lắng nghe; 3. Khuyết ẩn mắt tức là hoặc dạy, hoặc chứng đều ẩn mắt; 4. Khuyết ngoại cụ, thí chủ.

Lại nữa, do 4 chủng lực sanh *dục* thiện pháp: 1. Do lực duyên; 2. Do lực nhân; 3. Do lực trí; 4. Do lực hạnh.

Lại nữa, do 4 chủng viên mãn, nên xuất gia

trong pháp Tỳ-nại-da được viên mãn: 1. Hình tướng viên mãn, tức là năng không thuận theo nhiễm ô, không bị tạp nhiễm; 2. Nghiệp viên mãn, tức là khéo thuận theo pháp Phật thuyết; 3. Ý lạc viên mãn; 4. Trú xứ viên mãn.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết viên mãn luật nghi giới: 1. Vì không trụ đọa; 2. Vì năng xuất ly; 3. Vì không hay quả trách; 4. Vì không có mầm khuyết phạm; 5. Vì không biết đủ.

Lại nữa, nương 2 chủng đối trị nên biết 4 chủng luật nghi căn.

Hai chủng đối trị: 1. Lực tư trạch; 2. Lực tu tập.

Bốn chủng luật nghi căn: 1. Phòng hộ cảnh giới: vì lúc an trụ tịch tĩnh siêng tu hành, lấy niệm tự phòng hộ, tâm không lưu tán nơi các cảnh giới; 2. Phòng hộ phiền não: vì hành vị bình đẳng khi du hành, nơi các cảnh giới xa lìa tham ưu, tức là phân biệt mà không nắm giữ tướng, cho đến tâm không lưu tán phóng dật; 3. Phòng hộ triền: nếu bấy giờ chấp thủ tướng kia, lại khởi tùy giác chấp lấy tùy hảo, tức liền tu hành phòng hộ, dụng lực tu tập giữ gìn cẩn mật; 4. Phòng hộ tùy miên: khi

thành công trong việc phòng hộ căn mắt gọi là hộ tùy miên.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên biết viên mãn ăn biết lượng: 1. Vì nương đối trị; 2. Vì xa lìa sở trị; 3. Vì nương nghiệp tự mình làm; 4. Vì y xứ; 5. Vì phân biệt.

Trong đây, thọ cũ vì đối phát khởi. Thọ khổ là ăn phát khởi. Nuôi nấng vì tăng trưởng phạm hạnh. Lục vì năng hại sở trị. Lạc vì hiện pháp lạc trú. Không tội vì tịnh phước điền. Trụ an ổn vì năng tác chứng đoạn khổ phiền não, vì giảm bớt ngũ nghĩ, gia hạnh ân trọng và gia hạnh không gián đoạn, nên tinh tấn viên mãn.

Gia hạnh ân trọng: tức là biện rõ khi đi, khi ngồi. Khi ngồi, thích hợp trong việc đối trị ấm cái thứ nhất, ấm cái thứ hai và ấm cái thứ tư. Khi đi, thích hợp trong việc đối trị ấm cái thứ ba. Cả khi đi và ngồi thích hợp đối trị ấm cái thứ năm.

Gia hạnh không gián đoạn: vào ban ngày, vào đầu đêm, vào cuối đêm thường luôn tỉnh thức; ở phần trong đêm ngủ nghỉ, chánh biết về thói quen ngủ nghỉ, đó là nếu lìa tướng nằm như sư tử sẽ ngủ trong sự thất niệm trì trệ nặng nề, cho nên cần

phải nằm ngủ chân chồng lên nhau, cho đến khởi tưởng tư duy chân chánh về thói quen ngủ nghỉ.

Lại nữa, nên ở nơi 5 xứ như lượng chánh biết mà an trụ: 1. Ở nơi xứ hành; 2. Ở nơi xứ quán; 3. Ở nơi xứ nhiếp thọ lợi dưỡng cung kính; 4. Ở nơi xứ thọ dụng vật dụng; 5. Ở nơi xứ gia hạnh phẩm thiện.

Do chánh biết xứ thứ nhất, trọn không du hành ở những nơi chẳng nên đi đến, cũng không được du hành vào lúc chiều tối.

Do chánh biết xứ thứ hai, nếu trước không chánh tác ý mà cuốn theo quán sát, ngay đó nhanh chóng thâm nhiếp căn; nếu trước đã chánh tác ý rồi mới quán sát, thì khéo an trụ niệm.

Do chánh biết xứ thứ ba, lúc thọ nhận và lúc lễ người tay chẳng co nắm, chân không tháo động.

Do chánh biết xứ thứ tư, thọ dụng y bát cùng ăn uống đều biết lượng.

Do chánh biết xứ thứ năm, nếu sống ở nơi tịch tĩnh, vào ban ngày hoặc kinh hành hoặc tĩnh tọa, hoặc đi, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc thức đều khéo biết lượng. Vào ban đêm, tập quen ngủ nghỉ cũng phải biết lượng. Nếu có tu tập luận nghị quyết

trạch, hoặc nói hoặc im cũng khéo biết lượng. Vì khiến hai chủng sở y điều hòa dễ chịu, khiến trừ ngủ nghỉ cùng các mệt mỏi cũng khéo biết lượng.

Lại nữa, nếu có Bí-sô siêng tu thần túc, lược do 4 chi nhiếp các đoạn hành: 1. Chi tu tập; 2. Chi chứng thắng tiến; 3. Chi phòng hộ tùy phiền não, thông đạt; 4. Chi dẫn phát năng tịnh tùy phiền não.

Chi tu tập: tức là dục tinh tấn. Vì có sao? Do nương dục tinh tấn mà tu thần túc.

Chi chứng thắng tiến: tức là tín khinh an. Vì có sao? Do chứng thắng tiến, nên đem tâm tịnh tín tín thượng giải thoát, dùng khinh an để dừng dứt sở hữu thô trọng của thân tâm.

Chi phòng hộ tùy phiền não, thông đạt: tức là chánh niệm chánh biết. Vì có sao? Do chánh niệm, nên Chỉ Quán chưa sanh, phòng hộ tùy hoặc. Do chánh biết, nên Chỉ Quán đã sanh, thông đạt tùy hoặc.

Chi dẫn phát năng tịnh các tùy phiền não: tức là tư duy cùng xả. Vì có sao? Do tư duy nên sách tấn các tâm trì trệ. Do xả nên thấu nhiếp các tâm trạo cử bên trong.

Lại nữa, có 4 chủng pháp ở nơi sở đắc định là

tăng thượng duyên: 1. Lắng nghe thắm sâu; 2. Được dạy trao chân chánh; 3. Đòi trước xuyên suốt tu tập; 4. Đầy đủ đa văn.

Lắng nghe thắm sâu: phát khởi vui muốn sanh tâm tịnh tín lắng nghe chánh pháp, do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Được dạy trao chân chánh: nhân được dạy trao thứ lớp, dạy trao không điên đảo, phát khởi đồng mãnh an trụ tinh tấn, thuận theo không gián đoạn, tinh cần an trụ phương tiện tu tập pháp Bồ-đề phần. Do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Đòi trước xuyên suốt tu tập: ở trong các đời trước đã sanh gần đây, đã chứng nhập nhiều các tinh lự và các đẳng chí, do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Đầy đủ đa văn: đa văn, trì văn, tích tập đầy đủ văn, một mình ở chốn không nhàn, tư duy thọ lượng, quan sát sâu xa các pháp kia. Do nhân duyên đây đắc tâm tánh nhất cảnh.

Lại nữa, vì muốn chứng đắc tam-ma-địa, phải nên chánh liễu tri 7 chủng pháp: 1. Nhân thối thất nội định là do giải đãi; 2. Nhân thối thất ngoại định là do trạo cử; 3. Thối thất nội định là

do hôn trầm thù miên; 4. Thối thất ngoại định là do tán loạn nơi năm diệu dục; 5. Thối thất nội định và đối trị nhân là khéo nắm giữ tướng mà quán sát chân chánh; 6. Thối thất ngoại định và đối trị nhân là ở nơi thân quán sát bất tịnh; 7. Nương tựa nắm giữ hai đối trị kia là tướng quang minh.

Sao gọi là ở nơi thân trụ quán pháp tập? Quán thân này từ đời quá khứ cùng các uống ăn hiện tại mà sanh trưởng.

Sao gọi là ở nơi thân trụ quán pháp diệt? Quán thân này ở đời đương lai là pháp diệt chết.

Sao gọi là ở nơi thân này trụ quán pháp tập diệt? Quán thân này ở đời hiện tại do duyên ăn uống khiến tăng trưởng, dài lâu ắt sẽ hư hoại. Ở nơi hữu đây, tức ở nơi thân đây, khéo trụ nhớ nghĩ thân đồng với chân như. Hoặc chỉ trí xuất thế gian, tức là bên trong ở nơi đạo Xa-ma-tha. Hoặc chỉ kiến xuất thế gian, tức là ở nơi đạo Tỳ-bát-xà-na. Hoặc chỉ nhớ nghĩ, tức là do đây về sau đắc đạo xuất thế gian.

Sao gọi là ở nơi thân không chỗ nương trụ? Là nương các định tu tập niệm trụ, tức là ở nơi định

kia không ái vị cho đến không trụ bám trước.

Sao gọi là đối với thế gian không chấp thủ? Túc đã vĩnh viễn đoạn diệt bốn điên đảo. Vì đoạn diệt hẳn nên ở nơi thân... trọn không chấp thủ tịnh, lạc, ngã, thường.

Lại nữa, nương y chỉ thi thiết kiến lập 5 chủng bổ-đặc-già-la. Những gì là năm? 1. Các dị sanh hân lạc hỷ lạc; 2. Người hành kiến tích hân lạc đoạn chướng; 3. Người hành kiến thú hân lạc giải thoát; 4. Người hành kiến thú đến rốt ráo; 5. Người hành kiến tích đến rốt ráo.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la dị sanh hân lạc hỷ lạc? Đây có 3 chủng: 1. Hân lạc hỷ lạc do dục sanh; 2. Hân lạc hỷ lạc do định có tầm có tứ sanh; 3. Hân lạc hỷ lạc sai biệt do định không tầm không tứ sanh.

Sao gọi là bổ-đặc-già-la hành kiến tích hân lạc đoạn chướng? Đây có 2 chủng: 1. Vì hân lạc đoạn phiền não chướng: ở hiện pháp lạc trú chưa đắc, đã đắc; ở tất cả chủng hữu tướng đẳng chí chưa đắc, đã đắc; đó là vì ở nơi y chỉ cùng ở nơi quán sát sở tri có sự sai biệt; 2. Hân lạc đoạn chướng định sai khác: ở tất cả thắng xứ chưa đắc,

đã đắc, cùng ở tất cả biến xứ chưa đắc, đã đắc.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la hành kiến thú hân lạc giải thoát? Như các ngoại đạo khởi kiến như vậy: “Ngã chẳng phải có, ngã sở chẳng phải có. Ngã sẽ không có, ngã sở sẽ không có”. Ngoại đạo kia chưa đắc, đã đắc ở nơi kiến đây.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la hành kiến thú đến rốt ráo? Ở nơi Phi tướng phi phi tướng xứ chưa đắc, đã đắc.

Sao gọi là bồ-đặc-già-la hành kiến tịch đến rốt ráo? Ở nơi sáu xúc xứ vĩnh viễn đoạn trừ không sót thừa, chúng đắc lãnh thọ rốt ráo.

Như vậy gọi là nương y chỉ thi thiết kiến lập 5 chủng bồ-đặc-già-la.

Lại nữa, Cận sự nam có 3 chủng đức: 1. Thanh tịnh; 2. Năng tạo tác; 3. Năng dẫn phát.

Thanh tịnh: tức là ý lạc thanh tịnh, giới hạnh thanh tịnh và chứng thanh tịnh. Ý lạc thanh tịnh là ở nơi Phật bảo... xa lìa hết thấy nghi hoặc, không vui muốn thế sự, ấy là kiết tường. Giới hạnh thanh tịnh là năng viên mãn sở hữu các học xứ. Chứng thanh tịnh vì năng chứng đắc thế, xuất thế thanh tịnh.

Năng tạo tác: vì năng làm việc làm của Tam Bảo.

Năng dẫn phát: vì trí năng dẫn phát người đồng pháp, người không đồng pháp.

Lại nữa, có 3 chủng pháp: 1. Pháp nghe; 2. Pháp hành; 3. Pháp chứng rốt ráo.

Lại, pháp ngoại đạo là điên đảo thuyết, sở hữu giới cấm chẳng thể hiện kiến, vì y chỉ tà nguyện mà tu phạm hạnh. Sở hữu đẳng chí có sự nhiệt nã, chẳng phải rốt ráo. Chẳng thể hướng đến rốt ráo, vì chẳng thể xuất ly, vì cùng chung với các ngoại đạo, vì cùng chung với các dị sanh. Chánh pháp chư Phật trái với tướng kia, là chân thiện thuyết, là năng hiện kiến, cho đến bậc trí bên trong tự chứng đắc.

Lại nữa, thứ lớp *được, xả* các dục đó là trước tuyên thuyết việc nên làm, do đây nên được. Đó là do bố thí, trì giới, nên ở nơi việc đây khá được. Đó là ở tại cõi trời, do đây thọ dụng. Đó là do ái vị, do đây nên xả. Đó là do các quá hoạn, như đây sai biệt, nên xả sự dục và phiền não dục. Đó là do công đức của xuất ly, viên ly; hoặc hiển thị phẩm pháp thanh tịnh, tức là phải xưng tán bốn quả Sa-

môn, vì hành theo kia quyết định không bị thối đọa, hoặc vì ra khỏi thế gian này.

Lại nữa, do 3 nhân duyên mà các đồng phạm hạnh phải nên hòa hợp để đuổi bỏ người phạm giới: 1. Vì hộ trì người; 2. Vì kia không kham là bậc thượng pháp khí; 3. Vì năng khiến kia không tăng thêm uy đức.

Lại nữa, do 4 nhân duyên khiến ở nơi giới sanh sâu vui thích: 1. Do thầy dạy xa lìa hai biên chế lập sở học; 2. Do tự bên trong các loại như tham... không quá mạnh mẽ; 3. Do trợ bạn kia rất nhu hòa dễ cộng trú; 4. Do gia hạnh không trụ giải đãi.

Lại nữa, có 4 chủng quán sát giới: 1. Do cộng trú, tin hiểu là có; 2. Ở nơi nguy nan, tin hiểu là ngục kiên cố; 3. Do công việc đời, tin hiểu không khuyết phạm; 4. Do ngôn luận quyết trạch, tin hiểu không luyến tiếc, chẳng hoại kiến.

Sao gọi là tâm hướng đến viễn ly? Vào thời trụ xứ ở chỗ hội họp ồn náo.

Sao gọi là tâm hướng đến xuất ly? Vào thời hành xứ ở nơi thôn xóm.

Sao gọi là tâm hướng đến Niết-bàn? An trú

nơi xứ tướng tịch tĩnh Xa-ma-tha...

Lại có cách giải thích khác. Đó là nương xa là phiền não gọi là hướng đến viễn ly. Nương ra khỏi sanh tử gọi là hướng đến xuất ly. Nương nhập cung Niết-bàn gọi là hướng đến Niết-bàn. Vì tất cả thọ tương tục diệt nên gọi là không ảnh, gọi là tịch diệt. Vì vĩnh viễn là ba khổ, nên gọi là tịch tĩnh. Vì phiền não thiêu đốt nhiệt não vĩnh viễn dừng dứt, nên gọi là thanh lương. Vì đặc dấu tích vô thượng, nên gọi là chân phạm.

Lại nữa, do 3 lỗi lầm khiến điên đảo khi nghe chánh pháp: 1. Vì tán loạn; 2. Vì ngu si; 3. Vì không cung kính.

Lại nữa, có 5 chủng tướng là khí cụ của văn và tu: 1. Tâm khiêm hạ; 2. Tâm phụng hành; 3. Tâm nhiếp thọ nghĩa; 4. Tâm khéo nhiếp thọ nghĩa; 5. Tâm cung kính.

Lại nữa, trong pháp thiện thuyết Tỳ-nại-da, bậc Đại sư lược có 5 chủng công đức, nếu bậc Đại sư thành tựu đầy đủ, thì năng soi sáng cho ngoại đạo, Sa-môn và Bà-la-môn. Những gì là năm? 1. Ở nơi các giới hạnh, trọn không lầm lỗi; 2. Khéo kiến lập pháp; 3. Khéo chế lập sở học; 4. Ở nơi khéo

chế lập pháp, khéo chế lập sở học, tùy chỗ nghi hoặc đều khéo năng đoạn trừ; 5. Dạy trao xuất ly.

Lại nữa, do 3 nhân duyên duy chỉ có *đạo vô ngã kiến* khiến đăc xuất ly: 1. Vì chưa lãnh hội được; 2. Vì hiện năng đối trị các phiền não; 3. Vì đối với việc giải thoát hiện không hãi sợ.

Lại nữa, có 4 chủng hoan hỷ: 1. Bản chất hoan hỷ yếu kém; 2. Hoan hỷ tích tập phạm hạnh; 3. Hoan hỷ không hối hận; 4. Hoan hỷ vui đoạn vui tu. Hoan hỷ thứ nhất năng dẫn vui muốn yếu kém. Hoan hỷ thứ hai năng dẫn phát vui xa lìa. Hoan hỷ thứ ba năng dẫn lạc tam-ma-địa. Hoan hỷ thứ tư năng dẫn lạc ba Bồ-đề.

Lại nữa, do 2 nhân duyên nên pháp Phật Thế Tôn gọi là pháp thiện thuyết: 1. Vì ngôn từ văn câu đều trong sáng khéo diệu; 2. Vì dễ có thể thông đạt.

Do 2 nhân duyên dễ thông đạt: 1. Vì hoặc văn, hoặc nghĩa dễ hiểu rõ; 2. Vì hiểu xuất ly...

Do 2 nhân duyên gọi là xuất ly: 1. Vì xuất ly đến cõi thiện; 2. Vì xuất ly hướng đến ba Bồ-đề.

Do 2 nhân duyên hướng đến ba Bồ-đề: 1. Vì không nghi hoặc; 2. Vì không thể phá hoại.

Do 2 nhân duyên không thể phá hoại: 1. Vì kiến không thể hoại; 2. Vì có tháp.

Do 2 nhân duyên có tháp: 1. Vì chứng trụ kiên cố; 2. Vì có thể nương tựa.

Do 2 nhân duyên gọi là có thể nương tựa: 1. Vì nương trí, không nương thức; 2. Vì nương Đại sư là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Do 2 nhân duyên Đại sư là bậc Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác: 1. Vì đoạn hết thấy nghi hoặc; 2. Vì không có tà hạnh.

Lại nữa, có 4 chủng năng chướng pháp đoạn: 1. Không nhàm chán xa lìa; 2. Trí chưa thành thực; 3. Tán loạn; 4. Trì trệ. Nên biết huệ nhãn của người làm ác gọi là mù lòa. Huệ nhãn của người làm phước gọi là có cấu. Huệ nhãn của các ngoại đạo gọi là có màng che.

Lại nữa, người tu pháp niệm trụ nên chánh rõ biết 11 chủng pháp tạp nhiễm: 1. Tham; 2. Sân; 3. Si; 4. Tụ; 5. Tán; 6. Trầm; 7. Trạo; 8. Thuận theo tướng phiền não; 9. Không vui xa lìa; 10. Ái vị; 11. Tăng thượng mạn.

Lại nữa, do 4 nhân duyên đạo xuất thế gian dụng đạo thế gian làm trợ bạn: 1. Vì ngầm chướng

các cái; 2. Vì chế phục phần xa; 3. Vì nhằm chán sự tai họa mục nát hư hoại; 4. Vì pháp lực đượm nhuần.

Lại nữa, do 4 chủng tướng nên biết sở đắc thiên nhãn của Như Lai vào khắp tất cả nghĩa cảnh hành của hữu tình: 1. Vì hiện thấy sự gây tạo năng cảm tất cả nghiệp thú của hữu tình; 2. Vì hiện thấy chủng chủng vô lượng cõi sanh đến của tất cả hữu tình; 3. Vì hiện thấy trong *hữu* có hữu tình sanh tử; 4. Vì hiện thấy trong *vô* có hữu tình sanh tử.

Lại nữa, vì chứng các pháp, vì thông đạt các pháp, người siêng tu hành có 7 thứ lớp năng chứng các pháp, năng đạt các pháp, đó là: Cung kính thừa sự người thuyết pháp. Đã thừa sự rồi, lắng nghe pháp quán sát sâu xa. Đã lắng nghe, quán sát sâu xa, kế tùy pháp hành pháp. Đã tùy pháp hành pháp, kế trụ tâm nhiếp phương tiện chân chánh. Đã nhiếp phương tiện chân chánh, kế phát siêng tinh tấn. Đã phát siêng tinh tấn, kế tâm xa lìa trong ngoài không bình đẳng, khởi phương tiện nơi hai chủng pháp và tài, thanh tịnh các chướng. Đã thanh tịnh các chướng, nên ở nơi tam-ma-địa không sanh ái vị, lìa tăng thượng mạn.

Lại nữa, vì đối trị 9 chủng sở trị nên tu bốn niệm trụ: 1. Không chán lìa; 2. Không tác ý; 3. Tùy phiền não Chỉ Quán; 4. Trì trệ; 5. Không kham nhẫn khi gặp phải nạn đánh đập...; 6. Ở nơi những điều thấp hèn mà sanh vui đủ; 7. Quên mất điều dạy trao; 8. Hủy phạm cấm giới; 9. Xả bỏ ách thiện.

Lại nữa, người xuất gia có 5 lỗi lầm: 1. Lỗi lầm không hỷ lạc; 2. Lỗi lầm tham trước lợi dưỡng cung kính; 3. Lỗi lầm truy cầu quyến thuộc; 4. Lỗi lầm khinh miệt; 5. Lỗi lầm tăng thượng mạn.

Nên biết người tại gia cũng có 5 chủng lỗi lầm: 1. Lỗi lầm tham trước; 2. Lỗi lầm tập quen gần gũi các dục; 3. Lỗi lầm nhiếp thọ; 4. Lỗi lầm tạo làm ác hạnh; 5. Lỗi lầm không làm thiện hạnh.

Lại nữa, kẻ ngu có 4 chủng tướng biểu hiện: 1. Không làm việc thiện; 2. Làm các việc ác; 3. Tạo tác hai chủng thiện ác xen tạp; 4. Tuy một hướng làm việc thiện, mà ở nơi việc làm thiện không như thật biết.

Lại có 4 chủng tướng người ngu: 1. Huệ không quyết định; 2. Tà huệ quyết định; 3. Không thể khởi gia hạnh; 4. Việc làm gian trá.

Lại có 4 chủng tướng người ngu: 1. Chẳng phải

điều đáng hoan hỷ mà sanh hoan hỷ; 2. Chẳng phải điều nên ưu sầu lại sanh ưu sầu; 3. Quyết định một cách khó khăn; 4. Trước không quán sát.

Lại có 4 chủng tướng người ngu: 1. Tà tư duy tạo thành; 2. Tà phát khởi; 3. Bỏ nhiều công sức mệt nhọc mà phần nhiều không kết quả; 4. Do nhân duyên đây sanh nhiều sầu thán. Lại các ngu phu phần nhiều thiếu phước, nghiệp chuyển bạc mỏng, thấp kém.

Lại nữa, sanh tử có 5 pháp tương tự biển lớn được gọi là Đại hải: 1. Vì tương tự xứ sở không bờ mé; 2. Vì tương tự thẳm sâu; 3. Vì tương tự khó vượt qua; 4. Vì tương tự không thể uống; 5. Vì tương tự chỗ nương của đại bảo.

Lại nữa, do 5 nhân duyên nên pháp thí vượt hơn tài thí: 1. Tài thí khiến trong thân người phát khởi ác hạnh; pháp thí quyết định khiến khởi các thiện hạnh; 2. Tài thí khiến trong thân người phát khởi phiền não; pháp thí năng khiến đối trị phiền não; 3. Tài thí khiến trong thân người dẫn phát vui có tội không gián đoạn; pháp thí năng khiến dẫn phát an lạc vô tội không gián đoạn; 4. Hoặc Phật tại thế, hoặc không tại thế, tài thí dễ dàng

có được; pháp thí nếu không chư Phật hiện ra nơi đời khó thể có được; 5. Tài thí thí nhưng có tận, pháp thí thí nhưng vô tận.

Lại nữa, chẳng nên khiến 5 tâm này tự tại chuyển. Những gì là năm? 1. Tâm phương tiện hành ác, ở trong hành ác thú nhập mạnh mẽ; 2. Tâm phương tiện hành thiện, ở trong hành thiện không thú nhập mạnh mẽ; 3. Tâm phương tiện truy cầu các dục, ở trong truy cầu các dục phi pháp hung bạo, thú nhập mạnh mẽ; 4. Tâm phương tiện thọ dụng các dục, sanh sâu tham nhiễm cho đến không thấy quá hoạn, chẳng biết ra khỏi xa lìa mà lại thú nhập thọ dụng; 5. Tâm phương tiện ra khỏi xa lìa, nhưng ở trong ra khỏi xa lìa nhanh chóng thối chuyển; ở trong các dục hoặc các tinh lự, ở trong ái vị nhanh chóng thú nhập.

Lại nữa, do 5 chủng tướng khiến sự mị hoặc của các phiền não sâu nặng hơn sự mị hoặc của quý:

1. Nếu bị một hành động mị hoặc của quý, tức chỉ bị một mị hoặc đây. Nếu bị một phiền não mị hoặc, ắt bị vô lượng phiền não mị hoặc.

2. Nếu bị quý mị làm mị hoặc, hoặc dùng chú

thuật, hoặc dùng trói buộc gây hại, hoặc dùng vật dụng, hoặc dùng các thứ thuốc, thì dễ có thể chữa trị. Nhưng nếu bị phiền não mị hoặc thì chẳng thể chữa trị.

3. Nếu quỷ mị làm mị hoặc, lúc bị mị hoặc ấy dễ có thể nhận biết, nhấn đến đũa trẻ cũng có thể hiểu biết. Nếu phiền não làm mị hoặc, lúc bị mị hoặc khó có thể rõ biết, người thế gian thông minh vẫn còn không thể rõ biết.

4. Nếu bị quỷ mị làm mị hoặc, quỷ mị đây là khách, chẳng phải là cùng sanh, dễ có thể hàng phục, chẳng thể do kia mà thành tự tánh. Nếu bị phiền não làm mị hoặc, phiền não đây chẳng phải là khách, mà là cùng sanh, khó có thể hàng phục, tức do kia mà thành tánh ấy.

5. Nếu bị quỷ mị làm mị hoặc, không lây lan cho tất cả hữu tình khác. Nếu bị phiền não mị hoặc, ắt lây lan cho hữu tình khác.

Lại nữa, có Bí-sô không như lý tư duy, vì hư vọng kế chấp cho là chân thật nên kiến lập “có ngã”. Nên biết kế chấp đây lược có 5 chủng lỗi lầm hư cuống: 1. Thuận theo lời dạy của ngoại đạo mà chuyển; 2. Nhiếp thọ vọng kiến của ngoại đạo; 3.

Giả sử chẳng thuận theo kia mà chuyển, cũng cùng ngoại đạo làm bạn đồng pháp; 4. Nếu thuận chuyển theo lời của ngoại đạo, tức là tu hành theo đạo không xuất ly; 5. Tuy không thuận chuyển theo kia, nhưng lật đổ đồng pháp, kiến lập hình thành pháp khác. Lại do hai nhân duyên: 1. Vì ở nhân duyên hiện quán để khởi tà hạnh; 2. Vì ở hiện quán để khởi tà hạnh.

Lại nữa, nương hành dục, hành phước, triển chuyển theo đui cả hai hành có 6 chủng ái khuể tạp nhiễm, 4 chỗ nương và 5 chủng đối trị.

Sáu chủng ái khuể tạp nhiễm: 1. Tham cảnh giới, do đây năng tập quen gần gũi các dục chướng; 2. Sân hận oán ghét, do đây đối với các hữu tình có oán phát khởi ghét giận; 3. Dạy trao thuận theo tham, do đây người nhận lãnh sự dạy kia không được tự tại; đối với các hữu tình khổ, lại rộng hành chủng chủng nào hại bức bách; 4. Là tăng thượng sân, do đây nên thấy các hữu tình tăng thượng an lạc, tăng thượng hoan hỷ, thì lòng không muốn họ được tốt lành hưng thịnh, chỉ muốn mình được. Do đây tạp khởi chủng chủng tật đố, bất nhân, biến đổi chẳng vui; 5. Là có

tham công đức; 6. Có lỗi lầm sâu. Do hai nhân duyên đây, tâm không bình đẳng, ở trong Tăng chúng tuy hành huệ thí tu các phước nghiệp mà thường dòm ngó, xét tìm chủng chủng sai biệt, hoặc làm không làm, hoặc làm việc ác, bên trong ôm lòng ưu khổ chẳng được an ổn.

Bốn chỗ nương: Cảnh giới ban đầu là chỗ nương. Hữu tình khác là chỗ nương. Lại hai chỗ nương ban đầu, mỗi một chỗ nương khởi một phần tạp nhiễm. Các chỗ nương còn lại, mỗi phần khởi đầy đủ phần tạp nhiễm.

Năm chủng đối trị: 1. Bất tịnh; 2. Từ; 3. Bi; 4. Hỷ; 5. Xả.

Lại có môn khác, đó là 6 chủng ái khuể tạp nhiễm và 5 chủng đối trị.

Sáu chủng ái khuể tạp nhiễm: 1. Sự tham; 2. Sự sân; 3. Tham tạp nhiễm của tham sân si; 4. Sân không tạp nhiễm của không tham, không sân, không si; 5. Tham không tạp nhiễm của không tham, không sân, không si; 6. Sân tạp nhiễm của tham sân si.

Năm chủng đối trị bao gồm: bất tịnh, từ và 3 chủng tác ý: 1. Tác ý tạp nhiễm không điên đảo; 2.

Tác ý không tạp nhiễm không điên đảo; 3. Tác ý xả bỏ tham sân, tâm tạp nhiễm không tạp nhiễm không điên đảo.

Lại nữa, có 4 chủng bổ-đặc-già-la xuất gia được 5 chủng công đức.

Bốn chủng bổ-đặc-già-la: 1. Bổ-đặc-già-la nương chính mình; 2. Bổ-đặc-già-la nương người; 3. Bổ-đặc-già-la đã thành thực; 4. Bổ-đặc-già-la chưa thành thực.

Năm chủng công đức: 1. Bổ-đặc-già-la nương chính mình, vì xuất gia nên xả bỏ hết thảy tài bảo địa vị, nương vào hạnh bất cộng, thanh tịnh Thi-la; 2. Bổ-đặc-già-la nương người, vì xuất gia nên xả bỏ những việc không được tự tại như sự ràng buộc hệ thuộc của người, nương người mà chuyển. Do đạt được tự nương chính mình, nên tùy chuyển tự tại không hệ thuộc người, tùy theo sự việc mà tự tại chuyển; 3. Bổ-đặc-già-la đã thành thực, vì xuất gia nên nếu không còn kiết sót thừa, tức liền thành tựu tất cả biên khổ; 4. Nếu còn kiết sót thừa, tức liền thành tựu biên khổ đường ác; 5. Bổ-đặc-già-la chưa thành thực, vì xuất gia nên ở trong hiện pháp thoát khỏi vô lượng ưu khổ bức bách của cư gia thế

tục, tích tập vô lượng thiện căn thuận phần giải thoát rộng lớn, năng khiến tương tục thành thực ở đời đương lai.

Lại có 3 chủng khổ và 9 chủng tướng nên biết đui theo các hành hữu lậu.

Ba chủng khổ: khổ khổ, hành khổ, hoại khổ.

Chín chủng tướng: Mỗi một khổ riêng có 3 tướng, tùy đui theo tất cả pháp hành hữu lậu nên thành 9 tướng: 1. Sự đui theo của tử; 2. Sự đui theo của nhân đường ác phát khởi; 3. Sự đui theo của sanh các đường ác; 4. Vì pháp vô thường; 5. Vì ở trong vô thường là pháp khổ; 6. Vì ở trong khổ là pháp vô ngã; 7. Vì thuận ái vị, trụ vui ở nơi hành sanh; 8. Vì khổ biến hoại; 9. Vì tánh khổ biến hoại như vậy, các bậc trí mà nắm giữ thì chẳng phải là pháp xuất ly.

Lại nữa, nếu có Bí-sô vì chúng sanh mà thành tựu 4 chi, cho đến có khả năng dùng lời dạy răn dỗ chúng không điên đảo, tu hành chánh hạnh tự lợi lợi tha.

Bốn chi: 1. Giải thoát tùy phiền não; 2. Không lìa chánh trí; 3. Vì khiến tất cả thiện pháp đã sanh trụ kiên cố không bị hoại mất, nên nhiếp thọ

nhậm trì, tu tập tăng trưởng rộng lớn gấp bội cho đến viên mãn; 4. Vì nhiếp thọ nhậm trì khiến các thiện pháp chưa sanh được sanh khởi.

1. Sao gọi là *Bí-sô giải thoát tùy phiền não*? Vì giải thoát khỏi 5 chủng tùy phiền não. Những gì là năm? a. Nhớ nghĩ mền luyến cư gia; b. Hủy phạm cấm giới; c. Chỗ ý phân biệt lãnh thọ trước kia đồng hành với tác ý bất chánh; d. Đắm trước sở hữu cảnh giới vị lai nên phát khởi tham ưu; e. Keo lẩn ở nơi pháp.

a. Nếu các ngu phu không như thật biết tự tướng của bốn đại chủng tạo sắc, chỗ gọi danh là cha mẹ, vợ con, anh em cho đến bạn bè, quyến thuộc... Chỉ ở nơi hình hài sắc tướng biểu hiện mà cho là vui cười, chỉ ở nơi sở hữu động tác của thân ngữ mà phát khởi tưởng hữu tình đồng hành tác ý. Do nhân duyên đây khởi tà phân biệt vọng chấp cho là cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, anh em là của tôi... Do nhân duyên kế chấp hư vọng phân biệt đây mà phát sanh chủng chủng nhớ nghĩ mền luyến cư gia. Các bậc có trí rõ biết chỉ có tự tướng các sắc, không có tướng hữu tình, cho nên khéo giải thoát tùy phiền não ban đầu. Vì có sao? Từ xưa đến nay,

do thấy mỗi mỗi hình tướng chủng chủng sai khác kiến lập an bày hay có lúc cùng người hội hợp. Thấy như vậy rồi, hoặc cho là cha mẹ, vợ con của tôi, nói rộng cho đến bạn hữu, quyến thuộc của tôi; hoặc cho là cha mẹ vợ con của người, nói rộng cho đến bạn hữu, quyến thuộc của người. Các loại hữu tình sanh Vô sắc chẳng có việc như vậy.

b. Lại các ngu phu không như thật biết các tướng của người ngu và người trí. Do không như thật biết, nên suy nghĩ ác, nói lời ác, tạo làm ác. Phạm thân ngữ ý nghiệp hiện hành đều không thanh tịnh, cũng không thanh tịnh giới luật, chánh mạng. Các bậc trí vì như thật biết nên trái với tất cả tướng trên, do đây năng giải thoát tùy phiền não thứ hai.

c. Lại các ngu phu ở nơi những điều phi lý không thể như thật biết là phi lý, ở nơi như lý không như thật biết là như lý. Ở nơi các pháp vừa ý từng thọ trước kia, thuận theo tham muốn, không chân chánh tác ý, phát khởi tâm tư dục luyện tiếc, chấp trước kiên cố không xả, không bỏ, không nhả ra. Ở nơi pháp không vừa ý, thuận theo khuể khởi tâm tư khuể. Ở nơi pháp không vừa ý, thuận

theo hại khởi tâm tư hại. Ngoài ra như trước đã thuyết. Các bậc trí ở nơi những việc như lý năng như thật biết đây là như lý, ở nơi phi lý năng như thật biết đây là phi lý. Ở nơi các pháp sai biệt đã thọ trước kia như trước đã thuyết, hoặc không khởi lại nhớ đến, hoặc chân chánh tư duy, hoặc không quên chánh niệm. Ở nơi sở duyên kia không khởi tâm tư dục cho đến tâm tư hại, giả sử sanh khởi trở lại mà không đấm trước kiên cố, nói rộng như trước, cho nên năng giải thoát tùy phiền não thứ ba.

d. Lại các ngu phu không như thật biết công đức của việc phòng hộ giữ gìn căn môn, không như thật biết quá hoạn của việc không phòng hộ giữ gìn căn môn. Đời hiện tại, nơi mỗi cảnh hiện tiền liền phát sanh ái khuể tạp nhiễm nơi tâm. Đối với các cảnh giới sắc vừa ý thì mong cầu ham muốn có được, đối với cảnh giới các sắc không vừa ý tâm sanh nhàm chán chống trả. Nếu ở nơi cảnh vừa ý, tâm sanh mong cầu ham muốn, đây gọi là tham. Kẻ ô mòng tham đây, khi cảnh giới kia thay đổi biến hoại, tâm liền buồn bã, đây gọi là ưu. Tất cả tướng của các bậc trí nên biết đạo lý trái với tất cả tướng trên,

cho nên năng giải thoát tùy phiền não thứ tư.

e. Lại các ngu phu ở trong các pháp tham dục bất chánh không như thật biết quá hoạn của các dục kia, thường bị chìm nổi nơi bốn sự keo lẩn khác, trở lại khởi keo lẩn pháp. Các bậc trí ở nơi các họa hoạn kia năng như thật biết, ở nơi bốn sự keo lẩn khác vẫn còn không sanh khởi, giả sử có khởi liền xả, trọn không đắm trước kiên cố, hà huống khởi keo lẩn pháp. Bậc trí đã xa lìa keo lẩn pháp như vậy, nếu gặp bổ-đặc-già-la vui được nghe pháp, liền vì kia tuyên thuyết Kinh, Luật, Luận mà bậc Đại sư sở thuyết tương ưng thánh giáo, khiến kia thọ trì. Lại rộng vì kia khai thị phân biệt không gián đoạn, trọn không che giấu. Cho nên năng giải thoát tùy phiền não thứ năm.

Đây gọi là Bí-sô thành tựu chi giải thoát tùy phiền não thứ nhất.

2. Sao gọi là Bí-sô không lìa chánh trí? Có 4 trí. Những gì là bốn? Đó là nương xa lìa nhiễm ban đầu, tương tục thông đạt tám Thánh đạo chi, kiến lập trí thứ nhất. Nương chứng thành biện tám Thánh đạo chi kiến lập ba trí khác. Đó là có Bí-sô trụ vị dị sanh, khởi suy nghĩ như vậy: “Chỉ trong

Thánh pháp Tỳ-nại-da của chư Phật Thế Tôn mới có tám Thánh đạo chi. Trong pháp dị luận của các ngoại đạo không có đạo như vậy. Nếu ở xứ đây có tám Thánh đạo chi, tức ở xứ đây có quả Sa-môn, có các Sa-môn và nghĩa Sa-môn, chỗ gọi Niết-bàn. Ta nay vì chứng Sa-môn, quả Sa-môn, nghĩa Sa-môn, phải nên phát khởi tu tám Thánh đạo chi khiến thanh tịnh”. Do hành như vậy, ở trong tám Thánh đạo chi sở hữu đặc trí. Như vậy nương thông đạt tám Thánh đạo chi kiến lập trí thứ nhất.

Tức dụng trí đây làm chỗ nương, làm chỗ kiến lập, vì muốn chứng đắc thành tựu viên mãn tám Thánh đạo chi như những gì đã thông đạt, nên đồng mãnh tinh tấn tu ba trí khác, đó là trí do văn mà thành, trí do tư mà thành và trí do tu mà thành. Người kia siêng tu tập trí do văn mà thành, cũng vì khiến trí đây được thanh tịnh nên cầu nghe chánh pháp. Nếu có nơi nào tuyên thuyết pháp Tỳ-nại-da mà chư Như Lai đã chứng, tức liền đến nơi ấy cung kính nghe thọ, chứng đắc hoan hỷ rộng lớn, diệu thiện, nhiếp thuộc xuất ly. Vì tự tướng cao quý hơn, nên gọi là rộng lớn. Vì tự tánh không tội, nên gọi là diệu thiện. Vì tương ưng

Niết-bàn, nên gọi là nhiếp thuộc xuất ly.

Lại vì siêng tu tập trí do tư mà thành, cũng vì khiến trí đây được thanh tịnh, nếu biết nơi nào có các Bí-sô trì Kinh Luật Luận cùng đến nhóm họp, suy lường chân thật, quyết trạch nghĩa thâm yếu ẩn mật trong Kinh Luật Luận, thì liền đến đó thưa hỏi các đế. Trong hội ấy vì người kia kiến lập sở hữu tự tướng các đế khiến chứng được phương tiện. Nếu kia trước chưa thông hiểu thì khiến thông hiểu, nếu đã thông hiểu thì khai tỏ khiến hiểu sâu hơn. Ở nơi một nghĩa, dụng văn tự sai biệt, phương tiện khuyến khích dẫn dụ khiến kia không quên mất. Lại ở nơi các đế tương ứng vô ngã, chứng đắc sở y nghĩa cú thẩm sâu, dùng tuệ thông đạt rộng vì kia khai thị tánh Không tương ứng pháp cú vi diệu mà chư Như Lai sở thuyết. Do nhân duyên đây người kia chứng đắc trí thanh tịnh do văn, tư mà thành tựu.

Lại càng siêng tu tập trí do tu mà thành, cũng vì khiến trí đây được thanh tịnh, liền ở nội thân trụ quán tuần thân, cho đến rộng thuyết tu bốn niệm trụ đều rõ biết. Như vậy gọi là nương chứng đắc thành tựu viên mãn tám Thánh đạo chi kiến

lập ba trí. Đây gọi là Bí-sô thành tựu chi không là chánh trí thứ hai.

3. Sao gọi là Bí-sô vì khiến sở hữu thiện pháp đã sanh được trụ kiên cố không quên mất, nói rộng cho đến nhiếp thọ nhậm trì? Có các Bí-sô nương sự tài của, vật thực thu được từ các thí chủ có lòng tín thanh tịnh, như lượng thọ dùng, giữ gìn y phục, vật thực... Đây gọi là nhậm trì. Vì có sao? Vì các Bí-sô dùng vật thực đây mà thân không suy yếu, tâm có năng lực kham nhẫn, tâm không bị nhiễu nã, thiện pháp đã sanh không bị thối thất, lại càng tăng trưởng.

4. Sao gọi là Bí-sô vì khiến tất cả thiện pháp chưa sanh được sanh khởi, nên nhiếp thọ nhậm trì? Có các Bí-sô cao niên, giới hạnh thanh cao, biết rõ sở hữu hỷ lạc Niết-bàn là tối cực đệ nhất so với các hỷ lạc khác, nên khéo tu thánh đạo là tăng thượng mạn. Nếu có Bí-sô năng đối với các bậc cao niên kia lễ kính thừa sự, lời khéo tùy hỷ, là các siểm khúc, tâm không tìm cầu lỗi. Người đây năng phát khởi các điều kia gọi là nhậm trì. Vì có sao? Do người kia khi chân chánh tùy chuyển như vậy, tùy từng thời kỳ, người kia thu được hoan

hỷ thù thắng từ việc được dạy trao dạy răn, năng khiến tất cả thiện pháp Bồ-đề phần vi diệu chưa sanh nhanh chóng được sanh khởi. Như vậy 4 chi riêng có 11 phần, 11 so với 4 chi là như nhau không có sự sai khác.



Quyển 71

Thứ 13. THANH VĂN ĐỊA

Phần 5

Lại nữa, có 7 chủng nghĩa: 1. Nghĩa nên khai hiển; 2. Nghĩa nên nhiếp lấy; 3. Nghĩa nên tránh xa; 4. Nghĩa nên dẫn dắt; 5. Nghĩa nên ngăn ngừa; 6. Nghĩa nên thọ trì; 7. Nghĩa nên phát triển.

Lại có 7 chủng hỷ: 1. Hỷ do văn dẫn; 2. Hỷ do tư dẫn; 3. Hỷ do tu dẫn; 4. Hỷ do lìa cái dẫn; 5. Hỷ do luận nghị dẫn; 6. Hỷ do tự nhớ nghĩ công đức dẫn; 7. Hỷ do không biết đủ ở những điều hạ liệt dẫn.

Lại nữa, có 5 chủng pháp: 1. Pháp giáo; 2. Pháp hành; 3. Pháp nhiếp thọ; 4. Pháp thọ dụng; 5. Pháp chứng đắc.

Lại nữa, có đầy đủ 3 chủng đức mới được gọi là người thiện xạ: 1. Đức do cung; 2. Đức do tên; 3. Đức do trúng đích.

Đức do cung có hai: 1. Tánh dẫn dắt; 2. Khéo dụng rất ráo. Đức do tên có một: khéo dụng rất

ráo. Đức do trúng đích có ba: 1. Rốt ráo công xảo; 2. Thường luyện tập công xảo; 3. Học thầy công xảo.

Lại nữa, giáo Như Lai có 3 chủng: 1. Giáo trường thời; 2. Giáo không gián đoạn; 3. Giáo không trùng thuyết.

Lại nữa, vô lượng giáo pháp Như Lai đều do 3 chủng lý thú: 1. Do lý thú nghĩa sai biệt; 2. Do lý thú văn sai biệt; 3. Do lý thú khó giải thích sai biệt.

Lại nữa, người đi du hành cần phải có 5 đối trị: 1. Đối trị ánh sáng nóng bức; 2. Đối trị khó khăn nguy hiểm; 3. Đối trị sông lớn; 4. Đối trị sa mạc; 5. Đối trị thân mỗi mệt.

Lại nữa, có 2 chủng tướng giới năng sanh đường thiện: 1. Nhiếp thọ giới; 2. Không khuyết giới.

Lại nữa, kẻ thọ dụng dục trong hiện pháp có 3 chủng nghĩa: 1. Truy tìm tài bảo; 2. Giữ gìn tài bảo; 3. Đắm trước thọ dụng.

Lại nữa, có 2 chủng thọ mạng biến hoại: 1. Biến hoại thô; 2. Biến hoại tế. Phần vị biến hoại cũng có 2 chủng thô và tế.

Lại nữa, trí có 2 đức: 1. Nghĩa chánh hành

đức; 2. Tự tánh đức.

Nghĩa chánh hành đức: chánh hành nhanh chóng, chánh hành quyết định và chánh hành vi tế.

Tự tánh đức: đó là ở định địa không còn thối chuyển, đã khéo tu tập xuất thế gian, nơi sở hành của chính mình không còn bị ngăn ngại, vượt hơn tất cả thiện căn đồng loại, vượt hơn tất cả thiện căn loại khác.

Lại nữa, có ba đoái luyến cần phải tu bốn niệm trụ mới năng đối trị: 1. Đoái luyến trợ bạn; 2. Đoái luyến lợi dưỡng; 3. Đoái luyến hậu hữu.

Lại nữa, vì gia hạnh, vì hiện quán, vì tương tục. Đối trị dục tham vô minh là gia hạnh. Hiện kiến an lập, phi an lập đế là hiện quán. Đã ly dục, chưa ly dục là tương tục. Lại vì y, vì địa, vì phẩm, vì chưa tu định, vì đã tu đắc, vì chưa đắc, vì chỗ nương thanh tịnh chướng, vì tác ý thanh tịnh chướng, vì đối trị chướng kia.

Lại nữa, như đã thuyết về 6 chủng hiện quán, đó là từ Tư hiện quán cho đến Cứu cánh hiện quán.

Hỏi: Tư hiện quán có tương thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Tư hiện quán, năng quyết định thấu rõ các hành vô thường, tất cả hành khổ, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch tĩnh. Đã được an trụ địa vị dị sanh rồi, đã năng chứng đắc quyết định như vậy, không bị các Sa-môn hoặc Bà-la-môn, hoặc Thiên, Ma, Phạm và các dạng khác không như pháp dẫn đạo.

Hỏi: Tín hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Tín hiện quán, hoặc là dị sanh, hoặc chẳng phải dị sanh, hoặc trong hiện pháp và trong hậu pháp, trọn không hư vọng xưng khen vị thầy nào khác ngoài bậc Đại sư, pháp nào khác ngoài pháp thiện thuyết, Tăng nào khác ngoài chánh hạnh Tăng.

Hỏi: Giới hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Giới hiện quán, trọn không làm và cũng không cố tâm hành các sự phóng dật như đoạn mạng bằng sanh, chẳng cho mà lấy, tập hành tà dục, biết mà vọng ngữ, uống rượu...

Hỏi: Hiện quán trí để hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Hiện quán trí để

hiện quán, trọn không còn nương các vọng kiến khiến sanh khởi hành động. Không ở nơi chứng đắc của mình mà sanh nghi hoặc. Không ở nơi các chỗ sanh xứ mà bị tham nhiễm. Không ở nơi các tướng thế tục hiện hành cho là thanh tịnh. Không còn tạo tác nghiệp trong đường ác, phỉ báng Thanh văn, Độc giác, Đại thừa, hà huống năng tạo các nghiệp vô gián hại cha mẹ... cho đến không năng sanh hữu thứ tám.

Hỏi: Hiện quán biên trí để hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Hiện quán biên trí để hiện quán, trọn không sanh khiếp sợ trước nạn cật vấn của người.

Hỏi: Cứu cánh hiện quán có tướng thế nào?

Đáp: Nếu có người thành tựu Cứu cánh hiện quán, trọn không phạm trở lại 5 xứ, cũng không làm cho đến cố hại mạng bằng sanh, chẳng cho mà lấy, hành phi phạm hạnh tập pháp dâm dục, biết mà vọng ngữ, tích chứa đầy đủ tài bảo đầy đủ diệu dục để thọ dụng; cũng không khiếp sợ việc không thể ký; cũng không vọng tính chỗ có vui khổ của mình làm, của người làm, của mình người cùng

làm, của chẳng phải mình chẳng phải người làm, không nhân mà sanh.

Hết thấy loại như vậy gọi là các tướng hiện quán.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Tư hiện quán?

Đáp: Tuệ do tư phẩm thượng mà thành tựu là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Tín hiện quán?

Đáp: Tín thế gian, xuất thế gian thanh tịnh duyên cảnh Tam Bảo phẩm thượng là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Giới hiện quán?

Đáp: Nghiệp thân ngữ mà bậc thánh yêu thích là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Hiện quán trí để hiện quán?

Đáp: Duyên cảnh tuệ phi an lập đế là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Hiện quán biên trí để hiện quán?

Đáp: Duyên cảnh tuệ an lập đế là tự tánh.

Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Thế nào là tự tánh Cứu cánh hiện quán?

Đáp: Tận vô sanh trí... là tự tánh. Hoặc đây đồng hành pháp Bồ-đề phần là tự tánh.

Hỏi: Sáu hiện quán đây bao nhiêu thuộc hệ buộc Dục giới, cho đến bao nhiêu không hệ buộc?

Đáp: Chỉ một thuộc hệ buộc Dục giới. Một phần của một chủng hệ buộc Dục giới, hoặc hệ buộc Sắc giới, hoặc hệ buộc Vô sắc giới. Một phần còn lại của chủng trên cùng với ba phần khác, bốn đây là chẳng hệ buộc. Một thông cả hệ buộc và không hệ buộc.

Hỏi: Sáu hiện quán đây, bao nhiêu nương Vị chí nương khả đắc, bao nhiêu cho đến nương Vô sở hữu xứ nương khả đắc?

Đáp: Một nương, chẳng phải nương khả đắc. Còn lại nương tất cả nương khả đắc. Lại ba nương, năm nương sanh một phần của một chủng cũng vậy.

Hỏi: Nếu Hiện quán trí để hiện quán vì là các nhóm tướng nên gọi là vô phân biệt, sao nói là nương Có tâm có tứ nương khả đắc?

Đáp: Do kia tư duy tâm tứ... toàn phần tinh lự

chân như mà nhập nơi định, cho nên tuy nương Có tâm có tứ tĩnh lự khả đắc, nhưng chính là lia tướng vô phân biệt.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu duyên thế tục đế, bao nhiêu duyên thắng nghĩa đế?

Đáp: Một và một phần của một chủng duyên thế tục đế. Một không sở duyên. Hai và một phần một chủng duyên thắng nghĩa an lập đế. Một và một phần một chủng duyên thắng nghĩa phi an lập đế.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu hữu tướng, bao nhiêu vô tướng?

Đáp: Bốn hữu tướng. Một vô tướng. Một cũng hữu tướng cũng vô tướng.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu hữu phân biệt, bao nhiêu vô phân biệt?

Đáp: Như hữu tướng, vô tướng, thì hữu phân biệt, vô phân biệt cũng vậy.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu đồng hành hỷ, bao nhiêu đồng hành lạc, bao nhiêu đồng hành xả?

Đáp: Đầu tiên chỉ đồng hành hỷ, còn lại đồng hành thông cả hỷ, lạc, xả.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu là đối trị hoại, bao nhiêu là đối trị đoạn, bao nhiêu là đối trị trì, bao nhiêu là đối trị phần xa?

Đáp: Chỉ có hai là đối trị hoại. Một thông đối trị đoạn, trì, phần xa. Một thông đối trị trì, phần xa. Hai chẳng phải đối trị.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu là đối trị tổn phục các triền, bao nhiêu là đối trị vĩnh viễn hại tùy miên?

Đáp: Ba là đối trị tổn phục các triền. Một đồng cả hai đối trị. Hai đều chẳng phải hai đối trị kia.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu là đối trị đoạn phiền não phẩm nhuyển, trung, thượng của các địa?

Đáp: Một. Còn lại là thuận theo đây, là trợ bạn cho đây, chẳng phải đối trị đoạn.

Hỏi: Sáu hiện quán đặc 9 biến tri: Đoạn trừ phiền não kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Dục lập biến tri thứ nhất. Đoạn trừ phiền não kiến khổ, tập sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc lập biến tri thứ hai. Đoạn trừ phiền não kiến diệt sở đoạn hệ buộc Dục lập biến tri thứ ba. Đoạn trừ phiền não kiến

diệt sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc lập biến tri thứ tư. Đoạn trừ phiền não kiến đạo sở đoạn hệ buộc Dục lập biến tri thứ năm. Đoạn trừ phiền não kiến đạo sở đoạn hệ buộc Sắc, Vô sắc lập biến tri thứ sáu. Đoạn trừ hạ phần kiết lập biến tri thứ bảy. Đoạn trừ tham Sắc lập biến tri thứ tám. Đoạn trừ tham Vô sắc lập biến tri thứ chín.

Hỏi: Sáu hiện quán đây đặc bao nhiêu quả biến tri?

Đáp: Một đặc chín quả biến tri. Còn lại chẳng đặc quả kia.

Hỏi: Các hiện quán đây năng là đối trị đoạn phiền não, tức phiền não sanh rồi mới khởi đối trị đoạn, hay là chưa sanh?

Đáp: Đây chẳng phải chưa sanh. Tuy nói đã sanh nhưng chẳng phải lúc sau mới khởi đoạn. Nên biết lúc phiền não đoạn và lúc đối trị sanh đồng thời diễn ra, tức lúc bấy giờ giả thi thiết nói “đối trị sanh rồi các phiền não đoạn”.

Hỏi: Các hiện quán đây đặc bao nhiêu quả?

Đáp: Một đặc tất cả bốn quả. Một đặc khi viên mãn quả Sa-môn. Còn lại là đều đặc một vai trò là trợ bạn, là được làm hành dẫn đầu.

Hỏi: Các hiện quán đây bao nhiêu năng chuyển căn?

Đáp: Trừ một, còn lại tất cả.

Hỏi: Các hiện quán ấy bao nhiêu năng dẫn phát công đức thù thắng của các thần thông?

Đáp: Trừ một, còn lại tất cả.

Hỏi: Tư hiện quán làm nghiệp nào, cho đến Cứu cánh hiện quán làm nghiệp nào?

Đáp: Tư hiện quán là nghiệp năng sanh chánh hạnh nhiếp lấy phẩm thiện pháp thanh tịnh; là nghiệp năng sanh hoan hỷ vô tội; là nghiệp năng chuyển tất cả chỗ nghi; là nghiệp năng thú nhập tu công đức; là nghiệp năng dẫn các hiện quán còn lại; là nghiệp năng đến tất cả đường thiện.

Tín hiện quán do ý lạc nên là nghiệp năng sanh thắng giải bất động đối với Tam Bảo; là nghiệp chánh hạnh thanh tịnh; là nghiệp một phần năng đến đường thiện.

Giới hiện quán là nghiệp năng giải thoát các khổ đường ác.

Hiện quán trí để hiện quán là nghiệp năng đắc tất cả quả Sa-môn; là nghiệp năng dẫn phát tất cả công đức thanh tịnh; là nghiệp năng dẫn các

hiện quán còn lại; là nghiệp năng hỗ trợ khiến cảm quả sáng tịnh và dị thực ở đường thiện.

Hiện quán biên trí để hiện quán là nghiệp năng ở trong tất cả an lập đế, vấn đáp khéo léo; là nghiệp nhanh chóng thông tuệ; là nghiệp năng dẫn hiện quán từ đây về sau.

Cứu cánh hiện quán là nghiệp năng dẫn hiện pháp lạc trú đệ nhất; là nghiệp giải thoát tất cả khổ lớn sanh tử; là nghiệp nhậm trì thân tối hậu.

Hỏi: Tư hiện quán có bao nhiêu chủng, cho đến Cứu cánh hiện quán có bao nhiêu chủng?

Đáp: Tư hiện quán có vô lượng chủng: đó là tư Khế kinh, tư Ứng tụng, tư Ký biệt, cho đến tư Phương quảng, tư Vị tầng hữu, tư Luận nghị pháp ; tư Khổ, Tập, Diệt, Đạo; tư chân như, thật tế pháp giới; tư uẩn, xứ, giới...; tư Thanh văn thừa, tư Đại thừa... Hết thấy dạng như vậy nên biết tư có vô lượng sai biệt.

Tín hiện quán cũng có vô lượng chủng, tức là chánh nhớ nghĩ quá khứ có vô lượng Tam-miêu-tam Phật-dà, cùng Pháp kia, Tăng kia. Vị lai, hiện tại cũng chánh nhớ nghĩ như vậy. Lại chánh nhớ

ngã trong thế giới đây cùng mười phương vô lượng thế giới khác, chỗ có Như Lai cùng Pháp kia, Tăng kia. Như chánh nhớ ngã có vô lượng như vậy, thì Tín hiện quán về thể, phẩm, số cũng có vô lượng như vậy.

Giới hiện quán cũng có vô lượng chủng, đó là tùy xa lìa 10 chủng tánh tội bất thiện nghiệp đạo, nhiều chủng sai khác. Lại theo sự tương tục cũng có nhiều chủng, đó là từ thân Dự lưu cho đến thân A-la-hán, thân Độc giác, Bồ-tát, Như Lai... vô lượng sai biệt.

Hiện quán trí để hiện quán cũng vô lượng chủng, đó là: niệm trụ, chánh đoạn, thần túc, căn, lực, giác chi, đạo chi, pháp Bồ-đề phần... vô lượng sai biệt.

Như Hiện quán trí để hiện quán, thì Hiện quán biên trí để hiện quán và Cứu cánh hiện quán cũng vậy.

Hỏi: Các hiện quán đây do sự an lập danh như vậy, lời như vậy, mà nói là tự tánh kia, hay là chẳng phải tự tánh kia?

Đáp: Vì thế tục nên nói là tự tánh kia. Vì đệ nhất nghĩa nên nói chẳng phải tự tánh kia. Vì có

sao? Vì nghĩa tất cả pháp, pháp nhĩ không thể nói đến vậy.

Hỏi: Tư hiện quán có nhân nào quả nào? Như vậy cho đến Cứu cánh hiện quán có nhân nào quả nào?

Đáp: Tư hiện quán lấy Phật xuất thế, thân cận thiện sĩ, lắng nghe chánh pháp, tương tục thành thực, như lý tác ý làm nhân. Lấy chỗ tạo tác nghiệp làm quả. Như Tư hiện quán, tất cả hiện quán khác cũng vậy. Sai biệt ở chỗ: Tín hiện quán cũng lấy hiện quán khác làm nhân. Giới hiện quán cũng vậy. Hiện quán trí để hiện quán cũng lấy Tư hiện quán làm nhân, cũng lấy thiện căn thuận phần quyết trạch làm nhân, cũng lấy chủng tánh của chính nó làm nhân. Hiện quán biên trí để hiện quán cũng lấy Hiện quán trí để hiện quán làm nhân. Cứu cánh hiện quán cũng vậy.

Hỏi: Sáu hiện quán, bảy tác ý là liễu tướng.. thì sáu hiện quán nhiếp bảy tác ý, hay bảy tác ý nhiếp sáu hiện quán?

Đáp: Hai hiện quán chẳng phải tác ý nhiếp. Một hiện quán do tác ý nhiếp lạc nhiếp. Một hiện quán do tác ý quán sát và tác ý nhiếp lạc nhiếp. Một

hiện quán do tác ý xa lìa, tác ý nhiếp lạc, tác ý gia hạnh cứu cánh nhiếp. Một hiện quán do tác ý quả gia hạnh cứu cánh nhiếp. Tác ý còn lại nên biết hiện quán đẳng lưu nhiếp, chẳng phải hiện quán nhiếp, đó là tác ý liễu tướng, tác ý thắng giải.

Hỏi: Hiện quán nào nhiếp trí không ngăn mé và thiện căn thuận phần quyết trạch?

Đáp: Chẳng phải các hiện quán nhiếp, nên biết là hiện quán đẳng lưu.

Hỏi: Các Tư hiện quán cũng là Tín hiện quán ư? Giả sử Tín hiện quán cũng là Tư hiện quán ư?

Đáp: Nên tác bốn câu. Hoặc có Tư hiện quán chẳng phải Tín hiện quán, đó là trừ quyết định tư duyên Tam Bảo, quyết định tư các duyên còn lại. Hoặc có Tín hiện quán chẳng phải Tư hiện quán, đó là tín thành tựu do văn-tu duyên Tam Bảo. Hoặc có Tư hiện quán cũng là Tín hiện quán, đó là quyết định tư duyên Tam Bảo. Trừ tướng trên là câu thứ tư. Do đạo lý đây, nên biết các hiện quán còn lại cũng tác bốn câu. Lại có vô lượng đạo lý một hành thuận tiền cú, thuận hậu cú, thuận tứ cú... nương *Thanh văn địa* quyết trạch đạo lý cần nên rõ biết.

Lại nữa, *cấu* cùng *xan* hợp lại gọi là *xan cấu*. Do 8 chủng *cấu* ướ vẫn đục tâm tương tục năng làm chỗ nương tựa yên ổn cho *xan*, cho nên gọi kia là *cấu xan*. Sao gọi là tám? 1. Ở trước không thường xuyên tu tập hạnh huệ thí; ở hiện pháp quý trọng tiền của vật thực; 2. Rất ái luyến quý trọng thân mạng, không nghĩ có đời sau; 3. Thường cộng trú với người có tánh keo lẩn và học theo thói của kia; 4. Thấy các ruộng thí đều không có công đức thù thắng và không tư duy chọn lựa ruộng phước; 5. Không thường xuyên tu tập từ bi và không thấy đức thù thắng của kia; 6. Vì luôn có thói quen nghĩ như vậy: “Làm ra tài bảo thật khó khăn”, nên sanh lười biếng cùng với giải đãi; 7. Chấp thủ nơi các kiến và cho đó là huệ xả, có tạp nhiễm điều ấy; 8. Mong cầu có được tài bảo để hành huệ thí và hưởng đến mong cầu kia.

Lại nữa, có 5 chủng hạnh gọi là điều thiện: 1. Hạnh chiêu cảm sự giàu sang: tánh thí là sự nghiệp phước; 2. Hạnh chiêu cảm đi vào các nẻo thiện: tánh giới là sự nghiệp phước; 3. Hạnh chiêu cảm không khổ: tánh tu là sự nghiệp phước; 4. Hạnh chiêu cảm nghĩa lợi mình là đạo Thanh

văn, Độc giác; 5. Hạnh chiêu cảm nghĩa lợi người là đạo Bồ-tát.

Để thành tựu kia nên tu 5 tướng: 1. Ở trong các dục, tu tướng bất tịnh; 2. Ở nơi thân mạng mình, tu tướng chóng hoại diệt; 3. Ở trong Dục giới, tu tướng hãi sợ; 4. Ở trong các hành, tu tướng vô thường; 5. Đối với chúng sanh, tu tướng ai mẫn.

Lại nữa, nay giải thích *Kinh Đề Hồ Dụ*.

Sao gọi là liễu tri Khế kinh cho đến Luận nghị? Lược có 5 tướng: 1. Vì liễu tri giả danh; 2. Vì liễu tri nhiếp thọ; 3. Vì liễu tri thứ lớp; 4. Vì liễu tri thánh giáo; 5. Vì liễu tri chỗ nương.

Liễu tri giả danh: năng rõ biết pháp môn sai biệt, danh tướng thi thiết.

Liễu tri nhiếp thọ: năng rõ biết danh thân, cú thân, văn thân, do đây tuyên thuyết pháp môn sai biệt.

Liễu tri thứ lớp: năng rõ biết sở hữu thứ lớp từ pháp môn này đến pháp môn kia, từ câu này đến câu kia.

Liễu tri thánh giáo: năng rõ biết pháp môn như vậy do Như Lai sở thuyết, hoặc do đệ tử thuyết, hoặc do người tại gia thuyết, hoặc do

người xuất gia thuyết.

Liễu tri chỗ nương: năng rõ biết pháp môn như vậy nương tự lợi mà thuyết, pháp môn như vậy nương lợi tha mà thuyết, pháp môn như vậy cho đến vì lợi ích an lạc trời người mà thuyết.

Như vậy gọi là lược do 5 tướng liễu tri Khế kinh cho đến Luận nghị.

Sao gọi là liễu tri ngữ nghĩa của kia? Cũng do 5 tướng: 1. Vì liễu tri duyên khởi; 2. Vì liễu tri cú sai biệt; 3. Vì liễu tri thứ lớp; 4. Vì liễu tri đạo lý; 5. Vì liễu tri nghĩa tóm lược.

Liễu tri duyên khởi: năng rõ biết ở nơi một phần đối tượng được giáo hóa nên dẫn dạy bằng nghĩa hiển rõ, cho đến ở nơi một phần đối tượng được giáo hóa nên dẫn dạy bằng nghĩa vui mừng.

Liễu tri cú sai biệt: năng rõ biết môn sai khác, tướng sai khác, giáo huấn, giải thích, ngôn từ, phẩm loại sai khác.

Liễu tri thứ lớp: năng rõ biết thứ lớp giải thích, thứ lớp thành lập, thứ lớp viên mãn.

Liễu tri đạo lý: năng rõ biết 4 chủng đạo lý: 1. Quán đāi đạo lý; 2. Chứng thành đạo lý; 3. Tác dụng đạo lý; 4. Pháp nhĩ đạo lý.

Liễu tri nghĩa tóm lược: năng rõ biết đây là lời tương ưng uẩn; đây là lời tương ưng giới xứ, duyên khởi, xứ, phi xứ chân thật; đây là lời tương ưng niệm trụ cho đến đây là lời tương ưng tám Thánh đạo chi; đây là lời tương ưng nghiệp; đây là lời tương ưng phiền não; đây là lời tương ưng tăng thượng giới học...

Lại nữa, sao là biết thời? Do 5 tướng: 1. Vì thông đạt tạp nhiễm đang hiện tại tiền; 2. Vì thông đạt tạp nhiễm sắp hiện tại tiền; 3. Vì thông đạt vị không nhiễm ô; 4. Vì đẳng khởi tác ý đối trị; 5. Vì tác ý đối trị.

Lại nữa, sao gọi là biết lượng? Đó là ở nơi việc ăn, uống, nhai, nuốt... cho đến nói rộng. Trong đây lược thuyết 2 chủng tánh thuận theo đoạn: 1. Tánh thuận theo giữ gìn: khéo biết lượng trong việc ăn, uống, nhai, nếm thử; 2. Tánh thuận theo tinh tấn: khéo biết lượng trong việc hoặc đi, hoặc đứng... cho đến nói rộng.

Trong đây, sao gọi là khéo biết lượng trong việc ăn...? Tức là đều khéo biết lượng trong việc thọ nhận và thọ dụng.

Khéo biết lượng trong việc thọ nhận: tức là ở

thời đây nên thọ, từ đây nên thọ, vật đây nên thọ, ngang đây nên thọ. Lúc nào nên thọ? Phần đầu ngày, vì lúc đây được thọ dụng. Từ đâu nên thọ? Trừ 5 chỗ không được đi đến. Vật nào nên thọ? Vật thanh tịnh mà Như Lai cho phép, trừ thịt, rượu... vật không nên ăn, không nên uống. Ngang đâu nên thọ? Biết lượng mà thọ, đừng để tổn mình, tổn người.

Khéo biết lượng trong việc thọ dụng: tức là như vật thực đã thọ nhận, vào lúc đây có thể thọ dụng (như trước đã thuyết thì phần đầu ngày là lúc thọ dụng). Chốn nào có thể thọ dụng? Chốn yên ổn, hoặc ở đạo tràng, hoặc ở thôn xóm. Vật nào nên thọ dụng? Vật thanh tịnh... như trước đã thuyết. Ngang đâu nên thọ dụng? Khéo biết lượng khi thọ dụng, đừng quá đói lả, đừng trái với tùy thuận đoạn, đừng khiến tứ đại sanh khởi rối loạn.

Sao gọi là ở nơi siêng tinh tấn khéo biết lượng? Tức là ở lúc đây, xứ đây, sự đây, ngang đây nên siêng tinh tấn. Ở lúc nào nên siêng tinh tấn? Tức là lúc nên đi thì đi, cho đến lúc nên ngủ nghỉ thì ngủ nghỉ. Chốn nào nên siêng tinh tấn? Hoặc ở rừng a-lan-nhã, hoặc ở đạo tràng, hoặc ở nội viện,

hoặc chỗ kinh hành, nên tu tinh tấn. Ở nơi sự nào nên tu tinh tấn? Tức là cần đi cần đứng, cho đến cần ngủ nghỉ giải lao để xả mỗi mệt. Ngang đâu nên tu sở hữu tinh tấn? Khéo biết lượng mà tu tinh tấn, đừng nhân đây khiến chìm quá, hay cao hứng quá.

Lại nữa, sao gọi là khéo biết chúng Sát-đế- lợi? Khéo biết rõ chúng Sát-đế- lợi danh như vậy, chủng tánh như vậy, dòng tộc như vậy, ăn như vậy, cho đến thọ lượng giới hạn như vậy. Như vậy khéo biết hết thấy chúng trưởng giả, cư sĩ cũng vậy.

Sao gọi là khéo biết chúng Sa-môn? Năng khéo biết kia có tên gọi như vậy, đây là thiếu niên, đây là trưởng niên, đây là lão niên, đây là người trì kinh, cho đến đây là người năng trì luận, đây là thầy Du-già...

Lại nữa, sao gọi là khéo biết đây là nơi ta nên đến đi, cho đến nên im lặng? Nếu nói lược vì đây nên đi đến, cho đến nên im lặng; như đây nên đi đến, cho đến nên im lặng.

Vì việc gì nên đến chúng tại gia, cho đến nên im lặng? Hoặc vì khát thực các vật nuôi thân. Hoặc vì khiến người chưa tín được tín, đã tín khiến tăng

trưởng. Hoặc vì thăm hỏi vấn an người trọng bệnh, gặp các khổ bức bách. Hoặc vì khai tỏ, giải thông những người sâu ưu. Hoặc vì triển chuyển khiến người oán đối, đấu tranh với nhau được hòa hảo. Hoặc vì tùy thuận việc làm của người. Hoặc vì được người khuyến thỉnh. Hoặc vì thuận theo thân giáo, quy phạm, đồng phạm hạnh. Hoặc vì làm việc của Tăng... cho nên cần phải đi đến, cho đến nên im lặng.

Sao gọi là khéo biết như đây nên đi? Tướng đây như *Thanh văn địa* đã thuyết. Sao gọi là khéo biết như vậy nên đứng? Đã đi đến trước cửa nhà người rồi, không nên vào liền, không đi ở giữa cửa, phải đi lệch qua một bên. Quán sát nếu không có nghi, sau mới thông thả bước vào đến nơi cần gặp, an trụ oai nghi đứng. Trước dùng lời thăm hỏi, dung nhan tươi vui, xa lìa nhãn nhó mới dùng lời thân ái trình bày. Sao gọi là khéo biết như đây nên ngồi? Như Phật đã khai mở cho phép tùy chỗ thích hợp như pháp mà ngồi, dụng chánh oai nghi đoan nghiêm mà ngồi. Sao gọi là khéo biết nên như vậy nói? Khéo rõ biết như thời, như lý, như lượng, chất trực tịch tĩnh mà nói.

Thời có 3 chủng: 1. Vui nghe, chẳng phải không vui nghe. Không vui nghe là như có người hoặc bị đói, hoặc bị khát, hoặc thân mỗi mệt, hoặc bị gió, nóng bức bách...; 2. Như pháp an trụ oai nghi, không được phi oai nghi. Như có người muốn vui nghe mà đứng là phi oai nghi. Phi oai nghi là không được đứng thuyết cho người đang ngồi, trừ người kia bị bệnh nặng. Tướng đây trong kinh Biệt giải thoát đã rộng thuyết; 3. Tâm không nhiễm nã, không được có tâm nhiễm nã. Tâm nhiễm nã là như có người tâm hốt hoảng quẩn bách, đối với việc nghe kia càng tăng thêm khó nhọc, hoặc tán loạn, hoặc mờ tối, hoặc hoảng hốt, hoặc bị người sai khiến, hoặc kẻ gây nghiệp, hoặc kẻ giết hại, hoặc kẻ địch, hoặc kẻ oán.

Lý có 3 chủng: tức là được cầu thỉnh, như pháp cầu thỉnh, như lượng cầu thỉnh, mới vì tuyên thuyết. Như pháp mà thuyết: vì nghĩa lợi mà thuyết.

Do 3 chủng tướng như lượng: 1. Không tạp, không loạn mà có sở thuyết; 2. Tuyên thuyết chánh pháp văn câu viên mãn; 3. Phạm chỗ tuyên thuyết không nặng ngôn từ, tức là không nặng dùng sở hữu ngôn từ để thuyết; nếu có lời nói không dụng

phi nghĩa, ở nơi phi nghĩa đây còn chẳng dụng ít, hà huống dụng nhiều.

Tịch tĩnh cũng có 3 chủng: 1. Oai nghi tịch tĩnh: các căn tịch tĩnh, không rối loạn cũng không cao cử, chi phần chẳng động thì mới thuyết; 2. Ngôn âm tịch tĩnh: khi sở thuyết âm thanh không quá lớn, không quá gấp vội; 3. Tâm tịch tĩnh: tuy bị xúc não cũng không sanh tức giận mà thuyết, huống là không bị xúc não, tâm không nhiễm ô mà thuyết.

Lời thuyết chất trực cũng có 3 chủng: dùng lời thuyết đúng thời, lời thuyết hợp lẽ cho đến lúc thuyết tịch tĩnh. Hoặc do tập quen từ trước, tánh giữ gìn nhuần nhuyễn mà thuyết. Hoặc trong hiện pháp thường tu tập tác ý gia hạnh mà thuyết. Hoặc do vui thích học xứ, dùng lực tư trạch tự điều phục mới có thể thuyết. Ở tất cả thời không giả dối hư vọng, hoặc ẩn hoặc hiển, lời nói không hai.

Sao gọi là khéo biết nên im lặng? Tức là khéo rõ biết ở 5 lúc nên im lặng: 1. Lúc đang thuyết, nếu người nghe hiện tướng nói năng tạp loạn, cố ý nói sang việc khác, bấy giờ người thuyết nên im lặng; 2. Lúc đang thuyết, nếu người nghe kia ngắt

lời: “Ta không muốn nghe”, bấy giờ người thuyết nên im lặng; 3. Lúc đang thuyết, nếu người nghe khởi tâm cầu vượt quá, phát lời tranh tụng hiện tướng chống trái, bấy giờ người thuyết nên im lặng; 4. Thí chủ đem y phục, thức ăn... đến thưa thỉnh, bấy giờ người thọ nên im lặng mà hứa khả; 5. Có kẻ địch luận đến hiện tướng so tài, bấy giờ người thuyết nên im lặng lắng nghe kia nói.

Lại nữa, do 3 tướng nên tự rõ biết đã có tâm tín, cho đến là thiện nam tử: 1. Do chỗ nương; 2. Do tự tánh; 3. Do thời phần.

Do chỗ nương nên rõ biết đã có tâm tín: như thật biết sự việc ấy là chỗ nương của tín, tín duyên kia sanh, nên biết sự việc kia quyết định là chỗ đáng nương.

Do tự tánh nên rõ biết đã có tâm tín: như thật biết chỗ có tín phẩm hạ, trung, thượng sai biệt.

Do thời phần nên rõ biết đã có tâm tín: như thật biết ta ở thời nọ đã được tín. Như rõ biết tín, thì giới... biện... về sau đều nên rõ biết. Trong đây tín là chi thú nhập; giới là đã nhập chi Xa-ma-tha; văn là chi Tỳ-bát-xá-na; xả là tư lương chi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na; tuệ bên trong do tư mà

thành và thuận theo người dạy trao dạy răn là năng nhiếp thọ chi Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Nương đây nên chứng Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na và năng chứng đắc quả Sa-môn. Ở nơi các nghĩa thâm sâu vi tế mà mình chứng đắc, có người muốn biết nhưng sanh nghi hoặc, vì đoạn nghi của người nên như điều sở chứng của mình vì họ tuyên thuyết. Lại vì hàng phục các luận đối địch nên phải biện trạch. Lại lúc người phát khởi thân ngữ tà hạnh, cần tu tập nhiếp lấy tánh thiện nam tử nhu hòa nhẫn nhục.

Lại nữa, do 3 nhân duyên phát sanh bất tín: 1. Do không chánh biết công đức Tam Bảo; 2. Do hành kiến ngoại đạo; 3. Do chưa gặp một trong ba chủng thần biến của chư Phật và Thánh đệ tử khiến được điều phục.

Lại nữa, do 3 nhân duyên không thể đến ở chốn tịch tĩnh: 1. Vì chấp chặt phóng dật cùng với giải đãi; 2. Vì nhiều sự nghiệp; 3. Vì tin tưởng thuận theo người.

Lại nữa, do 3 nhân duyên tánh không lui tới giao thiệp tốt với người: 1. Vì tánh không sợ; 2. Vì tánh cao mạn; 3. Vì nương vẫn tự.

Do 3 nhân duyên tánh không thân cận tốt với người: 1. Vì tánh không khéo giao tiếp; 2. Vì tánh ruộng phi phước; 3. Vì không thật vui muốn.

Do 3 nhân duyên tánh không thừa hỏi thân thiện với người: 1. Vì ở nơi pháp bất thiện; 2. Vì ở nơi nghĩa bất thiện; 3. Vì ở nơi cả hai bất thiện trên.

Do 3 nhân duyên không thể lắng tâm nghe: 1. Vì nhiều tầm tứ; 2. Vì nhiều công việc; 3. Vì nhiều triền cái tạp nhiễm tâm.

Do 3 nhân duyên tánh không thể quyết định giữ gìn: 1. Vì không lắng nghe; 2. Vì lắng nghe điều ác; 3. Vì tuệ, thắng tuệ bị khuất lấp.

Do 3 nhân duyên tánh không thể quán sát các pháp: 1. Vì vui đắm hý luận; 2. Vì vui thích nơi ồn náo; 3. Vì không thành tựu tuệ quán sát thẳm sâu.

Do 3 nhân duyên tánh không thể tùy pháp hành pháp: 1. Vì đoái tiếc thân mạng; 2. Vì đoái tiếc thân mạng lực tăng thượng, nên vui tham trước lợi dưỡng; 3. Vì vui đắm cung kính.

Do 3 nhân duyên không vui tu hành hạnh lợi tha: 1. Vì tánh là chủng tánh hạ liệt; 2. Vì bi mỏng yếu; 3. Vì không có thế lực.

Như vậy tướng phẩm bạch thì trái với các tướng trên.

Lại nữa, các Thánh đệ tử chẳng phải một chủng mà chủng chủng du hý quán sát các chốn kỳ lạ, đó là du hý quán sát sông biển, du hý quán sát núi hang, du hý quán sát quý thú. Hết thấy loại như vậy là chủng chủng sự du hý quán sát khá có thể được.

Hỏi: Do nhân duyên nào các đại Thanh văn đã đắc thần thông mà đến quý thú để hỏi các quý về nghiệp báo đời trước của chúng, vì tự trừ nghi hay vì nhiều ích chúng sanh? Nếu vì tự trừ nghi thì không đúng đạo lý đối với người đã đắc thần thông? Nếu vì nhiều ích chúng sanh thì nên thuyết nhiều ích chúng sanh thế nào?

Đáp: Vì nhiều ích chúng sanh. Tức là muốn nhiều ích các ngã quý đây và các chúng sanh khác. Vì cơ sao? Do lực thần thông khiến các ngã quý tự nhớ nhiều đời trước, tự nói ác nghiệp sâu nặng mà thân xưa kia đã gây tạo, nên sanh nhằm chán hối hận. Nhân đây vì chúng thuyết pháp khiến lãnh ngộ, cho nên nhanh chóng lìa quý thú. Như vậy gọi là nhiều ích các quý. Các đại Thanh văn đã đắc

thần thông, nghe kia nói về chủng chủng ác nghiệp đời trước thọ quả địa ngục không đáng vui thích, liền trở lại nhân gian triển chuyển dạy bảo. Người được nghe rồi sanh tâm chán lìa, đoạn ác tu thiện. Như vậy gọi là lợi ích chúng sanh khác.

Lại nữa, do 6 chủng tướng nên biết các sắc Dục hành gọi là thô. Sao gọi là 6 tướng nên nói kia là thô? 1. Chúng nhiều nên thô; 2. Trì nặng nên thô; 3. Bất tịnh nên thô; 4. Cang cường nên thô; 5. Biến hoại nên thô; 6. Không tùy tâm chuyển nên thô.

Ở địa đây, văn quyết trạch còn lại không hiển nói thêm.

Lại phần *Độc giác địa*, văn quyết trạch cũng không hiển nói thêm.



Quyển 72

Thứ 15. BỒ TÁT ĐỊA

Phần 1

Như vậy đã thuyết quyết trạch Thanh văn địa, nay Ta sẽ thuyết quyết trạch **Bồ-tát địa**. Đó là như đã thành lập chủng tánh Thanh văn, nên biết thành lập chủng tánh Bồ-tát cũng lại như vậy.

Lại nữa, có 10 phát tâm: 1. Phát tâm thế tục thọ; 2. Phát tâm đặc pháp tánh; 3. Phát tâm không quyết định; 4. Phát tâm quyết định; 5. Phát tâm không thanh tịnh; 6. Phát tâm thanh tịnh; 7. Phát tâm yếu kém; 8. Phát tâm mạnh mẽ; 9. Phát tâm chưa thành quả; 10. Phát tâm đã thành quả.

Phát tâm thế tục thọ: là sở hữu phát tâm của các Bồ-tát chưa nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh.

Phát tâm đặc pháp tánh: là sở hữu phát tâm của các Bồ-tát đã nhập Bồ-tát chánh tánh ly sanh và các Thanh văn hồi hướng Bồ-đề.

Phát tâm không quyết định: là sở hữu phát tâm chẳng phải chủng tánh của kia. Giả sử là chủng

tánh kia cũng trở lại thối thất pháp.

Phát tâm quyết định: trái với tướng phát tâm không quyết định.

Phát tâm không thanh tịnh: như có người hoặc bị người chuyển, hoặc bị lấn hiếp bức bách không xét không lường, hoặc sợ nạn vua, hoặc sợ nạn giặc, hoặc sợ nạn quý, hoặc sợ thối chuyển, hoặc vì kế sống, hoặc vì nhân duyên lợi dưỡng cung kính, hoặc vì gian dối... Hết thấy loại như vậy mà phát tâm, đều gọi là phát tâm không thanh tịnh.

Phát tâm thanh tịnh: trái với tướng phát tâm không thanh tịnh.

Phát tâm yếu kém: như có người đã phát tâm Bồ-tát, nhưng bị tham sân si triền che lấp nên xả chánh hạnh, hành tà hạnh.

Phát tâm mạnh mẽ: trái với tướng phát tâm yếu kém.

Phát tâm chưa thành quả: là sở hữu phát tâm của Bồ-tát từ Thắng giải hành địa cho đến địa thứ mười.

Phát tâm đã thành quả: là sở hữu phát tâm ở Như Lai địa. Như Thế Tôn nói: “Ta đã giải thoát vượt qua hạnh khó hành. Ta đã cực khéo giải thoát

vượt qua hạnh khó hành, tự viên mãn chánh nguyện, cũng khiến người khác hướng đến chứng đắc Bồ-đề”.

Mười phát tâm đây, bao nhiêu nhiệm ô, bao nhiêu không nhiệm ô đã quyết trạch rộng nên không hiển nói lại.

Lại nữa, Bồ-tát phải nên thường hằng tùy hộ bốn chủng tâm: 1. Tâm thành tựu do văn và tư; 2. Tâm bi; 3. Tâm tư lương; 4. Tâm thành tựu do tu.

Lại nữa, Bồ-tát có chín chánh hạnh nương tự nghĩa cùng với tha nghĩa: 1. Chánh hạnh ở trong sanh tử; 2. Chánh hạnh đối với hữu tình; 3. Chánh hạnh ở nơi tự thân; 4. Chánh hạnh đối với các dục; 5. Chánh hạnh ở nơi thân ngữ ý nghiệp; 6. Chánh hạnh ở nơi không được tổn não hữu tình; 7. Chánh hạnh ở nơi không gián đoạn tu thiện pháp; 8. Chánh hạnh ở nơi nội tâm Xa-ma-tha; 9. Chánh hạnh ở nơi pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở trong sanh tử? Như người bệnh đối với thuốc cay đắng ở nơi các sở hữu bệnh.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh đối với các hữu tình? Như lương y đối với người có bệnh.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi tự thân? Như bậc gia trưởng khéo léo đối với trẻ nhỏ chưa trưởng thành.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh đối với các dục? Như thương chủ đối với tiền của hàng hóa lúc đi trên đường .

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi thân ngũ ý nghiệp? Như người giặt đồ đối với các y phục bị dơ bẩn.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi không được tổn nã hữu tình? Như cha lành thương con nhỏ bồng bế trên đùi mình, mặc trẻ đại tiểu tiện.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi không gián đoạn tu các thiện pháp? Như người cầu lửa ra công sức dùi cây lấy lửa.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi nội tâm Xa-ma-tha? Như người chủ năng trao gửi tài bảo cho người có thể giao phó.

Sao gọi là Bồ-tát hành chánh hạnh ở nơi pháp tăng thượng tuệ Tỳ-bát-xá-na? Như người giỏi huyền thuật đối với các sự huyền.

Văn quyết trách còn lại không hiển nói thêm.

Lại nữa, hoặc có lúc ở trong 5 chủng hữu tình

mà phát khởi tà hạnh, được gọi là không ai miễn, không có thương cảm: 1. Đối với người khát cầu; 2. Đối với người gặp nguy ách; 3. Đối với người có ân; 4. Đối với người vui nơi các việc; 5. Đối với người vui nơi pháp.

Đối với người khát cầu lược có 5 chủng: 1. Cầu ăn uống; 2. Cầu y phục; 3. Cầu phòng nhà; 4. Cầu thuốc trị bệnh, vật dụng; 5. Cầu cứu hộ.

Đối với người gặp nguy ách cũng có 5 chủng: 1. Người khó khăn thiếu thốn; 2. Người bị mê loạn; 3. Người đến quy y; 4. Người gửi nhờ giao phó; 5. Người đến gặp gỡ thân cận.

Đối với người có ân cũng có 5 chủng: 1. Mẹ; 2. Cha; 3. Vợ con; 4. Tôi trai, tớ gái; 5. Bạn hữu, huynh đệ, quyến thuộc, tể quan...

Đối với người vui nơi các việc cũng có 5 chủng: 1. Vui do vừa ý nơi sự nghiệp được hưng thịnh; 2. Vui do vừa ý nơi sự nghiệp được hưng thịnh không tổn thất ly tán; 3. Vui do vừa ý với thời tiết dễ chịu, xa lìa khổ nóng bức; 4. Vui do thoát khỏi bệnh tật mệt mỏi; 5. Vui do ham thích cầu thăng tiến.

Đối với người vui nơi pháp cũng có 5 chủng: 1.

Vui thuyết chánh pháp; 2. Vui thọ trì đọc tụng; 3. Vui luận nghị quyết trách; 4. Vui dạy răn dạy trao; 5. Vui tùy pháp hành pháp.

Trong đây, tà hạnh tức là ở nơi những điều ấy hoặc vì tác gia hạnh, hoặc vì không tác gia hạnh, hoặc vì gia hạnh không nhiều ích, hoặc vì gia hạnh không tổn không ích, nên biết là các tướng kia.

Lại nữa, trong hữu tình có 5 chủng tánh chẳng kham nhiệm. Nếu các hữu tình thành tựu tánh đây, chư Phật Như lai còn khó hóa độ, huống chư Bồ-tát hay các bậc khác. Chư Phật Như Lai tuy vui muốn làm nghĩa lợi cho kẻ kia, nhưng kẻ kia không thể lãnh thọ những điều có nghĩa lợi lạc, ngược lại năng làm chướng ngại, huống chư Bồ-tát hay các bậc khác. Những gì là năm? 1. Ở nơi thanh tịnh, tánh không kham nhiệm; 2. Ở nơi gia hạnh, tánh không kham nhiệm; 3. Ở nơi quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm; 4. Ở nơi gia hạnh và quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm; 5. Ở nơi nhiếp thọ nhiều ích, tánh không kham nhiệm.

Ở nơi thanh tịnh, tánh không kham nhiệm: Như có người bản tánh không có pháp Niết-bàn.

Ở nơi gia hạnh, tánh không kham nhiệm: Như

có người đồng pháp Bát-niết-bàn tương tục đã chín muồi, ở đây tạo tác tích tập không gián đoạn nghiệp năng chướng gia hạnh chân chánh. Do nhân duyên đây, trong hiện pháp không thể kham năng tu tập phương tiện chân chánh.

Ở nơi quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm: Như có người đồng pháp Bát-niết-bàn tương tục chưa chín muồi, không tạo tác không tích tập nghiệp năng chướng gia hạnh chân chánh. Do nhân duyên đây, không có công năng thành tựu quả kia.

Ở nơi gia hạnh và quả thành tựu kia, tánh không kham nhiệm: Như có người đồng pháp Bát-niết-bàn tương tục chưa chín muồi, ở đây tạo tác tích tập không gián đoạn nghiệp năng chướng gia hạnh chân chánh. Do nhân duyên đây, cũng không thể kham nhiệm.

Ở nơi nhiếp thọ nhiều ích, tánh không kham nhiệm: Như có người ở đây tạo tác tích tập không gián đoạn nghiệp năng quyết định chiêu cảm thọ bản cùng thiếu thốn khổ não. Do nhân duyên đây, trong hiện pháp chẳng thể giàu có, thiếu thốn, không an vui.

Trái với các tướng đây, nên biết 5 chủng tánh

năng kham nhiệm.

Lại nữa, nếu muốn liễu tri chân thật nghĩa, trước cần liễu tri lược có 5 chủng sự. Ớt-Đà-Nam nói:

*Nêu chung, phân biệt riêng
Hữu, thật, sự thể tục
Hoặc sanh, hoặc khác thấy
Tướng, hành thấy, sắc thấy.*

Sao gọi là 5 sự? 1. Tướng; 2. Danh; 3. Phân biệt; 4. Chân như; 5. Chánh trí.

Tướng là gì? Nếu nói lược thì sở hữu nói bàn đặt để cho sự việc ở nơi đó.

Danh là gì? Chỗ có thêm lời ở nơi các tướng.

Phân biệt là gì? Sở hữu tâm, tâm sở trong hành của ba cõi.

Chân như là gì? Chỗ hiển pháp vô ngã, sở hành thánh trí, chẳng phải tất cả nói bàn mà năng đặt để được.

Chánh trí là gì? Lược có 2 chủng: 1. Chỉ là chánh trí xuất thế gian; 2. Chánh trí thế gian, xuất thế gian.

Sao nói chỉ là chánh trí xuất thế? Do trí đây

nên Thanh văn, Độc giác, Bồ-tát... thông đạt chân như. Lại do trí đây nên chư Bồ-tát khéo tu phương tiện ở nơi năm minh xứ. Vì nhiều trụ tất cả biến hành chân như trí như vậy, nên nhanh chóng chứng đắc viên mãn sở tri chướng thanh tịnh...

Sao nói là chánh trí thế gian, xuất thế gian? Thanh văn, Độc giác dùng chánh trí ban đầu thông đạt chân như rồi, do đây về sau sở đắc chánh trí thế gian, xuất thế gian; ở trong các an lập đế, khiến tâm nhàm sợ quá hoạn của ba cõi, yêu thích vị tịch tĩnh của ba cõi. Lại do phần nhiều an trụ chánh trí đây, nên nhanh chóng chứng đắc viên mãn phiền não chướng thanh tịnh.

Lại tức trí đây chứng đắc nghĩa chưa từng đắc, gọi là xuất thế gian; nghĩa duyên tướng ngôn thuyết làm cảnh giới, cũng gọi là thế gian, cho nên nói là thế gian, xuất thế gian. Thế Tôn nương đây mật ý thuyết lời như vậy: “Ta thuyết có trí thế gian, có trí xuất thế gian, có trí thế gian xuất thế gian”. Nếu trí nhiếp thuộc phân biệt, chỉ gọi là thế gian. Nếu trí nhiếp thuộc chánh trí ban đầu, chỉ gọi là xuất thế gian. Nếu trí nhiếp thuộc chánh trí thứ hai, thì thông cả thế gian xuất thế gian.

Hỏi: Tướng nên nói là có chăng? Nên nói là không chăng?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Vì tự tánh sai biệt giả lập mà kiến lập, như vậy nên nói là có chăng?

Đáp: Như vậy nên nói không.

Hỏi: Vì như phân biệt cảnh sở hành, như vậy nên nói có ư?

Đáp: Như vậy nên nói có. Bởi Bồ-tát được khéo léo ở nơi tướng tánh Có, nên ở trong các tướng khéo ký biệt là có, khéo ký biệt là không, khéo ký biệt là cũng có cũng không, khéo ký biệt là chẳng phải có chẳng phải không. Bồ-tát do khéo ký biệt sai khác như vậy, nên xa lìa hai biên tăng ích-tổn giảm, hành nơi trung đạo, khéo thuyết pháp giới.

Hỏi: Tướng đây dụng nghĩa ngôn thuyết nên nói là có ư? Dụng nghĩa lìa ngôn thuyết nên nói là có ư?

Đáp: Đều do hai nghĩa nên nói là có. Vì có sao? Nếu như lời nói an lập xứ đây, như vậy dụng nghĩa ngôn thuyết nên nói là có. Nếu như tự tánh sai biệt giả lập nghĩa chẳng thành tự, như vậy

dụng nghĩa là ngôn thuyết nên nói là có.

Như tướng, thì danh phân biệt cũng vậy.

Hỏi: Chân như, chánh trí nên nói là có chăng, nên nói là không chăng?

Đáp: Nên nói là có.

Hỏi: Tướng nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Trong hành thật có, nên nói thật có. Trong hành giả có, nên nói giả có. Các hành có tướng cũng có cả hai chủng.

Hỏi: Danh nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói là giả có, vì chỉ ở nơi tướng mà giả thi thiết.

Hỏi: Phân biệt nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Hai chủng đều có.

Hỏi: Chân như nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói thật có, vì nhiếp thẳng nghĩa vậy.

Hỏi: Chánh trí nên nói là thật có, hay nên nói là giả có?

Đáp: Nên nói đều có. Trong đây trí là thật có. Nếu quyển thuộc của trí, như các tâm, tâm sở, cũng là trí mà gọi là giả có. Cho nên nói có cả hai.

Hỏi: Tướng nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thế tục có. Do hai nhân duyên: 1. Vì khởi tạp nhiễm; 2. Vì thi thiết khí.

Hỏi: Danh nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thế tục có. Do 3 nhân duyên: 1. Vì khởi tạp nhiễm; 2. Vì thi thiết khí; 3. Vì chỗ nương của sự nói năng bàn luận.

Hỏi: Phân biệt nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thế tục có. Do 4 nhân duyên: 1. Vì khởi tạp nhiễm; 2. Vì thi thiết khí; 3. Vì ngôn thuyết tùy miên; 4. Vì ngôn thuyết tùy giác.

Hỏi: Chân như nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Nên nói thắng nghĩa có. Đó là cảnh sở duyên tánh thanh tịnh.

Hỏi: Chánh trí nên nói là thế tục có, hay nên nói là thắng nghĩa có?

Đáp: Chánh trí thứ nhất nên nói là thắng nghĩa có. Chánh trí thứ hai nên nói đều có.

Hỏi: Tướng nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói do tướng sanh và phân biệt trước sanh.

Hỏi: Danh nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói do dục của bổ-đặc-già-la sanh.

Hỏi: Phân biệt nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói phân biệt sanh và tướng sanh.

Hỏi: Chân như nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói không sanh.

Hỏi: Chánh trí nên nói cái gì sanh?

Đáp: Nên nói do lắng nghe chánh pháp, như lý tác ý, nên chánh trí được sanh.

Hỏi: Tướng và danh nên nói là khác, hay nên nói là không khác?

Đáp: Điều không thể nói. Vì cơ sao? Nếu nói khác hay không khác đều có lỗi. Lỗi nếu cho là khác: tức danh lẽ là thật có. Lỗi nếu cho là không khác: tức khi nắm lấy tướng lẽ cũng nắm lấy danh.

Hỏi: Tướng và phân biệt nên nói là khác, hay nên nói không khác?

Đáp: Điều không thể nói. Vì cơ sao? Nếu nói

khác hay không khác thấy đều có lỗi. Lỗi nếu cho là khác: tức phân biệt lẽ chẳng phải tướng làm tánh. Lỗi nếu cho là không khác: loại trừ bên ngoài sở hữu các tướng phân biệt, lẽ lấy phân biệt làm tánh.

Hỏi: Tướng và chân như nên nói là khác, hay nên nói là không khác?

Đáp: Đều không thể nói. Vì có sao? Thấy đều có lỗi. Lỗi nếu cho là khác: thắng nghĩa của các tướng lẽ chẳng phải tức chân như. Lại như người tu quán, lẽ xả bỏ các tướng, riêng cầu chân như. Lại lúc ở nơi chân như đắc chánh giác, không lẽ ở nơi tướng cũng đắc chánh giác. Lỗi nếu cho là không khác: như chân như không sai biệt, tất cả tướng cũng lẽ không sai biệt; lại lúc đắc tướng, lẽ phải đắc chân như; lại lúc đắc chân như cũng như đắc tướng, nên không thanh tịnh.

Như các hành trên, thì cộng tướng của vô thường, khổ, vô ngã tuy lại là có, mà không thể nói các hành cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Lại như thân tâm thô trọng và khinh an, tuy lại là có mà không thể nói thân tâm cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Lại như trong pháp, chủng tử

thiện ác vô ký tuy có, mà không thể nói các pháp cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Vì cơ sao? Nếu nói khác hay không khác, thấy đều có lỗi.

Lại như hư không đầy khắp tất cả, ở các sắc xứ tuy có hư không, mà không thể nói các sắc cùng kia hoặc khác hoặc không khác. Vì cơ sao? Nếu nói khác, không khác thấy đều có lỗi. Lỗi nếu nói khác: tức vì hư không chẳng khắp ở tất cả, nên hư không lẽ là vô thường. Lỗi nếu nói không khác: thì lìa sắc, hư không lẽ không chỗ có. Trong đạo lý đây, như chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Trong Thanh văn thừa, có chỗ Thế Tôn nương các hành hiển thị ký biệt đạo lý không khác cũng chẳng phải không khác, như nói Bí-sô: “Thủ chẳng phải tức là uẩn, cũng chẳng lìa uẩn”. Trong đây dục tham gọi là thủ. Lỗi nếu cho là không khác: tức phỉ báng trong uẩn, pháp thiện, vô ký không thanh tịnh. Lỗi nếu cho là khác: tức ở trong các thủ tánh thường tăng thêm không được thanh tịnh.

Như đạo lý tướng và chân như không khác chẳng phải không khác, thì danh, phân biệt, chánh trí và chân như nên biết cũng vậy.

Hỏi: Tướng và chánh trí nên nói là khác, hay

không khác?

Đáp: Như tướng và phân biệt, đều không thể nói.

Hỏi: Danh và phân biệt nên nói là khác, hay không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Danh và chánh trí nên nói là khác, hay không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Phân biệt và chánh trí nên nói là khác, hay không khác?

Đáp: Nên nói là khác.

Hỏi: Tướng có tướng thế nào?

Đáp: Tướng sở hành phân biệt.

Hỏi: Danh có tướng thế nào?

Đáp: Tướng nương tựa lời nói bàn luận.

Hỏi: Phân biệt có tướng thế nào?

Đáp: Tướng là tướng sở hành.

Hỏi: Chân như có tướng thế nào?

Đáp: Tướng sở hành của chánh trí.

Hỏi: Chánh trí có tướng thế nào?

Đáp: Chân như là tướng sở hành.

Hỏi: Tướng có tướng hành thế nào?

Đáp: Tướng đây có chủng chủng tướng hành, vô lượng tướng hành. Do nương phân biệt nên có chủng chủng vô lượng tướng hành: tướng sắc, tướng tâm, tướng tâm sở hữu, tướng tâm bất tương ưng hành, tướng vô vi, tướng uẩn, tướng giới, tướng xứ, tướng duyên khởi, tướng xứ phi xứ, tướng căn, tướng đế, tướng niệm trụ, tướng chánh đoạn, tướng thân túc, tướng căn, tướng lực, tướng giác chi, tướng đạo chi, tướng dấu tích hành, tướng dấu tích pháp, tướng Xa-ma-tha, tướng Tỳ-bát-xá-na, tướng cử, tướng xả, tướng duyên, tướng nương, tướng địa, tướng thủy, tướng hỏa, tướng phong, tướng không, tướng thức, tướng thế giới này, tướng thế giới kia, tướng mặt trời, tướng mặt trăng, tướng địa ngục, tướng bàng sanh, tướng ngạ quỷ, tướng người, tướng chúng Tứ đại vương thiên, tướng Tam thập tam thiên, tướng Dạ-ma thiên, tướng Đổ-sử-đa thiên, tướng Lạc hóa thiên, tướng Tha hóa tự tại thiên, tướng Sơ tinh lục, tướng Đệ nhị tinh lục, tướng Đệ tam tinh lục, tướng Đệ tứ tinh lục, tướng Không vô biên xứ, tướng Thức vô biên xứ, tướng Vô sở hữu xứ, tướng Phi tướng phi phi tướng xứ, tướng khởi, tướng tận, tướng hữu, tướng phi hữu, tướng tạp

niêm, tướng thanh tịnh, tướng kiến-văn-giác-tri, tướng đã đắc tâm cầu, tướng tâm tùy tâm tứ... Hết thấy loại như vậy có vô lượng tướng khác biệt.

Lại có 6 tướng: 1. Tướng hữu tướng: sở hữu tướng phân biệt hiểu rõ sự danh; 2. Tướng vô tướng: sở hữu tướng phân biệt không sự danh; 3. Tướng hẹp nhỏ: sở hữu tướng phân biệt sự Dục giới; 4. Tướng rộng lớn: sở hữu tướng phân biệt sự Sắc giới; 5. Tướng vô lượng: sở hữu tướng phân biệt sự Không vô biên, Thức vô biên xứ và Vô sắc giới; 6. Tướng vô sở hữu: sở hữu tướng phân biệt sự Vô sở hữu xứ và Vô sắc giới.

Lại có 5 tướng khác: 1. Tướng tướng; 2. Tướng danh; 3. Tướng phân biệt; 4. Tướng chân như; 5. Tướng chánh trí.

Lại có 2 tướng khác: 1. Tướng bản tánh: là tướng được tạo thành do phân biệt trước sanh khởi và tướng sanh khởi; 2. Tướng ảnh tượng: là tướng do biến kế phát khởi, thắng giải hiển hiện, chẳng phải trụ bản tánh.

Hỏi: Danh có tướng hành thế nào?

Đáp: Do thế lực của tướng mà danh cũng có chủng chủng vô lượng tướng hành, nếu nói lược có

12 chủng: 1. Danh giả thiết; 2. Danh thật sự; 3. Danh tương ưng đồng loại; 4. Danh tương ưng dị loại; 5. Danh tùy đức; 6. Danh giả lập; 7. Danh cùng biết; 8. Danh chẳng phải cùng biết; 9. Danh hiển rõ; 10. Danh không hiển rõ; 11. Danh chung; 12. Danh riêng.

Hỏi: Phân biệt có tướng hành thế nào?

Đáp: Do thế lực của tướng, danh, nên phân biệt cũng có vô lượng chủng chủng tướng hành, nếu nói lược nên biết có 7 chủng: 1. Phân biệt hữu tướng; 2. Phân biệt vô tướng; 3. Phân biệt nhậm vận ở nơi cảnh giới; 4. Phân biệt tầm cầu; 5. Phân biệt tứ sát; 6. Phân biệt nhiễm ô; 7. Phân biệt không nhiễm ô.

Hỏi: Chân như có tướng hành thế nào?

Đáp: Tướng hành của tướng đây không thể nói.

Hỏi: Chánh trí có tướng hành thế nào?

Đáp: Nếu chánh trí xuất thế gian thì tướng hành của tướng đây cũng không thể nói. Nếu chánh trí thế gian xuất thế gian, có nắm lấy tướng hành an lập để.

Lại hoặc tướng, hoặc ảnh tượng, hoặc hiển

hiện, hoặc hữu, hoặc hý luận, hoặc thân, hoặc hữu vi, hoặc tư sở tạo, hoặc duyên sanh... hết thấy loại như vậy là tướng sai biệt.

Hoặc danh, hoặc tướng, hoặc thi thiết, hoặc giả ngôn thuyết, hoặc thế tục, hoặc giả lập, hoặc ngôn luận... hết thấy như vậy là danh sai biệt.

Hoặc phân biệt, hoặc tư duy, hoặc biến kế, hoặc tà đạo, hoặc tà hạnh, hoặc vượt dòng, hoặc nắm giữ bất chánh... hết thấy loại như vậy là phân biệt sai biệt.

Hoặc chân như, hoặc thật tánh, hoặc đế tánh, hoặc diên đảo tánh, hoặc không diên đảo tánh, hoặc vô hý luận giới, hoặc vô tướng giới, hoặc pháp giới, hoặc thật tế... hết thấy như vậy là chân như sai biệt.

Hoặc chánh trí, hoặc chánh tuệ, hoặc chánh giác, hoặc chánh đạo, hoặc chánh hạnh, hoặc chánh lưu, hoặc chánh thủ... hết thấy loại như vậy là chánh trí sai biệt.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu sắc, bao nhiêu tâm, bao nhiêu tâm sở hữu, bao nhiêu tâm không tương ưng hành, bao nhiêu vô vi?

Đáp: Tướng thông cả năm chủng. Danh duy

chỉ có tâm không tương ứng hành. Phân biệt, chánh trí thông tâm và tâm sở hữu. Chân như chỉ có vô vi.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc uẩn, bao nhiêu không nhiếp thuộc uẩn?

Đáp: Ba nhiếp thuộc uẩn. Tướng nhiếp thuộc, không nhiếp thuộc. Chân như không nhiếp thuộc.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc giới xứ, bao nhiêu không nhiếp thuộc giới xứ?

Đáp: Tất cả đều nhiếp thuộc giới xứ.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc duyên khởi, bao nhiêu không nhiếp thuộc duyên khởi?

Đáp: Ba nhiếp thuộc duyên khởi. Tướng nhiếp thuộc, không nhiếp thuộc. Chân như không nhiếp thuộc. Như nhiếp thuộc duyên khởi, thì nhiếp thuộc xứ, phi xứ, nhiếp thuộc căn cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc đế, bao nhiêu không nhiếp thuộc đế?

Đáp: Đế có hai chủng là an lập đế và phi an lập đế. An lập đế là bốn Thánh đế. Phi an lập đế là chân như. Trong đây ba nhiếp thuộc an lập đế. Tướng cũng nhiếp thuộc, cũng không nhiếp thuộc.

Chân như chỉ nhiếp thuộc phi an lập đế.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc nhân duyên, bao nhiêu nhiếp thuộc đẳng vô gián duyên, bao nhiêu nhiếp thuộc sở duyên duyên, bao nhiêu nhiếp thuộc tăng thượng duyên?

Đáp: Tướng nhiếp thuộc tất cả duyên. Danh không nhiếp thuộc đẳng vô gián duyên. Phân biệt, chánh trí nhiếp thuộc bốn duyên. Chân như chỉ nhiếp thuộc sở duyên duyên.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhiếp thuộc y pháp, bao nhiêu y nghĩa, bao nhiêu y kinh liễu nghĩa, bao nhiêu y trí?

Đáp: Tướng nhiếp thuộc ba y. Danh chỉ nhiếp thuộc y pháp. Như tướng, phân biệt cũng vậy. Sở hành chân như trí nhiếp thuộc y nghĩa. Chánh trí chỉ nhiếp thuộc y trí.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu sắc, bao nhiêu vô sắc?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Phân biệt, chánh trí chỉ là vô sắc. Danh và chân như đều chẳng phải hai chủng, vì là giả có, vì không thể nói. Như hữu sắc, vô sắc, thì có đối ngại, không đối ngại, có thể thấy, không thể thấy cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh, phân biệt là hữu lậu. Chân như, chánh trí là vô lậu. Chân như vì nghĩa sở duyên lậu tận, nên gọi là vô lậu, vì chẳng phải nghĩa tướng lậu tận. Chánh trí vì nghĩa đối trị, đắc lậu tận, nên gọi là vô lậu.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu vi, bao nhiêu vô vi?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Ba sự là hữu vi. Chân như chỉ là vô vi, vì nghĩa sở duyên các hành tịch tĩnh, vì chẳng phải nghĩa tướng tịch tĩnh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu tránh, bao nhiêu vô tránh?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh, phân biệt chỉ là hữu tránh. Chân như, chánh trí chỉ là vô tránh. Như hữu lậu, vô lậu, trong đạo lý đây nên biết cũng vậy. Như hữu tránh, vô tránh, thì hữu ái vị, vô ái vị, nương đam mê vui thích, nương ra khỏi xa lìa nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu thế gian, bao nhiêu xuất thế gian?

Đáp: Ba là thế gian. Chân như là xuất thế

gian. Chánh trí một phần duy chỉ xuất thế gian, một phần thông thế gian, xuất thế gian. Chân như vì nghĩa sở duyên tất cả ngôn thuyết hý luận tịch tĩnh nên gọi là xuất thế gian, vì chẳng phải nghĩa tướng vượt quá ngôn thuyết hý luận. Như thế gian, xuất thế gian, thì nhiếp đọa, nhiếp chẳng phải đọa nên biết cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nội, bao nhiêu ngoại?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh chỉ là ngoại. Phân biệt nhiếp thuộc sanh nên thông cả hai chủng. Chân như không thuộc hai chủng. Như phân biệt, chánh trí cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu thô, bao nhiêu tế?

Đáp: Ba thông hai chủng. Chân như chỉ có tế, vì nghĩa khó nhận biết, vì chẳng phải nghĩa tướng giảm dần cho đến cực thâm tóm. Chánh trí chỉ có tế, vì nghĩa hành tế.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu liệt, bao nhiêu thắng?

Đáp: Ba thông hai chủng. Chân như chỉ có thắng, vì nghĩa sở duyên thanh tịnh, vì chẳng phải

nghĩa tướng từ hạ liệt đến thắng tiến. Chánh trí chỉ là thắng, vì chân như là nghĩa sở hành.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu xa, bao nhiêu gần?

Đáp: Tướng do xứ xa, thời xa nên đều thông hai chủng. Danh, phân biệt, chánh trí do thời xa nên đều thông hai chủng. Chân như do cả hai nên đều chẳng phải hai chủng, vì dụng vô vi vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu có chấp thọ, bao nhiêu không chấp thọ?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh, phân biệt, chánh trí không chấp thọ. Chân như đều chẳng phải hai chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu đồng phận, bao nhiêu đồng phận kia?

Đáp: Tướng thông hai chủng, còn lại chẳng thuộc hai chủng. Bởi chỉ nương các căn hữu sắc mà kiến lập đồng phận, đồng phận kia.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu nhân, bao nhiêu chẳng phải nhân?

Đáp: Bốn là nhân. Chân như chẳng phải nhân. Như nhân, chẳng phải nhân, thì quả, chẳng phải quả, có nhân, chẳng phải có nhân, có quả, chẳng

phải có quả cũng vậy.

Hỏi: Năm quả như vậy bao nhiêu là dị thực, bao nhiêu chẳng phải là dị thực?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh chẳng phải dị thực. Phân biệt thông hai chủng. Chân như đều chẳng phải hai chủng. Chánh trí chẳng phải dị thực.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu có dị thực, bao nhiêu chẳng phải có dị thực.

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh chẳng phải có dị thực. Phân biệt thông hai chủng. Chân như đều chẳng phải hai chủng. Chánh trí nhất định chẳng phải có dị thực.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu có sở duyên, bao nhiêu không sở duyên?

Đáp: Tướng thông hai chủng. Danh không sở duyên. Phân biệt và chánh trí đều là có sở duyên. Chân như đều chẳng phải hai chủng. Như có sở duyên, không sở duyên, thì tương ưng, không tương ưng, có hành, không hành, có y, không y cũng vậy.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hữu thượng, bao nhiêu vô thượng?

Đáp: Bốn hữu thượng. Chân như vô thượng, vì

nghĩa sở duyên vô vi thanh tịnh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu quá khứ, vị lai, hiện tại, bao nhiêu chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại?

Đáp: Bốn thông ba chủng. Chân như chẳng phải ba chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu hệ buộc Dục giới, bao nhiêu hệ buộc Sắc giới, bao nhiêu hệ buộc Vô sắc giới, bao nhiêu không hệ buộc?

Đáp: Ba thuộc hệ buộc Dục giới, hệ buộc Sắc giới. Hệ buộc Vô sắc giới cũng vậy. Chánh trí một chủng, hoặc chỉ xuất thế gian là không hệ buộc, hoặc thế gian xuất thế gian thông cả hệ buộc, không hệ buộc. Chân như đều chẳng phải hai chủng.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký?

Đáp: Tướng và phân biệt thông ba chủng. Danh duy chỉ vô ký. Chân như duy chỉ thiện, vì nghĩa sở duyên thanh tịnh khéo léo, chẳng phải nghĩa tướng năng nhiếp sanh quả khả ái. Chánh trí duy chỉ thiện.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu do văn mà thành, cảnh do văn mà thành; bao nhiêu do tư mà

thành, cảnh do tư mà thành; bao nhiêu do tu mà thành, cảnh do tu mà thành?

Đáp: Tướng và phân biệt là ba chủng, là ba chủng cảnh. Danh là do văn-tư mà thành, là ba chủng cảnh. Chân như chỉ là cảnh do tu mà thành. Chánh trí là do tu mà thành, là ba chủng cảnh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu là không, là cảnh không; bao nhiêu là vô nguyện, là cảnh vô nguyện; bao nhiêu là vô tướng, là cảnh vô tướng?

Đáp: Tướng thông ba chủng, cũng là ba chủng cảnh. Danh chẳng phải ba chủng, là hai chủng cảnh. Phân biệt thông ba chủng, là hai chủng cảnh. Chân như chẳng phải ba chủng, là cảnh không, vô tướng. Chánh trí thông ba chủng, là cảnh sở hành không. Nếu không sai biệt thì thuyết chung là không, vô nguyện, vô tướng, nên biết trong đây thông văn, tư, tu mà thành tựu làm tánh. Nếu chỉ lấy danh tam-ma-địa mà tuyên thuyết, nên biết trong đây chỉ do tu mà thành tựu làm tánh, thông thể xuất thế. Nếu chỉ lấy danh giải thoát môn mà tuyên thuyết, nên biết trong đây chỉ có xuất thế gian lấy do tu mà thành tựu làm tánh.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu tăng thượng

giới, bao nhiêu quyền thuộc tăng thượng giới; bao nhiêu tăng thượng tâm, sở hành tăng thượng tâm; bao nhiêu tăng thượng tuệ, sở hành tăng thượng tuệ?

Đáp: Tướng là tăng thượng giới, quyền thuộc tăng thượng giới; là tăng thượng tâm, tuệ, cũng là sở hành tâm, tuệ. Danh là quyền thuộc giới, cũng là tăng thượng tâm, tuệ, là sở hành tâm, tuệ. Phân biệt là tăng thượng tâm, tuệ, cũng là sở hành tâm, tuệ, là quyền thuộc tăng thượng giới. Chân như là sở hành tăng thượng tâm, tuệ, chẳng phải ba chủng. Chánh trí là tăng thượng tâm, tuệ, cũng sở hành tâm, tuệ, là quyền thuộc tăng thượng giới.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu học, bao nhiêu vô học, bao nhiêu phi học phi vô học?

Đáp: Tướng và phân biệt thông ba chủng. Danh duy chỉ phi học phi vô học. Chân như cũng phi học phi vô học, vì là vô vi vậy. Chánh trí thông học và vô học.

Hỏi: Năm sự như vậy bao nhiêu kiến sở đoạn, bao nhiêu tu sở đoạn, bao nhiêu không đoạn?

Đáp: Tướng thông tất cả. Danh chỉ tu sở đoạn. Phân biệt thông kiến và tu sở đoạn. Chân như là

không đoạn. Chánh trí cũng chỉ là không đoạn.

Hỏi: Duyên tướng làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Bốn.

Hỏi: Duyên danh làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Một là pháp niệm trụ.

Hỏi: Duyên phân biệt làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Ba. Đó là thọ, tâm, pháp niệm trụ.

Hỏi: Duyên chân như làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Một là pháp niệm trụ. Lại tư duy tướng thân là chân như, cũng tu hoại duyên pháp niệm trụ. Tướng thọ, tâm, pháp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Duyên chánh trí làm cảnh, tu bao nhiêu niệm trụ?

Đáp: Ba, như phân biệt đã thuyết.

Hỏi: Duyên tướng làm cảnh, nên nói năng xả pháp ác bất thiện đã sanh chưa sanh, hay nên nói không năng xả chẳng?

Đáp: Nên nói vì đoạn tổn phục nên xả, chẳng phải đoạn trừ vĩnh viễn tùy miên nên xả. Như

tướng, thì danh, phân biệt cũng vậy. Duyên chân như và chánh trí làm cảnh nên nói cũng do đoạn trừ vĩnh viễn tùy miên nên xả.

Hỏi: Trong năm sự đây, tư duy bao nhiêu sự năng nhập Sơ tinh lự định thế gian?

Đáp: Tư duy tướng, danh, phân biệt hệ buộc Dục giới và hệ buộc Sơ tinh lự. Như vậy tư duy tướng, danh, phân biệt hệ buộc địa dưới và hệ buộc Đệ nhị tinh lự địa, năng nhập Đệ nhị tinh lự thế gian. Như vậy tinh lự vô sắc còn lại, như chỗ thích hợp nên biết cũng vậy.

Hỏi: Trong năm sự đây, tư duy bao nhiêu sự năng nhập Sơ tinh lự định xuất thế?

Đáp: Tức tư duy tướng, danh, phân biệt, chân như hệ buộc Dục giới và hệ buộc Sơ tinh lự địa. Như vậy cho đến Vô sở hữu xứ, tùy chỗ thích hợp nên biết cũng vậy. Phi tướng phi phi tướng xứ bản tánh pháp nhĩ chỉ là thế gian.

Hỏi: Tướng hệ buộc Phi tướng phi phi tướng xứ nên nói là tướng chăng?

Đáp: Nên nói là tướng vô tướng, cũng gọi là tướng vi tế.

Hỏi: Trong năm sự đây, các pháp như tín... lấy

gì làm tự tánh, lấy gì làm sở duyên, lấy gì làm tăng thượng mà được gọi là căn?

Đáp: Lấy phân biệt làm tự tánh. Lấy tướng, danh làm sở duyên. Lấy chân như, chánh trí làm tăng thượng mà được gọi là căn. Như tên gọi “căn”, thì tên gọi “lực” cũng vậy.

Hỏi: Ở trong vị nào mà được gọi là lực?

Đáp: Tức tín căn... không có sự lẫn tạp của bất tín... Nếu khi thành tựu pháp không xen tạp, chuyển danh là lực.

Như căn và lực, nên biết nếu đặc chi Bồ-đề gọi là giác chi, đây là giác chi thế gian, lấy phân biệt làm tự tánh. Nếu nương chi Bồ-đề gọi là giác chi, đây là giác chi xuất thế gian, lấy chánh trí làm tự tánh, chân như làm sở duyên, với giác ngộ an lập để làm tăng thượng.

Lại các đạo chi như chánh kiến... nếu là thế gian thì như trước, nếu là xuất thế gian thì lấy chánh trí làm tự tánh. Trừ các giới chi, an lập, phi an lập, chân như làm sở duyên, ở nơi sở chứng đắc tất cả lậu tận hiện pháp lạc trú làm tăng thượng.

Như các đạo chi, thì dấu tích hành, dấu tích pháp, Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na... nên biết cũng vậy.

Trong đây dấu tích hành nương độn căn, lợi căn; đã được, chưa được hiện pháp lạc trú sai biệt mà kiến lập. Nếu dấu tích pháp, nương năng nhậm trì chánh pháp thế tục, thắng nghĩa sai biệt mà kiến lập, tức là do nhậm trì chánh pháp thế tục tăng thượng giới nên kiến lập thứ nhất và thứ hai. Do nhậm trì chánh pháp thắng nghĩa tăng thượng tâm, tăng thượng tuệ còn lại, nên về sau kiến lập thứ ba và thứ tư. Lại do nghĩa không tán loạn ở nơi cảnh sở duyên và nghĩa quán sát kia mà kiến lập Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na.

Hỏi: Nương tướng năng giải thoát và giải thoát hai chủng thô trọng phược, nên lập tám giải thoát. Ở trong năm sự đây, lấy gì làm tự tánh, lấy gì làm sở duyên, lấy gì làm tăng thượng?

Đáp: Lấy chánh trí thế gian, xuất thế gian làm tự tánh. Giải thoát thứ nhất và thứ hai ở trong các sắc lấy tướng hiển sắc và tướng chân như làm sở duyên. Thứ ba tức ở trong các sắc lấy tướng nhiếp thọ và tướng chân như kia làm sở duyên. Bốn chủng kế, mỗi mỗi lấy tự tướng làm sở duyên, cùng chân như kia làm sở duyên. Chủng cuối không sở duyên, ở nơi năng dẫn phát tất cả công đức

thánh thần thông làm tăng thượng.

Lại nói về người tu quán nơi tướng các sắc và tướng vô sắc, bị chỗ chướng của chướng tự tại, vì đoạn trừ chướng đây, nên khởi quán hành trong các thắng xứ, bốn chủng thắng xứ đầu như giải thoát thứ nhất và thứ hai, bốn chủng sau như giải thoát thứ ba. Do ở nơi tướng sắc rất khó thắng phục, nên lúc ở nơi sự đây thắng phục, tức ở nơi tướng vô sắc cũng được tự tại thù thắng.

Lại nói về thắng tri thắng kiến. Đó là các bậc Thánh do chánh tác ý tư duy tướng các sắc chân như, nên được thắng tri kiến. Nếu các dị sanh ắt không như vậy.

Hỏi: Nếu vậy, dị sanh sao được gọi là thắng?

Đáp: Do ba chủng tướng: nơi sắc tịnh, bất tịnh, do tướng triển chuyển chờ đợi nhau. Vì triển chuyển chờ đợi nhau ở nơi sắc tịnh, bất tịnh, do tướng triển chuyển phụ thuộc nhau. Vì triển chuyển phụ thuộc nhau, nên ở nơi sắc tịnh, bất tịnh, do tướng một vị thanh tịnh. Điều cuối cùng đây thắng vượt hơn, cả hai là dị sanh và thánh giả đều cùng đắc.

Lại mười biến xứ, tướng đây nên biết do lực sở duyên thắng xứ. Trong đây có sự sai biệt, tức cũng

lấy tướng đại chủng làm sở duyên và tướng chân như kia làm sở duyên. Lại tướng không vô biên xứ, thức vô biên xứ làm sở duyên, cùng tướng chân như kia làm sở duyên. Nếu chẳng vậy, do chỗ y nương không biến mãn, mà năng y nương chẳng lẽ được thành biến mãn? Bởi tướng kia sở duyên chân như, sở duyên cảnh giới, cực biến mãn, nên được gọi là biến mãn. Do thế lực hai chủng thắng biến mãn, khiến các giải thoát cũng được thanh tịnh, lại năng dẫn phát tất cả công đức thân thông của bậc Thánh.

